

diễn đàn

Số 90/ 11.1999

ISSN 1164-

F O R U M



Đình Lực, *Phố trên sông*, tranh khắc gỗ

Chủ bài và trở lực

Hoà Vân

1975 - 2000 - ... Nghĩ về một tương lai không quá xa xôi, nhưng cũng chẳng quá gần, khoảng một phần tư thế kỷ chẳng hạn - như quãng thời gian vừa trôi qua -, một câu hỏi không thể không đặt ra cho Việt Nam cũng như cho các quốc gia, dân tộc khác, là mình có những ưu, lợi thế gì, những trở lực nào có khả năng ngăn cản sự phát huy các ưu thế ấy trên con đường mưu cầu hạnh phúc của mình. Câu hỏi dĩ nhiên quá lớn, và đòi hỏi nhiều công trình nghiên cứu, thảo luận giữa những người có trách nhiệm cầm lái con thuyền quốc gia và mọi tầng lớp công dân, đặc biệt là giới trí thức.

Dưới đây chỉ là vài suy nghĩ tản mạn, với nhiều dấu hỏi hơn là những câu trả lời, xin được coi như một lời mời gọi đóng góp của bạn đọc vào cuộc thảo luận nhiều hơn là những xác tín.

1. Trước khi đi xa hơn, xin trở lại đôi chút về cái chủ đề trong câu hỏi. Không đi vào những tranh cãi về tính chính đáng hay không của chế độ, bài này sẽ dùng những từ ‘(nước) Việt Nam’ trong nghĩa bình thường của nó : một quốc gia được cộng đồng thế giới nhìn nhận chủ quyền trên một lãnh thổ có biên giới xác định (dù còn một vài tranh chấp chưa giải quyết với vài nước láng giềng), và trên hết, là những người dân chia sẻ cuộc sống trên lãnh thổ đó, tạm gọi là dân tộc Việt Nam. Tất nhiên, không biệt ‘Kinh, Thượng’, ‘luong, giáo’, chính kiến v.v..., song, không tính tới những người nước ngoài tới đây trong một thời gian ngắn để làm những việc của họ, và cũng xin gác bên ngoài những suy nghĩ dưới đây cái mà người ta quen gọi là ‘cộng đồng người Việt ở nước ngoài’. Gác bên ngoài đây không có nghĩa là một sự ‘loại trừ’ nào đó mà chỉ là một sự xác lập giới hạn của bài viết. Và chẳng, người viết không nghĩ rằng tương lai của đất nước lại phụ thuộc đến mức quyết định vào những người mà cuộc sống rải rác nơi xứ người đầu sao cũng giới hạn suy nghĩ và hành động liên quan tới đất nước ; song, phân tích điều đó lại là một chuyện khác.

(xem tiếp trang 11)

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- 1 Chủ bài và trở lực Hoà Vân
5 Tin / Thời sự

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- 13 Tư tưởng dân chủ đầu thế kỷ Trần Ngọc Vương
16 Gặp một người Mỹ trên đất Đức Nguyễn Văn Thọ
19 Thư Deauville Kiến Văn
20 Tháng chạp nhớ P.Q. Mai Ninh
22 Tên gốc trống đồng Đông Sơn Nguyễn Tài Cần
25 Ngôn ngữ của hình ảnh Văn Ngọc
27 Tìm chữ xuyên không gian xybe
31 Hồi tưởng Trần Hạnh

To be or not to be...

Diễn Đàn số 94 (tháng 3/2000) đăng bài “*Án mạng dưới chân Tháp Eiffel*”, trong đó khi tả viên thanh tra cảnh sát da đen, có một số câu kỳ thị : “ *Chỉ có giống người nửa khỉ như nó mới có lối đùa thanh nhã như vậy* ” (trang 29 cột 2 dòng 24), “ *thằng Bakoula này đen bóng quá, hình như còn có mùi* ” (trang 29 cột 2 dòng 6). Trong Diễn Đàn số 92 (tháng 1/2000) bài “ *Hải nữ* ” cũng có câu “ *cái thứ dở dằm thì sẽ ăn ở không ra gì* ” (trang 29, cột 1, dòng 30). Đáng ngạc nhiên là Diễn Đàn đã đăng hai bài này, và lại càng đáng ngạc nhiên là đã đăng không có lời giải thích. Đã đành rằng đó là các lời nói và ý nghĩ mà các tác giả gán cho nhân vật trong truyện của mình, như thường thấy trong Văn học, nhưng :

1/ Trong 2 truyện, các tác giả đều dùng đại từ « *tôi* » để chỉ nhân vật của mình, cho cảm tưởng rằng tác giả mượn lời của nhân vật của mình để diễn tả ý của mình. Đọc trong bài “ *Án mạng dưới chân Tháp Eiffel* ”, đây không phải là « *hắn* » nghĩ rằng, mà là « *tôi* » nghĩ rằng... Đọc câu trong bài “ *Hải nữ* ”, cùng lắm có thể hiểu là “ *mẹ tôi* ” nghĩ rằng (nếu có kỳ thị thì là “ *mẹ tôi* ” kỳ thị chứ không phải là « *tôi* » kỳ thị, tuy « *tôi* » không phản đối) ?

2/ Trong truyện, các nhân vật « *tôi* » này đều không được diễn tả như những nhân vật « *khả ố* », thô bỉ đáng ghét, mà ngược lại phân nào họ lại có thể gây thiện cảm cho độc giả. Vậy thì những nhân vật có thiện cảm này phát biểu những lời kỳ thị kia cho ai, để làm gì ? Để cho độc giả đồng tình chăng : đúng, đúng là *giống người nửa khỉ*, đúng là *có mùi*, đúng là *ăn ở không ra gì* ? Nếu nhân vật « *tôi* » mà *khả ố*, thì còn biện minh rằng những ý và lời kỳ thị phát ra từ những nhân vật *khả ố*, tất là cũng *khả ố*. Nhưng đây không phải như vậy, dù khi cuối bài “ *Án mạng ...* ”, có câu vớt vát « *người bạn tôi bắt đầu mền* » khi nói về cái chết của viên thanh tra cảnh sát kia.

3/ Cũng có thể có người giả thiết rằng những câu trích ra ở trên đây chỉ là lời hoặc ý nghĩ của các nhân vật chứ không phải của tác giả, người không kỳ thị. Chúng tôi nghĩ là ban biên tập, trước khi đăng bài, biết rõ tác giả. Nhưng một độc giả bình thường có thể đặt câu hỏi là lấy gì làm bằng chứng để khẳng định rằng thật sự người đó không kỳ thị ?

4/ Trong Văn học, có thể nói là không ép cốt truyện phải « *politically correct* ». Nhưng trong trường hợp đang đề cập, cái nguy hiểm là có khả năng « *bình thường hóa* » (banaliser) những loại câu kỳ thị, đặc biệt khi nói đến người da đen. Hiện nay xã hội mà trong đó chúng ta đang sống đang phải hàng ngày đương đầu với mọi loại vấn đề kỳ thị. Đừng đổ thêm dầu vào lửa. Còn những câu kỳ thị với người Pháp « *chính cống* »,

Tin buồn

Chúng tôi được tin

cụ bà *Nguyễn Pierre*
nhũ danh *Lương Thị Bông*

đã từ trần ngày 13 tháng 3 năm 2000 tại Ivry, thọ 75 tuổi.
Tang lễ đã cử hành ngày 18-3.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh chị Hà Dương Tường, Thanh Tùng và toàn thể tang quyến.

Bạn đọc và Diễn Đàn

chỉ mở rộng thêm khoảng cách giữa chúng ta và xã hội chúng ta đang sống. Không lẽ chúng ta không muốn hòa nhập ? Đối với chúng tôi, văn chương không ở trên cung mây ; nó có trách nhiệm với xã hội.

Diễn Đàn vốn là tờ tạp chí trí thức và tiến bộ, nghĩa là trên nguyên tắc chống kỳ thị. Mong Ban biên tập cho biết lý do tại sao đã đăng các bài báo loại trên không hề có lời giải thích, khi đăng những loại bài như vậy.

Hy vọng là Diễn Đàn không đang chuyển hướng.

LVC và BTL (Pháp)



Kết tội kỳ thị chủng tộc truyện « Án mạng dưới chân tháp Eiffel », đối với tôi, là một lời kết tội trầm trọng. Do đó tôi viết những dòng sau đây với tất cả sự nghiêm nghị cần thiết.

Nhân vật kể chuyện đã nghĩ về nhân vật người Phi châu như một kẻ « có mùi » thuộc « giống người nửa khỉ ». Tôi xin rõ ràng : đúng, những ý nghĩ này đúng là kỳ thị chủng tộc và hoàn toàn không thể chấp nhận được. Tác giả, khi viết những điều này, mong người đọc nhìn thấy đầu óc kỳ thị của nhân vật kể chuyện. Một nhân vật có ngày sẽ giống những kẻ đã bầu cho Le Pen ở Pháp, cho Haider ở Áo, hận thù (vì sợ) những người khác mình, thí dụ như những người đồng tình luyến ái. Cuối truyện, hắn có bắt đầu mền người bạn Phi châu cũng không vớt vát được gì cho ai cả.

Có cần ngôi giải thích là, trong một tiểu thuyết, nhân vật kể chuyện dù xưng tôi cũng không nhất thiết là tác giả ? Theo tôi, ai quen đọc sáng tác hư cấu sẽ nghĩ lời giải thích này là thừa.

Phải chăng tác giả có một ý đồ đen tối khi đặt kỳ thị chủng tộc vào đầu một nhân vật của mình ? Sự thật giản dị hơn nhiều. Khi viết « Án mạng », tôi nghĩ đến những chuyện lố bịch và hơn nữa, làm mình khó chịu bực mình. Khi đó không thể thiếu cái chuyện đụng chạm tới tất cả những giá trị của tôi, là sự kỳ thị chủng tộc.

Kỳ thị chủng tộc càng đáng có chỗ trong truyện « Án mạng » vì nó còn phổ biến trong cộng đồng người Việt, và, nguy hiểm hơn, nó là một hiện tượng xã hội vẫn đầy đủ tính

Tin buồn

Chúng tôi được tin

hoạ sĩ *Nguyễn Văn Thiệu*

đã từ trần ngày 15 tháng 2 năm 2000 tại Hà Nội, thọ 89 tuổi. Tang lễ đã cử hành ngày 16-2 .

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh Nguyễn Văn Thọ, chị Nguyễn Hiền Ngọc và toàn thể tang quyến.

thời sự ngày hôm nay ở Pháp. Một thí dụ rất gần : cuộc điều tra dư luận hàng năm của Ban Tư vấn Quốc gia về Nhân quyền ở Pháp (CNCDH) cho biết trong năm 1999 kỳ thị chủng tộc đã gia tăng ở Pháp. 70 % người được thăm dò « bức mình vì sự hiện diện của các cộng đồng không có gốc Á châu », 68 % nhìn nhận mình có ít nhiều ý nghĩ kỳ thị chủng tộc. Chỉ có 29 % quả quyết mình không kỳ thị, tỷ lệ thấp nhất... từ 10 năm nay (đọc báo Le Monde ngày 16/3/2000 trang 12). Tin này đến ngay sau khi bọn Haider, nazi kiểu mới ra sao đi nữa, bước vào chính phủ nhờ phiếu của 27 % dân Áo.

Có lo lắng rằng truyện « Ân mạng » bình thường hoá những suy nghĩ kỳ thị chủng tộc. Điều chắc chắn là những suy nghĩ này đã được bình thường hoá một cách đáng kể bởi nhiều nhà lãnh đạo chính trị Pháp bán tâm hồn mình lấy phiếu, và bởi các media Pháp rọi đèn thường trực vào các khu vực bất an đồng dân nhập cư.

Tôi không thấy cần thiết phải khẳng định và chứng minh là mình không kỳ thị. Tôi chỉ muốn nhân dịp này, nói thêm về một hiểm nguy có thật trong xã hội mình đang sống. Và sẽ tiếp tục tìm cách đập vào con thú đáng ghê tởm (nói như Bertolt Brecht).

Vũ Hồi Nguyên



Xin cảm ơn các anh BTL và LVC đã tạo cơ hội cho Diễn Đàn mình xác chủ trương của mình là : tôn trọng những giá trị nhân bản, trong đó có việc chống lại tư tưởng kỳ thị chủng tộc. Chống kỳ thị là giá trị mà chúng tôi cũng như hai anh kêu gọi bảo vệ. Vậy tại sao đăng những truyện ngắn như “ Hải Nữ ” và “ Ân mạng dưới chân tháp Eiffel ”, mà không có lời giải thích ? Lý do giản dị là : a) chúng tôi nhận thấy đó là hai truyện ngắn có giá trị, không hề đi ngược lại chủ trương của tờ báo ; và b) ĐĐ cho rằng nội dung của mỗi truyện ngắn tự giải thích cho nó, không cần bình phẩm hay giải thích gì thêm.

Trong trường hợp có độc giả hiểu nhầm nội dung, và vì có cảm tình với Diễn Đàn cho nên thấy kỳ thị là đúng, thì quả là chúng tôi có lỗi với những người đồng chia sẻ giá trị nói trên, và với chính mình.

Tuy nhiên, mặc dù rằng mỗi người đọc tác phẩm văn học một cách khác nhau, với các độc giả nổi giận vì thấy các truyện này khuyến khích tư tưởng kỳ thị, chúng tôi chỉ xin bình tĩnh đọc lại :

DIỄN ĐÀN FORUM

—
Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đổ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,
 Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :
 Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,
 Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,
 Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,
 Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,
 Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,
 Hải Văn, Hoà Văn

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180F, 1/4 trang : 300F, 1/2 trang : 550 F trang, 1 trang : 1000F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đăng liền tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chúng tôi đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên.....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếu FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức là 40 Euro) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 Euro ;
 Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 Euro) .

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIENDAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, séc đề tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W. Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (bulletin de versement virement).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBARG-SULZBERG, Konto : N□ 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

“ Je ne suis pas retournée au Vietnam, mais à la peinture...”

Siu Pham

peintre vietnamienne

peintures et dessins

exposition du 6 avril au 13 mai 2000

Librairie-Galerie IMPRESSIONS

15 rue Ternaux, Paris 11, 01 43 57 53 10, M° Parmentier -
Oberkampf ; ouvert mercredi de 18h à 22h,
samedi de 14h à 20h et sur rendez-vous

1. “ Hải nữ ” nhằm mô tả những mê sảng của một người có tâm bệnh, người đọc có thể thấy một trong những lý do là có bà mẹ quá chiếm ngự (mère possessive), người đã nói một câu có thể cho là có nội dung kỳ thị : “ “ cái thứ dở dâm ” (tác giả để trong ngoặc kép) thì sẽ ăn ở không ra gì ” . “ Dở dâm ” không phải là “ dâm ” mà là ta, nhưng chẳng ra ta mà cũng chẳng ra dâm. Đó là suy nghĩ của bà cụ.

Đây có phải một thực trạng tâm lý - xã hội đáng buồn nhưng có thực không ? và có cần nói lên không ? Câu trả lời có thể khác nhau tùy người và tùy câu hỏi. Nhưng chúng tôi trân trọng thái độ có trách nhiệm với xã hội của người viết văn khi nêu lên thực trạng tâm lý này.

2. “ Án mạng dưới chân tháp Eiffel ” cũng mô tả một con mê sảng, nhưng đây là của một người “ bình thường ”. Dùng mê sảng để nói lên những ẩn ức, những mâu thuẫn trong tâm lý con người là một bút pháp không quá tân kỳ. Nhưng ở đây nó mạnh mẽ và quyết liệt hơn, có phần khiêu khích ; và theo chúng tôi, làm cho người đọc nhúc nhối bắt buộc phải suy nghĩ, tuy không hướng dẫn là nên suy nghĩ theo chiều hướng nào. Vì thế có những câu như các anh trích dẫn.

Cũng như những tác phẩm nghiêm chỉnh khác, truyện ngắn này hàm chứa nhiều dụng công của tác giả, mà những người có trách nhiệm tuyển chọn phải tự thấy. Trong khung cảnh đó xin trình bày chúng tôi tiếp nhận chữ “ tôi ” thế nào. Chúng tôi không tự hỏi “ tôi ” có phải là tác giả hay không, nhưng đúng là viết “ hán ” hay viết “ X ”, “ Y ”... một cái tên nào đó, thì truyện ngắn sẽ khác đi, vì “ tôi ” gần gũi hơn “ hán ” hay “ X ”, hay “ Y ”. “ Tôi ” đây là cái gì đó có thể nằm trong một bộ phận không nhỏ người Việt ở nước ngoài, “ tôi ”, nhưng phải chăng có phần nào “ chúng ta ” ?

3. Trong tận cùng tiềm thức của một số người, phải chăng có những điều “ thô bỉ đáng ghét ” và cũng có những điều không đáng ghét, cộng với những mâu thuẫn nhiều chiều mà các tác giả của Diễn Đàn, mỗi người với một phong cách khác nhau, đã tìm cách thể hiện ? Nhà đạo đức có thể chỉ vun trồng cái tốt với hi vọng làm cho cái xấu mất dần đi, còn những người viết văn thì ít ai thành công trong cách làm đó. Họ cảm nhận những hiện tượng tâm lý - xã hội đáng suy nghĩ, và viết ra để độc giả suy ngẫm.

Như thế có là “ đổ dầu vào lửa ”, là “ bình thường hoá ” những câu chữ kỳ thị hay không ? Xin để bạn đọc đánh giá. Chỉ xin ghi nhận lời khuyến cáo rất chí tình của hai anh, vì đó là những nguy hiểm có thật.

Nhà văn Dương Thu Hương đã viết : “ Viết văn là một

công việc nguy hiểm ”. Chính vì thế để kết thúc xin cảm ơn hai anh lần nữa về những nhắc nhở trong thư.

Diễn Đàn

Lời khẩn cầu về một ngôi đình

Làng tôi, Thôn Đà, xưa thuộc xã Khắc Vĩnh tổng Sơn Đông ; nay là Quỳnh Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có một ngôi đình cổ. Cha tôi, khi ông còn sống đã nhiều lần kể về ngôi đình làng tôi (...).

Từ năm 1949, thực dân Pháp quay lại Thái Bình. Tại Quỳnh Côi chúng lập bốt Quỳnh Lang nổi tiếng tàn bạo nhằm khống chế toàn bộ khu vực đồng bằng ven sông Thái. Cuộc chiến tranh giữa Pháp và mặt trận Việt Minh bắt đầu. Năm 1951, trong một trận càn ác liệt, tên quan chỉ huy bốt Quỳnh Lang, Lanetz đã hạ lệnh triệt hạ làng tôi. Ngôi đình bị trúng hơn chục quả mooc-chê từ Quỳnh Lang dội về trở thành đống gạch vụn. Hơn 50 người làng tôi bị giết trong trận càn này.

Thời kỳ đổi mới, các bộ lão làng quyết định dựng lại trên nền đất cũ một gian nhà tạm để thờ cúng. Hợp tác xã cũng trả lại mấy mẫu đất cho dân làng trồng cây, hoa và tạo dựng trở lại cảnh quang vùng đất nhỏ thiêng liêng xưa. Tại đây, những người con Thôn Đà ở xa về, có dịp thấp một nén hương cho tổ tiên và linh thần. Những cây vải sau mấy năm đã bói hoa và không khí bắt đầu thoảng mùi trầm thơm ngát.

Năm nay tôi về phép. Thấy bên nền đình cũ có lò gạch mới đốt. Tôi được biết, suốt mười năm qua dân làng tôi đã tự nguyện góp nhiều công sức trong việc tôn tạo lại cảnh quang quanh đình làng. Năm qua, thu nhập bình quân đạt 30 USD, dân làng đã đóng góp hơn hai ngàn công cho đình làng, và số tiền mặt hơn một triệu đồng cho việc chuẩn bị mua xi măng đổ lại móng cũ.

Qua thư này, tôi muốn nhờ báo Diễn Đàn vận động một cuộc quyên góp cho việc xây lại đình làng Đà Thôn. Sự giúp đỡ của các bạn không chỉ là một sức mạnh vật chất mà còn có ý nghĩa tinh thần giúp đỡ dân làng tôi bớt đi nỗi đau của một cuộc chiến kéo dài suốt bốn chục năm qua tại một vùng quê nghèo nàn và hẻo vắng.

Nguyễn Văn Thọ (Đức)



Xin cảm ơn sự tin cậy của anh đối với tờ báo và hoan nghênh thiện ý đối với quê hương. Những sáng kiến góp quỹ xây dựng lại đình làng, chùa chiền hay từ đường của một dòng họ, theo chúng tôi biết, khá đông người Việt Nam ở nước ngoài đều đã được đề nghị tham gia hoặc chủ động khởi xướng. Điểm sơ một vòng nhỏ trong riêng ban biên tập báo, trong thời gian qua, cũng đã có bốn anh chị em đóng góp vào việc tu sửa, xây lại đình làng.

Vì những công việc này quá nhiều về số lượng, lại liên quan tới tiền bạc bao giờ cũng đặt ra những vấn đề tế nhị, chúng tôi nghĩ nên đặt ra trong khuôn khổ những người đồng hương, thân thuộc, bạn bè.

Rất mong Thôn Đà và mọi thôn làng Việt Nam sớm có lại mái đình, mái chùa và gác chuông nhà thờ thân quen.

đính chính Trên Diễn Đàn số 94 (trang 16), năm sinh của giáo sư Tạ Quang Bửu (1910) đã in sai thành 1913. Xin bạn đọc vui lòng sửa lại.

TIN TỨC

Đăng ký kinh doanh : “ điều gì không cấm là cho ” ?

Hai tháng sau khi luật doanh nghiệp chính thức có hiệu lực (xem ĐĐ số 93), chính phủ mới ban hành, vào ngày 2.3 vừa qua, hai nghị định hướng dẫn thi hành luật. Theo như chính phủ trình bày thì nội dung của hai văn kiện pháp lý nói trên đã thể hiện quyết tâm tạo ra một hành lang thông thoáng cho việc đăng ký kinh doanh, chuyển từ một chế độ " xin-cho " sang nguyên tắc " điều gì không cấm là cho ".

Theo tinh thần của điều 6 của luật là " doanh nghiệp được quyền kinh doanh tất cả những gì mà pháp luật không cấm ", nghị định số 3 quy định bốn nhóm ngành nghề cấm kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện, và ngoại trừ bốn nhóm ngành nghề này thì nhà doanh nghiệp chỉ cần đăng ký, không cần phải xin bất cứ giấy phép nào khác.

- Nhóm ngành nghề *cấm kinh doanh* gồm những hoạt động như kinh doanh vũ khí, ma túy, mại dâm, đánh bạc, hoá chất độc hại, thực động vật được bảo vệ, hiện vật thuộc di tích lịch sử, văn hoá phẩm " phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại cho giáo dục nhân cách "...

- Đối với các nhóm ngành nghề *kinh doanh có điều kiện* giấy phép kinh doanh sẽ được cấp sau khi cơ quan thẩm quyền thẩm định các điều kiện. Đó là những ngành nghề phải tôn trọng những quy định vệ sinh môi trường, an toàn lương thực, phòng cháy, an toàn giao thông, trật tự xã hội... ; những ngành nghề kinh doanh phải có qui định về vốn pháp định như tín dụng, bảo hiểm, kinh doanh vàng bạc, môi giới chứng khoán... ; những ngành nghề kinh doanh có chứng chỉ hành nghề như kinh doanh dược phẩm, khám chữa bệnh, dịch vụ pháp lý, thiết kế công trình hay kiểm toán (từ nay, chứng chỉ hành nghề chỉ cấp cho cá nhân, có nghĩa là những chứng chỉ hành nghề đến nay cấp cho các tổ chức sẽ không còn hiệu lực).

Nghị định số 2 xác định việc đăng ký kinh doanh được giao cho một đầu mối là sở kế hoạch và đầu tư của các tỉnh, thành ; đối với các hộ kinh doanh cá thể là phòng đăng ký kinh doanh của quận, huyện. Chuyển từ một cơ chế " tiền kiểm " sang nguyên tắc " hậu kiểm ", cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ có nhiệm vụ và quyền hạn trong việc tiếp nhận hồ sơ, xem xét tính hợp lệ của nó, không xác nhận sự chính xác hay trung thực của hồ sơ, và cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp. Việc thanh tra, kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp là thuộc thẩm quyền của những cơ quan chức năng khác.

Song, dường như quyết tâm của chính phủ không được chia sẻ ở mọi cấp chính quyền. Ông Lê Đăng Doanh, viện

trường Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương và tổ phó Tổ công tác thi hành luật doanh nghiệp của chính phủ, nhận xét : " *Thực tế triển khai ở các địa phương cho thấy có những diễn biến không bình thường* ". Một tháng sau khi những nghị định của chính phủ được ban hành, vẫn có những cấp chính quyền nói rằng " *chưa nhận được văn bản hướng dẫn* " cho nên không thể cho tiến hành đăng ký kinh doanh theo luật mới - báo chí nêu trường hợp của các phòng kinh tế quận 3 và quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh - trong khi, theo ông Doanh, những công văn của chính phủ chuyển đi chỉ trong vòng năm ngày là đến các địa phương. Ngay ở cấp trung ương, " *một số bộ nói rằng lúng túng khi thực hiện hướng dẫn về đăng ký kinh doanh các ngành nghề có điều kiện* " trong khi, theo ông, công việc của các bộ chính là xác định cụ thể các điều kiện đó.

Ông Lê Đăng Doanh không loại trừ " *có thể còn có lý do khác mang tính tiêu cực* " ở một số cán bộ và cơ quan quản lý bị luật doanh nghiệp tước đi một phần quyền lực với bổng lộc kèm theo. (Thời báo Kinh tế Sài Gòn 17.2 và 2.3 2000)

Giấy phép kinh doanh : bãi bỏ hay phục hồi ?

Cùng với hai nghị định hướng dẫn đăng ký kinh doanh, ngày 3.2, chính phủ đã ra quyết định số 19 nhằm bãi bỏ 84 loại giấy phép trái với qui định của luật doanh nghiệp. Trong số đó có đến 35 loại giấy phép của ngành văn hoá-thông tin, như giấy hành nghề đánh máy chữ, chụp ảnh, photocopy, quay camera, dịch thuật, ca nhạc, bán đồ mỹ nghệ lưu niệm hay dịch vụ vi tính ; 14 loại giấy phép của ngành giao thông vận tải, như giấy hành nghề vận tải hành khách hay hàng hoá, vận tải đường bộ hay đường thủy ; còn lại là những loại giấy phép của bộ thủy sản (7), bộ nông nghiệp (3), bộ công nghiệp (3), bộ khoa học, công nghệ và môi trường (3), bộ thương mại (3), bộ xây dựng (2), bộ y tế (2), bộ kế hoạch và đầu tư (2), bộ lao động (1), tổng cục bưu điện (5), tổng cục du lịch (3), tổng cục hải quan (1). Thật ra, trong khi các bộ, ngành báo cáo đã ra khoảng 100 loại giấy phép thì tổ công tác của chính phủ đã thu thập hơn 290 cái. Những giấy phép còn lại hiện đang được xem xét và sẽ phân ra ba loại để xoá bỏ, chuyển thành điều kiện kinh doanh hoặc tiếp tục duy trì. Dù sao thì nghị định 19 qui định rằng, từ nay, các bộ, ngành tuyệt đối không được tự ý đặt ra giấy phép.

Việc chính phủ bãi bỏ 84 giấy phép đã được công luận tiếp nhận như một cải cách có ý nghĩa, có thể làm lung lay tận gốc thể chế " xin-cho ", một cơ chế quản lý hành chính lâu nay " *hành dân là chính* " - như thủ tướng Phan Văn Khải từng công nhận. Nhưng ngược lại cũng không ít cơ quan và cán bộ đã phản ứng quyết liệt cải cách này. Phó chủ nhiệm Văn phòng chính phủ cho biết : " *Tôi nghe nhiều nơi đã nhận văn bản nhưng không chịu triển khai. Thủ tướng đã quyết, nhưng nhiều nơi vẫn dùng dằng ôm khư khư cái quyền cấp giấy phép. Bởi còn quyền mới còn lộc, còn cho mới còn xin* ". Được biết rằng chỉ riêng sở giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp trong năm 1999, gần 100 000 giấy phép vận tải hàng hoá và hành khách đường bộ, lệ phí mỗi giấy từ 10 000 đồng (giá trị dưới 6 tháng) đến 30 000 đồng (giá trị đến 1 năm) với chi phí " bồi dưỡng " là 10 000 đồng (tức là một khoản " bồi dưỡng " hàng năm gần 1 tỉ đồng).

Người ta còn chứng kiến cán bộ ngành y tế lên truyền hình phát biểu rằng an toàn vệ sinh thực phẩm sẽ bị thả nổi ; cán bộ ngành văn hoá cho rằng không thể quản lý hoạt động ca nhạc được nữa ; còn cán bộ giao thông thì cảnh báo giao thông công cộng sẽ rối loạn. Hơn thế nữa, bộ trưởng hai bộ giao thông vận tải và xây dựng đã lên tiếng kiến nghị thủ tướng phục hồi một số giấy phép đã bị xoá. Thủ tướng Phan Văn Khải thì cho biết sẽ sẵn sàng thu hồi lại quyết định của mình nếu ý kiến của các bộ trưởng thuyết phục, hợp lý... (Thời báo Kinh tế Sài Gòn 2.3 ; Tuổi Trẻ 24, 26, 27, 29.2 và 5.3 2000)

Thay đổi nhân sự lãnh đạo tỉnh, thành

Sau Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và Hà Nội thay đổi nhân sự lãnh đạo (xem ĐĐ số 93 và 94), tới lượt một số tỉnh thành khác. Tại Thái Nguyên, ông Hồ Đức Việt sẽ làm bí thư tỉnh uỷ, thay ông Ngô Hai được chỉ định làm phó ban văn hoá trung ương. Tại Vĩnh Phúc, trưởng ban nội chính Phan Thế Hùng được cử làm bí thư tỉnh uỷ.

Nhận nhiệm vụ bí thư Thành uỷ mới của Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Minh Triết tuyên bố với báo chí : “ *Người lãnh đạo không thể biết hết, không thể làm hết mọi việc mà phải dựa vào dân* ”. Ông cho rằng “ *cái quan trọng là tạo cho được niềm tin ở nhân dân. Nhưng muốn dân tin trước hết phải tin dân. Mình không đến với dân thì sao dân đến với mình ? (...) Niềm tin rất quan trọng, có tin thì người dân mới làm hết mình, còn dân nghi ngờ, bán khoán và lo lắng thì chỉ làm cầm chừng để sống qua ngày thôi* ”.

Phát biểu về công cuộc cải cách hành chính ở Thành phố Hồ Chí Minh, ông Triết tỏ ra không hài lòng với những gì đã làm trong những năm qua. Theo ông, có hai nguyên nhân chính làm kết quả cải cách hành chính của thành phố chưa được như mong muốn, đó là trình độ và kinh nghiệm của công chức còn hạn chế đồng thời tinh thần trách nhiệm và cái tâm của cán bộ cũng yếu kém. Ông nói : “ *Cán bộ, công chức ai cũng có quyền, ngay đến người gác cổng cũng có thể làm khó người khác được, nhưng khi có việc phải làm cho dân thì dùn đẩy nhau không chịu làm* ”. (Lao Động 14.2 ; Tuổi Trẻ 15.2 ; Thời báo Kinh tế Sài Gòn 24.2.2000)

Thành phố Hồ Chí Minh làm thí điểm bán nhà ở cho Việt kiều

Theo quyết định 210 về chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài, bộ Xây dựng được chính phủ giao cho việc soạn thảo, trong quý 1 năm 2000, văn kiện về chính sách nhà ở đối với Việt kiều. Song, khi làm việc đầu năm với Thành phố Hồ Chí Minh, thủ tướng Phan Văn Khải đã chấp thuận kiến nghị cho thành phố làm thí điểm bán nhà ở cho người Việt Nam ở nước ngoài, và đã giao cho hai bộ Xây dựng và Tài chính ban hành những văn bản hướng dẫn. Theo bộ Xây dựng cho biết, các văn bản hướng dẫn chỉ sẽ hoàn tất trong nửa đầu năm 2000 và, từ đây đến đó, Thành phố Hồ Chí Minh chưa thể tiến hành bán nhà cho Việt kiều. Vào đầu tháng 3 vừa qua, uỷ ban nhân dân TPHCM thông báo thực hiện quyết định của thủ tướng mặc dù chưa có hướng dẫn của các bộ (!).

Theo giám đốc sở địa hình-nhà đất TPHCM Nguyễn Minh Dũng cho biết, trước mắt, người Việt Nam ở nước ngoài chưa

được mua nhà ở lẻ mà chỉ được mua tại các khu nhà ở do các công ty kinh doanh địa ốc xây dựng ; và mỗi người chỉ được mua một căn nhà nhưng không hạn chế diện tích. Với quyết định nói trên, Thành phố Hồ Chí Minh hy vọng khơi động lại thị trường nhà đất bị đóng băng từ nhiều năm nay và, qua đó, tạo động lực cho nền kinh tế thành phố lấy lại đà tăng trưởng. Tuy nhiên, về phía các công ty kinh doanh địa ốc thì cho rằng, mặc dù TPHCM có bật đèn xanh, nhưng chủ trương mới của chính phủ “ *phải có tính chất pháp lý rõ ràng, bằng không các doanh nghiệp không an tâm thực hiện* ”. Họ còn nhấn mạnh : “ *Hiện có khá nhiều thắc mắc của Việt kiều liên quan đến luật lệ mà chúng tôi không thể giải đáp được* ”.

Vào đầu tháng hai vừa qua, thủ tướng Phan Văn Khải cũng có công điện yêu cầu các bộ và địa phương chỉ đạo các công ty vận tải bán vé cho Việt kiều theo giá áp dụng cho người Việt Nam ở trong nước. Liên hiệp đường sắt Việt Nam cho biết đã bắt đầu áp dụng giá cước nội địa cho Việt kiều mà không yêu cầu Việt kiều xuất trình một giấy tờ nào khi mua vé. Còn Hàng không Việt Nam thì thông báo áp dụng chế độ giá nội địa cho Việt kiều trong thời gian từ 6.2 đến 31.3 2000 (?), và yêu cầu người mua phải chứng minh được là Việt kiều, như có : giấy khai sinh, hộ chiếu mang tên gốc Việt Nam hay giấy chứng nhận có nguồn gốc Việt Nam. Được hỏi vì sao Hàng không Việt Nam không làm giống Liên hiệp đường sắt, một quan chức hàng không trả lời : “ *Không bình luận* ”. (Thời báo Kinh tế Sài Gòn 17 và 24.2, 2.3 2000)

Thảm đỏ tiếp bộ trưởng quốc phòng Mỹ

Chuyến đi ba ngày, từ 13 tới 15 tháng 3. 2000 của bộ trưởng William Cohen, được các nhà báo quốc tế tại Việt Nam đồng tình đánh giá như một mốc “ *lịch sử* ” trong quan hệ giữa hai kẻ thù cũ. Ông Cohen là bộ trưởng quốc phòng đầu tiên của Mỹ đã đặt chân lên Hà Nội, thủ đô Việt Nam. Trước đó, phải trở lại thời kỳ chiến tranh mới thấy một người đứng đầu Nhà năm góc, ông Melvin Laird trong chính phủ Johnson, tới Sài Gòn năm 1971, dĩ nhiên trong một cương vị khác.

Các nhà báo cũng nhấn mạnh việc ông Cohen được tiếp đón cực kỳ long trọng, mở đầu bằng lễ duyệt qua đội quân danh dự với bộ trưởng quốc phòng Việt Nam Phạm Văn Trà, trước khi hai bộ trưởng tiến hành cuộc hội đàm hơn một tiếng rưỡi đồng hồ. Ông Cohen cũng đã tới thăm xã giao chủ tịch Trần Đức Lương, và hội đàm với thủ tướng Phan Văn Khải và ngoại trưởng Nguyễn Dy Niên ngay trong ngày đầu ở Hà Nội. Ngoài ra, ông đã đi thăm một địa điểm khai quật tìm kiếm xác phi công Mỹ mất tích trong chiến tranh ở xã Đông Phú, tỉnh Hà Tây, tới nói chuyện tại Học viện quốc phòng, và trung đoàn không quân 921, đơn vị có thành tích hạ nhiều máy bay Mỹ nhất trong chiến tranh. Ngày thứ ba của chuyến đi, ông đã vào TPHCM, tới thăm bộ chỉ huy quân khu 7, và gặp gỡ các doanh nhân Mỹ, trước khi bay sang thăm Nhật và Hàn Quốc.

Trả lời các nhà báo, cả ông Cohen và đại sứ Mỹ ở Hà Nội Pete Peterson đều nhấn mạnh các cuộc hội đàm với Việt Nam đã diễn ra trong bầu không khí “ *rất thoải mái* ” và đánh giá triển vọng hợp tác quân sự giữa hai nước rất tích cực. Theo ông, hai nước đồng ý gác lại quá khứ để nhìn về tương lai. Bộ trưởng quốc phòng Mỹ đã nêu lên khả năng các tàu chiến Mỹ

được phép ghé các quân cảng Việt Nam trong một tương lai không xa, và quan hệ quân sự giữa hai nước sẽ tiến tới cùng mức độ như quan hệ giữa Mỹ và các đồng minh ở Đông Nam Á. Tuy nhiên, ông Cohen đã nhấn mạnh là điều đó phải được tiến hành từng bước, và công khai, " để tránh sự hiểu lầm của những nước khác trong vùng ". Trong bài nói trước Học viện quốc phòng, ông Cohen cũng đã nhấn mạnh vai trò cường quốc của Trung Quốc, và chính sách của Mỹ nhằm " khuyến khích Trung Quốc tiến tới giữ vị trí một cường quốc hợp tác (cooperative great nation) ". Ông thừa nhận " mối quan tâm thật sự " của Việt Nam và các nước Đông Nam Á khác trước các hành động của Trung Quốc trong vùng biển phía nam Trung Quốc, và gợi ý các nước ASEAN phối hợp hành động để có tác dụng hơn trong quan hệ với Trung Quốc " trên cơ sở hợp tác hoà bình ".

Về vấn đề các quân nhân mất tích trong chiến tranh, ông Cohen nhắc lại mối quan tâm hàng đầu của Mỹ là tiếp tục các nỗ lực để biết đầy đủ về số phận của khoảng 2000 quân nhân Mỹ hiện vẫn chưa tìm được dấu vết hay xác chết nếu họ đã hy sinh, và cảm ơn Việt Nam đã hết sức giúp đỡ trong công tác này. Về phần mình, thủ tướng Phan Văn Khải cũng đã nhấn mạnh ở Việt Nam hiện nay còn hàng chục vạn gia đình chưa tìm thấy hài cốt người thân hy sinh trong chiến tranh, hàng triệu người bị ảnh hưởng chất độc da cam, nhiều gia đình có tới ba đến bốn con bị dị tật. Ông tỏ ý mong rằng Mỹ sẽ nỗ lực hơn nữa cùng Việt Nam làm tốt công tác nhân đạo, khắc phục hậu quả chiến tranh. Vừa qua, chính phủ Việt Nam đã quyết định trợ cấp hàng tháng cho những cán bộ, quân nhân hoặc thanh niên xung phong đi làm việc hoặc chiến đấu trong những vùng bị Mỹ rải chất da cam, và con cháu của họ. Bộ trưởng Cohen khẳng định Mỹ sẵn sàng giúp Việt Nam những phương tiện để tìm kiếm những người mất tích của mình, và phương tiện để tháo gỡ những bom, mìn chưa nổ. (AFP, Reuters, AP 13-15.3, Nhân Dân 14.3.2000)

Thương lượng về hàng không dân sự

Mỹ và Việt Nam sẽ tiếp tục trở lại thương lượng về hàng không dân sự để đi đến một thoả thuận toàn diện vào tháng sáu năm nay, sau hai năm đứt quãng. Trong một thông báo chung hai bên cho biết những cuộc hội đàm tới sẽ tiến hành tại Hoa Thịnh Đốn vào hai ngày 14 và 15 tháng 6 : " Mục tiêu là đi đến một thoả thuận cho phép ngành hàng không của mỗi bên có thể vào hoạt động ở một mức đáng kể trong thị trường hàng không của nước kia ". Bản thông cáo khẳng định " có đường bay thẳng giữa Mỹ và Việt Nam là bước tiếp trong việc bình thường hoá quan hệ kinh tế giữa hai nước ".

Trong một bước tiến tới thoả thuận toàn diện, ngày 3.3 hai bên đã ký thoả thuận trao đổi mã không vận (airline code-sharing). Thoả thuận này cho phép những công ty hàng không của hai nước mở văn phòng trong nước kia để bán vé và bán các dịch vụ không vận trong khi chờ đợi thoả thuận toàn diện cho phép mở các đường bay.

Thương lượng về hàng không Việt - Mỹ đã bắt đầu từ 1994. Phía Mỹ tỏ ý muốn đi đến một chính sách về không vận hoàn toàn mở giữa hai nước. Phía Việt Nam, vì sợ ngành hàng không của mình không cạnh tranh nổi với Mỹ, muốn có quyền

hạn chế các hãng Mỹ được phép mở đường bay vào Việt Nam. Hiện nay Việt Nam có thoả thuận về hàng không với khoảng chục nước trên thế giới. (Reuter 3.3.2000)

Hồ Hà Nội bị đe dọa

Bùng nổ dân số kéo theo xây dựng bờ bãi và ô nhiễm tràn lan đang đe dọa làm các hồ ở Hà Nội biến đi dần. Ông Đặng Dương Bình (?), thuộc bộ phận lo về môi trường của thành phố Hà Nội đã lên tiếng báo động : diện tích mặt hồ Hà Nội cách đây 10 năm là 800 hecta, nay chỉ còn 600. Trên tổng số khoảng 40 hồ Hà Nội, từ nội tới ngoại thành, hiện nay chỉ còn chừng hai chục cái. Những người có nhà bên các bờ hồ đã tự tiện xây lán ra mặt hồ mà không hề bị ngăn chặn. Theo một ước lượng chính thức, hơn 40 hecta mặt Hồ Tây đã bị lấp đi như vậy trong 5 năm vừa qua. Theo ông Bình, trong dự án xử lý nguồn nước cho thành phố có kèm theo kế hoạch đặt kè ở bờ hồ để chống lại sự lấn mặt hồ. Dự án này đòi hỏi đầu tư khoảng 600 triệu đôla từ nay đến năm 2006. Chỉ riêng việc rửa sạch Hồ Tây đã tốn đến 35 triệu đôla. Rác sinh hoạt và chất thải công nghiệp đổ vào các hồ lớn của thành phố đã gia tăng rất nhiều trong 10 năm qua. Người ta đếm thấy có hơn 300 xí nghiệp làm ô nhiễm môi trường trong Hà Nội. Theo các chuyên viên của thành phố, lượng amoniac và phốt phát ở các hồ Hà Nội vượt quá các chuẩn được phép từ 2 tới 3 lần. Một hồ lớn như hồ Bảy Mẫu chưa được nạo vét từ nhiều thập kỷ nay. (AFP 23.3.2000)

Tham nhũng, Việt Nam gần đội số

Theo một báo cáo mới đây của công ty tư vấn về các hiểm nguy trong kinh tế - chính trị (PERC), nạn tham nhũng vẫn đe dọa nền kinh tế của nhiều nước châu Á. Báo cáo này dựa trên một cuộc điều tra mà công ty tiến hành hàng năm, với những cuộc phỏng vấn các nhà kinh doanh có làm ăn với các nước này. Theo thang điểm của công ty, từ 0 (không có hối lộ, tham nhũng) đến 10, thì Singapore là nước ít tham nhũng nhất, với 0,71 điểm, rồi đến Hồng Kông và Nhật. Tệ nhất là Indônêxia với 9,88 điểm mặc dù đã có tiến bộ so với năm ngoái (9,91) sau khi chính phủ dân chủ của tân tổng thống Wahid lên nắm quyền. Tiếp đó là Ấn Độ (9,50), Việt Nam (9,20), Trung Quốc (9,11), Philipin (8,67 - năm ngoái 6,71), Hàn Quốc (8,33), Thái Lan (8,20)...

Thuyền nhân được ở lại Hồng Kông

Hà Nội, 2 tháng 3 (AFP) - Việt Nam tán thành quyết định của Hồng Kông cho 1400 người Việt Nam xin tỵ nạn được ở lại. Bà Phan Thuý Thanh, người phát ngôn của bộ ngoại giao, tuyên bố quyết định sẽ giúp những người này ổn định đời sống và hội nhập vào cộng đồng Hồng Kông. Quyết định này không áp dụng cho những người đến sau ngày 1.9.1998.

Những người được phép ở lại gồm 973 người đã được xếp vào loại tỵ nạn. Việt Nam đã từ chối cho hồi hương 327 người khác bị xếp vào loại di cư cùng với 108 người trong gia đình họ, lấy cớ rằng những người này gốc Hoa.

Tổng số người hồi hương theo thoả thuận giữa Việt Nam với Cao uỷ về những người tỵ nạn của Liên Hiệp Quốc (HCR) lên đến 14 421 người. HCR đã giúp định cư cho 143 ngàn

người tỵ nạn Việt Nam tại Hồng Kông từ sau 1975. Số người định cư giảm dần trong mười năm chót, từ 7600 người năm 1990 xuống 70 người năm 1999. Năm 1991 có đến 64 300 người tỵ nạn bị giữ trong các trại ở Hồng Kông với điều kiện vệ sinh và an ninh tối thiểu.

Liên hoan Huế

Chương trình đại hội liên hoan Huế 2000 từ 8 đến 19 tháng tư sẽ rất phong phú. Hai trăm nghệ sĩ Việt Nam và Pháp sẽ kết hợp truyền thống và hiện đại một cách táo bạo. Từ những bữa ăn tối mà người ăn được xem những màn nhào lộn và hề biểu diễn dưới sự dàn dựng của đạo diễn múa Philippe Decoufflé, tới những buổi biểu diễn thả diều, chương trình Liên hoan có tham vọng xây nhịp cầu giữa hai nền văn hoá

Những tổ chức khởi xướng đại hội về phía Pháp, hội AFAA (Association Francaise d'Action Artistique), Mission 2000 và toà đại sứ Pháp tại Việt Nam, đã giao cho Jean Blaise, người khởi xướng đại hội liên hoan 'Les Allumés' tại Nantes, chủ nhiệm phần nghệ thuật với một ngân sách là 7 triệu quan Pháp. Tham gia ngân sách có những vùng Nord-Pas-de-Calais và Poitou-Charentes của Pháp và tỉnh Thừa Thiên-Huế.

Để mở đầu đại hội, 600 nghệ sĩ trẻ và sinh viên Huế sẽ trình bày một số điệu múa dựa trên thơ và hát, trong lúc những người thả diều cho bay nào bướm nào phượng nào rồng khổng lồ. Những buổi ăn độc đáo của Decoufflé do những người "maitre d'hotel" (trưởng nhóm phục vụ) nói nhiều thứ tiếng chỉ huy dọn, sẽ xen kẽ với những màn múa triều đình dựng theo truyền thống thế kỷ thứ 17 và những màn hoà tấu nhạc thế kỷ thứ 15 với đàn nguyệt và đàn nhị.

Đoàn xiếc của Guy Alloucherie sẽ diễn những màn bay bổng. Chương trình còn gồm màn múa 'Triton 2 ter' của Decoufflé, vở 'Danse du temps' do đoàn múa Atlantique của Regine Chopinot trình diễn trên nền nhạc của Tôn Thất Tiết. Về phía VN, có những vở quan họ, những điệu múa và trình diễn 'áo dài' của nhà may cắt Minh Hạnh, và múa rối nước.

Đại hội sẽ diễn ra tại tám địa điểm, quảng trường Ngọ Môn, Thế Miếu, Tử Cấm thành, cung Diên Thọ... Lễ khai mạc được tổ chức tại quảng trường Ngọ Môn, với khoảng 1 500 quan khách trong và ngoài nước và dự trữ khoảng 15 000 khán giả tới xem. UBND TP Huế đã giải tỏa nhiều hộ dân bấy lâu xây nhà tùy tiện bên hào thành phía trước Cửa Ngăn, Cửa Thượng Tứ, trước khu di tích Tam Tòa, Quốc Tử Giám, tạo cảnh quan thoáng đẹp, lộ diện thành, cổng cổ kính, uy nghi.

Làng Festival được lập tại di tích Tam Tòa gồm có văn phòng của ban tổ chức liên hoan, một trung tâm thông tin, dành cho giới báo chí hoạt động tuyên truyền, quảng cáo lễ hội với đầy đủ điện thoại, Fax, nối mạng Internet và hệ thống truyền dẫn thông tin cần thiết trực tiếp từ Huế đi các nơi trong nước và quốc tế, một trung tâm giải trí cho giới báo chí trong nước và nước ngoài, một trung tâm tập luyện dành cho nghệ sĩ các đoàn nghệ thuật. (AFP 4.3, báo Tin Tức)

Những người canh giữ di sản văn hoá Mỹ Sơn

Thánh địa Mỹ Sơn (Duy Xuyên, Quảng Nam), một tổng thể kiến trúc tôn giáo của nền văn minh Chăm, nằm cách kinh đô cũ Trà Kiệu của nước Champa 30 km về phía Tây, cách Hội An -Đà Nẵng khoảng 60 km về phía Tây-Nam, được xây dựng từ cuối thế kỷ 4 dưới triều vua Bhadresvara. Thoạt tiên, ông vua này đã chỉ cho xây một ngôi đền bằng gỗ để thờ bộ *linga* và *yoni* theo phong tục Ấn độ giáo. Sau này nhiều vị vua kế tục đã cúng dâng tiếp nhiều đền tháp để thờ thần vật này. Với 71 đền tháp được liên tục xây dựng cho đến thế kỷ 13, hiện nay Mỹ Sơn chỉ còn lại 20 công trình. Công việc bảo vệ di tích, quản lý hiện vật, thuyết minh hướng dẫn khách du lịch đến tham quan vùng thánh địa tịch mịch, hoang vắng này, đặt ra một vấn đề nhân sự không dễ giải quyết. Tập thể 18 người hiện nay chia nhau phụ trách công việc này, phần nào đều là những người tình nguyện từ Duy Xuyên, Hội An đến, lương mỗi tháng chỉ từ 400 000 đến 500 000 đồng (từ 200F đến

Văn hoá

Nghi lễ phồn thực của người Việt cổ

Nhiều làng ở đồng bằng và trung du Bắc bộ từng có đền thờ Nõ Nường (có nơi còn gọi là Nõn Nường). Ở hậu cung những đền thờ này thường cất giữ cái Nõ (hình sinh thực khí đàn ông) đeo bằng củ tre, và một cái Nường (hình sinh vật đàn bà) bằng mo cau, ở giữa khoét một cái lỗ. Hàng năm, đến ngày lễ, các bậc đàn anh tế thần rồi rước Nõ Nường ra. CỤ tiên chỉ và CỤ thứ chỉ, một người cầm Nõ, một người cầm Nường, đập vào nhau từng nhịp, trong khi trai gái làng hò reo "Tùng tùng ! Đập ! Tùng tùng ! Đập !". Sau đó, đèn lửa tắt hết, trai gái từng đôi diễn trò "tùng đập" lấy phước lành trong năm, đôi nào cưới được nhau là đôi đó được phúc.

Nõ và Nường ứng với Linga và Yoni ở nhiều dân tộc Á đông khác. Những tháp, kể cả tháp chùa cao vút ngoạn mục ở nhiều vùng Đông Nam Á, rất có thể là cách điệu của Linga. Nhiều người cho rằng các chữ *nutong* (Mỵ nương), chữ *nàng* trong tiếng Việt có gốc từ *Nường*. Vào dịp hội chùa

Hương trước kia, từng có lệ "Tắt đèn một đêm", tức là tháo khoán cho chuyện "tùng tùng đập" tự do ngẫu nhiên giữa đám trai gái đi hội. Người ta làm lễ như vậy để cầu mong cho được mùa, cây trái tốt tươi, gia súc sinh sôi nhiều, đàn bà mắn đẻ, làng thôn trù phú.

Ở vùng Nam Trung bộ, có các trò chơi bài chòi, gồm 23 con bài, mỗi con hai cây, được đặt tên hết sức dân dã : nhì bí, âm âm, cỏ diều, chín cu, chín gối, tám miếng, bảy hột, tam quân, tứ cẳng, v.v..., trong số đó bao giờ cũng có con cái gọi là *bạch huê* và con đực gọi là *nọc thược*. Cách về con bài cho thấy *bạch huê* chính là Yoni, *nọc thược* chính là Linga. Điều này càng rõ trong câu hò bài khi các con bài ấy xuất hiện. Chẳng hạn, khi xuất hiện con nọc thược, lời hò là :

Năng cường năng nược,

Năng khuất năng sanh

Nó thật cục gân

Ngồi gần con gái trôn trôn chẳng nhìn !

(Tập san Đầu Tư, số Xuân Canh Thìn)

250F). Trước đây, ông Kazimierz Kwiatkowski, cố kiến trúc sư người Ba Lan, người đã từng có nhiều đóng góp cho việc bảo vệ và trùng tu các di tích ở Mỹ Sơn để ngày nay được công nhận là di sản văn hoá thế giới, đã từng sống và làm việc nhiều năm ở đây trong những điều kiện vật chất khó khăn và thời tiết khắc nghiệt. (Thanh Niên 12-12-99 ; Tuổi Trẻ, 26-2-2000)

Cà cuống lại xuất hiện

Mùa lũ vừa qua cà cuống lại xuất hiện ở nhiều nơi trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, lý do vì mực nước trên đồng cao hơn mọi năm. Hồi xưa, nước mắm cà cuống là một thứ nước chấm đặc biệt của miền quê vùng này, thường dùng để ăn với các loại bún tôm, thịt, nước lèo. Hương vị cà cuống đã quyến rũ cả dân Âu Mỹ trong nghệ thuật và khoa học ẩm thực ngày nay. Ông Robert L. Smith, tiến sĩ sinh thái học, đại học Arizona (Mỹ), đã đến Việt Nam trong tháng 10-1999 vừa qua để thực hiện đề tài nghiên cứu về cà cuống của ông. Về sinh thái học, cà cuống có thể được dùng như một loại chỉ báo (bio-indicator) để đánh giá mức độ tàn phá hay ô nhiễm do thuốc trừ sâu của môi trường ngập nước ở đồng bằng sông Cửu Long. Chừng nào còn thấy chúng xuất hiện nhiều như năm nay, thì người ta còn có thể mừng là môi trường tự nhiên ở đồng bằng sông Cửu vẫn còn, hoặc có khả năng phục hồi. (T.T.C.N. 23-29-1-2000)

Hội chợ ẩm thực

Sáng 24-3, tại Cung văn hóa Hữu nghị Hà Nội đã khai mạc hội chợ ẩm thực và công nghệ thực phẩm - 2000. Đây là Hội chợ ẩm thực lần đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam do Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Tạp chí Văn hóa ẩm thực Việt Nam và Sở Thương mại Hà Nội cùng phối hợp tổ chức.

Hội chợ có 50 gian hàng của 40 doanh nghiệp ; trong đó phần lớn là doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Nhiều tỉnh, thành phố đã đem về hội chợ những sản phẩm ăn uống đặc trưng của địa phương mình như Hà Nội (bánh tôm Hồ Tây, bún chả Sinh Từ, bánh cuốn Kỳ Đồng...), Hải Dương (các loại bánh đậu xanh, bánh khảo, bánh gai, mắm rượu, mắm cay...), Hưng Yên (tương Bần...), Bắc Giang (chế biến hoa quả, rượu, vải thiều Lục Ngạn...), Hà Tây (chế biến thực phẩm), Thừa Thiên - Huế (các loại bánh đặc sản). Trong thời gian diễn ra Hội chợ có tổ chức thi giã giò truyền thống, thi các món ăn, thi cắm hoa... (

TIN NGẮN

* Ngoại trưởng Nguyễn Dy Niên đã tới thăm Nhật trong 4 ngày 8-12.3. Ông đã được thủ tướng Keizo Obuchi tiếp kiến, và đã hội đàm với ngoại trưởng Yoheri Kono về những vấn đề quan hệ song phương, cũng như những vấn đề quốc tế mà hai bên cùng quan tâm, và làm việc với nhiều tổ chức kinh tế Nhật ở Tokyo và Osaka. Ngoại trưởng Nguyễn Dy Niên đã chuyển lời của chủ tịch Trần Đức Lương mời nhà vua Akihito và hoàng hậu sang thăm Việt Nam.

* Nhật đã giải ngân 21,3 tỷ Yen (khoảng 200 triệu đôla) cho dự án xây dựng cảng Hải Phòng. Số tiền này nằm trong ngân khoản cho vay nhẹ lãi mà chính phủ Nhật đã quyết định từ cuối năm 1998 dành cho các dự án tái thiết của các nước

châu Á sau cuộc khủng hoảng tài chính. Trong số này, 13,3 tỷ Yen dành cho xây dựng hai cầu tàu cho các container, và 8 tỷ cho một cây cầu gấn cảng.

* Theo tin từ Hà Nội, chủ tịch Trần Đức Lương sẽ ký lệnh ân xá cho khoảng 7, 8 nghìn tù nhân trong dịp kỷ niệm 25 năm ngày giải phóng đất nước, và một số khác tương đương cũng sẽ được ân xá vào ngày quốc khánh 2.9 năm nay. Theo bộ công an, Việt Nam có khoảng 70 000 tù nhân ở các nhà tù do bộ quản lý, khoảng 7000 tù nhân ở các nhà tù của các tỉnh, 1000 người ở các nhà tù của bộ quốc phòng. Trong số tù nhân có 160 người nước ngoài và hơn 100 người bị tội có hành động xâm phạm an ninh quốc gia (báo Thanh Niên 11.3)

* Tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã tiếp đại sứ Pháp ở HN Serge Degallaix ngày 23.3, và nhận lời mời chính thức sang thăm nước Pháp của tổng thống Chirac do đại sứ Degallaix chuyển. Theo một nguồn tin, chuyến đi có thể sẽ diễn ra trong tháng năm này.

* Ông Hoàng Bích Sơn, nguyên thứ trưởng ngoại giao chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền nam Việt Nam, nguyên trưởng ban Việt kiều trung ương, đã từ trần vào giữa tháng 3 vừa qua, hưởng thọ 76 tuổi.

* Thủ tướng Phan Văn Khải đã ký quyết định cử ông Nguyễn Đình Bin, 56 tuổi, uỷ viên trung ương đảng CSVN, thứ trưởng thường trực bộ ngoại giao, làm chủ nhiệm uỷ ban người Việt Nam ở nước ngoài, thay thế ông Nguyễn Dy Niên được bổ nhiệm làm bộ trưởng ngoại giao từ cuối tháng giêng.

* Ca sĩ nổi tiếng của Pháp Zazie, trong một chuyến lưu diễn ở nhiều nước châu Á, đã biểu diễn ở Cung văn hoá Hà Nội đêm 19.3 cùng với các ca sĩ Thanh Lam và Mỹ Linh. Zazie đã hát 18 bài, trong đó có một bài ca Pháp được cô hát bằng tiếng Việt. Ngược lại, Thanh Lam và Mỹ Linh mỗi người cũng đã hát một bài bằng tiếng Pháp.

* Theo VNA ngày 23.3, công ty Viettross Refinery, liên doanh giữa PetroVietnam và công ty Nga Zaroubejneft, mỗi bên 50 %, đã chính thức khởi công xây dựng nhà máy lọc dầu Dung Quất (Quảng Ngãi). Giai đoạn đầu, kéo dài 5 tháng, được dành cho các công trình nền móng, với tổng phí 4,57 triệu đôla. Toàn bộ nhà máy, với kinh phí đầu tư 1,3 triệu đôla, dự trù sẽ bắt đầu hoạt động vào năm 2003, với công suất hàng năm là 6,5 triệu tấn dầu lọc các loại dành cho thị trường nội địa và xuất khẩu trong vùng.

* Một tội phạm buôn ma tuý, bị bắt năm 1998 ở Nghệ An với 61 kg thuốc phiện, và bị toà án Hà Tĩnh xử tử hình hai tháng sau đó, đã bị đưa ra pháp trường ngày 16.3. Ngày hôm trước, hai phạm nhân mang án tử hình cũng đã bị đưa ra hành quyết ở Hà Nội. Trong năm 1999, các toà án Việt Nam đã tuyên án tử hình đối với 194 người, song người ta không được biết bao nhiêu trong số đó thực sự bị đem ra hành quyết.

* Theo Unicef, bệnh lao đang hoành hành rất dữ trong các gia đình nghèo ở châu Á, đe dọa phát triển kinh tế - xã hội trong vùng. Hàng năm, trên thế giới có khoảng 2 triệu người chết vì lao. 70 % số người bị lao là ở châu Á, và trong số 22 nước bị lao nhiều nhất thì có 10 nước châu Á : Bangladesh, Miến Điện, Cam-Bốt, Trung Quốc, Ấn Độ, Indônêxia, Pakistan, Philipin, Thái Lan và Việt Nam.

* Theo những con số tạm thời của bộ thương mại, hoạt động xuất cảng trong 3 tháng đầu năm đã tăng hơn 33 % so với cùng thời kỳ 1999, đạt gần 3 tỷ đôla. Ba mặt hàng chính là dầu mỏ, hàng may mặc và giày dép đều tăng mạnh, chiếm 48 % tổng kim ngạch xuất khẩu. Ngược lại gạo xuất giảm tới 63,6 % về khối lượng và 65,6 % về giá trị. Những mặt hàng xuất khẩu đáng kể khác của Việt Nam là cà phê, than, hải sản...

* Việt Nam và Căm Bốt, sẽ cấm xong những cột mốc trên đường biên giới giữa 2 nước trước cuối năm nay. Ngoại trưởng Căm Bốt Hor Namhong đã tuyên bố như vậy sau cuộc hội đàm với ngoại trưởng Việt Nam Nguyễn Dy Niên trong chuyến ông Niên đi thăm Căm Bốt đầu tháng 3. Hai nước sẽ đẩy mạnh hợp tác để phát triển những hành lang giao thông giữa Việt Nam, Căm Bốt, Lào và Thái Lan.

* Ông Sầm Hồng Sinh, còn được gọi là ông Mười Sài Gòn, một chủ trang trại, cho biết từ 5 năm nay, ông đã trồng thử nghiệm một giống nhãn Trung Quốc có chất lượng ngọt, thơm, thịt ráo và dày, hạt nhỏ, tỉ lệ thịt đạt tới 60-70%. Do áp dụng nhiều biện pháp kỹ thuật, năm nay ông đã nâng số cây cho trái lên 100 cây, trong đó có 50 cây cho trái 100%.

* UBND TP Hồ Chí Minh và Tu hội Nữ tử Bác ái Vinh Sơn đã khởi công xây dựng nhà chăm sóc bệnh nhân AIDS trong khuôn viên tu hội với diện tích 11 875 m², gồm phòng khám nhận bệnh, hai trại nam và nữ (mỗi trại 6 giường), nhà xử lý rác, xử lý nước thải... Kinh phí xây dựng do Tu hội vận động quyên góp trong và ngoài nước. Ủy ban Phòng chống AIDS TP Hồ Chí Minh hỗ trợ về mặt chuyên môn với đội ngũ các bác sĩ, điều dưỡng, hộ lý của thành phố.

* Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam vừa quyết định tặng các giải thưởng loại A, B, C và khuyến khích cho các tác phẩm sân khấu đạt chất lượng cao trong năm 1999. Bốn tác phẩm được tặng giải A gồm : Rừng trúc (kịch nói) - Nhà hát Tuổi Trẻ ; Hồ Quý Ly (tuồng) - Nhà hát Tuồng Trung ương; Trời Nam (tuồng) - Nhà hát tuồng Đào Tấn - Bình Định ; Kính chiếu yêu (chèo) - Nhà hát chèo Trung ương. Ngoài giải A, Hội còn trao tặng thưởng cho 19 tác phẩm giải B, 14 giải C, sáu giải khuyến khích và một tác phẩm nghiên cứu.

* Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo TP Hồ Chí Minh cho biết, trong năm 2000, Hội sẽ phối hợp với các bệnh viện tại TP Hồ Chí Minh (Bệnh viện Chợ Rẫy, Bệnh viện Nhân dân Gia Định, Trung tâm Mắt...) tiếp tục tài trợ kinh phí để phẫu thuật ghép thủy tinh thể nhân tạo cho 10.000 bệnh nhân nghèo. Trong đó, 4.000 ca được tiến hành ở TP Hồ Chí Minh và 6.000 ca ở các tỉnh, thành phố khác. Hội sẽ ưu tiên kinh phí cho các tỉnh vùng sâu, vùng xa... với mức tài trợ hoàn toàn (500.000 đồng/ca) hoặc bệnh nhân chỉ phải đóng ở mức thấp. (Báo Thanh niên)

* Ngày 22.3.2000 Chi cục Kiểm lâm Đắc Lắc cho biết : Trong đợt tuần tra vừa qua tại huyện Đắc Mìn đã phát hiện một vụ phá trắng 10 ha rừng tự nhiên để lấy đất làm rẫy tại các tiểu khu 658, 660, 661 là vùng rừng phòng hộ biên giới, do Lâm trường Thuận An quản lý, gây thiệt hại khoảng 800 m³ gỗ. Đối tượng phá rừng là 40 hộ dân, quê ở xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, di cư tự do vào Đắc Lắc. Một số chiến sĩ của Đồn biên phòng số 8 đã bắt giữ 2 người đang trực tiếp hạ cây. Nhưng sau đó khoảng 100 người dân đã vây các chiến sĩ giải thoát cho 2 người bị bắt rồi tất cả bỏ trốn.

Chảy máu cổ vật

Vào rạng sáng 11.3, kẻ trộm đã vào chùa Bút Tháp (Thuận Thành, Bắc Ninh) lấy mất pho tượng cổ quý Quan âm thế chí có niên đại trên 300 năm. Chùa Bút Tháp là di tích duy nhất được Cục Bảo tồn bảo tàng và Viện Kỹ thuật hình sự Bộ Công an đã lắp đặt hệ thống báo động với 3 máy và gần 50 đèn để bảo vệ ! Hậu quả của một nghịch lý : đã rất nhiều lần chùa xin phép được làm cửa tại Tòa Thượng điện để bảo vệ 41 pho tượng cổ nằm trong điện quý hiếm, nhưng không được cấp trên đồng ý, viện lý do phải giữ nguyên kiến trúc cổ chùa Bút Tháp. Chỉ đến khi kẻ trộm vào “ bê ” đi pho tượng cổ Quan âm thế chí, chùa mới được cho làm cửa.

Vào năm 1993, chùa cũng đã bị kẻ gian đột nhập lấy mất hai pho tượng Kim đồng - Ngọc nữ. Sư ông Thích Tâm Phúc trụ trì chùa Bút Tháp nói với nhà báo : Bọn trộm thể nào cũng quay trở lại lấy nốt pho Đại thế chí cùng cặp với pho Quan âm thế chí nên chùa đành phải đưa các ngài (pho tượng cổ có niên đại từ thế kỷ 17) cất đi, khi nào làm xong cửa bảo vệ, sẽ rước các ngài trở lại Tòa Thượng điện.

Khảo sát tại một số chùa có danh tiếng, chúng tôi thấy các pho tượng cổ chỉ được bảo vệ cẩn thận bằng mỗi Pháp lệnh Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử văn hoá, di sản văn hoá dân tộc. Theo ý kiến phản ánh của các chùa, địa phương có chùa được công nhận di tích đều thành lập ban quản lý di tích (BQL), hàng ngày BQL thu tiền khách tham quan, điểm kinh doanh dịch vụ, nhưng tuyệt nhiên không thấy có trách

nhiệm trong việc bảo vệ tài sản di tích. Ngay như chùa Tây Phương, BQL di tích cũng không tham gia vào việc bảo vệ ban đêm cùng với nhà chùa, kể cả chính quyền địa phương cũng coi đó là chuyện của chùa. Khi trao đổi với chúng tôi, nhiều nhà sư có ý kiến, nếu BQL thu tiền dịch vụ ở chùa, phải có trách nhiệm cùng chùa bảo vệ di tích, cất cử người bảo vệ.

Tình trạng chảy máu cổ vật ở các chùa đã ở mức báo động. Pho tượng Phật cổ ở chùa Càn Thay (xã Tân Mỹ, Trà Ôn, Vĩnh Long) nặng hơn 60kg, cao khoảng 1, 6m được đặt tại Chánh điện cũng đã bị kẻ gian bê đi dễ dàng. Chùa Thạch Sung ở xã Thiện Mỹ (Vĩnh Long) có một pho tượng bằng vàng cũng bị mất trộm, khi lực lượng công an tìm ra thì... hỡi ôi pho tượng đã bị chủ tiệm vàng đập bẹp. Chùa Tuyết (HN) mất 30 tượng cổ, chùa Mật Dung mất 35 tượng, hai chùa ở huyện Sông Cầu (Phú Yên) mất 10 tượng Phật, chùa Dâu (Bắc Ninh) mất 6 tượng Phật. Chùa Đậu (Hà Tây) bị kẻ gian đột nhập 4 lần, khi bị phát hiện, chúng đâm chết một nhà sư. Trong mười năm qua, hơn 7.000 cổ vật được vận chuyển trái phép ra nước ngoài đã bị ngành hải quan phát hiện. Năm 1997, công an đã chuyển giao chỉ riêng cho Bảo tàng Lịch sử VN tại TPHCM là 8.623 cổ vật, trong đó hơn 50% cổ vật có nguồn gốc ở các chùa.

Trong tình trạng quản lý mà trách nhiệm lại không quy (bằng luật) thuộc về ai như hiện nay, liệu có bao nhiêu cổ vật quý giá ở các di tích sẽ bị kẻ gian lấy mất?

(theo Lê Huân, báo Lao Động ngày 24.3.2000)

Chủ bài... (tiếp theo trang 1)

Vậy thì, đâu là những ưu, nhược của nước Việt Nam hiện nay, 25 năm sau ngày hoà bình, độc lập, thống nhất trở về ?

Câu hỏi thiết tưởng không thể tách rời những phân tích về tình hình cụ thể, về các thử thách mà Việt Nam phải đương đầu *trong hiện tại và trong một vài chục năm tới*. Bởi ưu, nhược điểm là tương đối, và có tác dụng khác nhau trong sự đối phó với chiến tranh hoặc trong các yêu cầu xây dựng đất nước. Nguy cơ tụt hậu đang đe dọa đất nước nhiều hơn một nguy cơ bị xâm lấn võ trang. Do đó, phải chăng câu hỏi trên kia trước hết cần được rọi chiếu dưới góc độ của những vấn đề kinh tế, xã hội ?

2. Nói xây dựng không thể không nghĩ tới những yếu tố tự nhiên gắn với mảnh đất hình chữ S của chúng ta : tài nguyên nhiều, ít ; mưa thuận gió hoà hay thiên tai, bão lụt... Những cơn bão lớn đổ lên nước ta mấy tháng trước (và nếu đi ngược thời gian, khoảng cách có vẻ như bị rút ngắn lại giữa hai thiên tai trong khoảng mười mấy, hai mươi năm qua) cho thấy không thể coi thường các yếu tố đó. Những câu hỏi cần đặt ra không ít. Chẳng hạn, chiến lược khai thác dầu mỏ, mối quan hệ vừa đối chọi vừa hỗ tương giữa phát triển và bảo vệ môi trường, giữa những nhu cầu của thế hệ hôm nay và mai sau v.v... Đó là những câu hỏi - trong nhiều câu hỏi khác - cần được thảo luận nghiêm túc và dĩ nhiên công khai trên các tạp chí, sách vở. Song, nói cho cùng, tài nguyên tự nhiên vừa có cuộc sống độc lập của chúng, vừa có tác dụng tùy theo khả năng khai thác, sử dụng, nuôi dưỡng hay tàn phá, phát huy và phòng ngừa của những người sống trong đó. Khả năng đó lại bao gồm sự chọn lựa với ít hay nhiều chính xác nơi chốn, địa hạt và thời điểm đầu tư sức người, sức của. Lại một lần nữa, câu hỏi về những ưu thế và trở lực trên kia tưởng cần được xem xét trước hết về những khía cạnh liên quan tới bản thân những người trong cuộc và những mối liên hệ mà họ đang và sẽ kết nối với những cộng đồng khác ở chung quanh và trên thế giới.

3. Những kết quả của cuộc tổng điều tra dân số ngày 1.4 năm 1999 hẳn sẽ giúp các nhà nghiên cứu xã hội học, dân tộc học, kinh tế học... vẽ lên một bức chân dung hoàn chỉnh về dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ 20 này. Trong khi chờ đợi những con số đầy đủ hơn, qua những kết quả điều tra từ nhóm dân số mẫu (khoảng 3% tổng dân số) được công bố ngày 12.1 vừa qua và những thông tin khác, ta cũng có thể nêu ra vài nét lớn. Trước hết, một nét nổi bật thực ra dễ thấy qua những quan sát bình thường : *dân Việt Nam hôm nay rất trẻ*. Tỷ trọng trẻ em dưới 15 tuổi là 33,5%, tỷ trọng người già (65 tuổi trở lên) là 5,8% năm 1999.

Tuổi trẻ ấy hiển nhiên là một chủ bài quan trọng hàng đầu, mà nhiều nước trên thế giới hiện không có được. Nhưng ở đây, xin nêu lên trước hết một khía cạnh đặc thù của Việt Nam, một vấn đề chính trị tưởng cần được giải quyết càng sớm càng tốt để phát huy các tác dụng của chủ bài nói trên. Nếu lấy năm 1975 làm gốc, và dùng tỷ lệ tăng trưởng dân số 2,1 % mỗi năm (trung bình của thời kỳ 1979-89), một con tính sơ cho thấy

không xa 50 % dân số ở tuổi dưới 25, tức là sinh ra sau hai cuộc chiến tranh giành độc lập chống Pháp và chống Mỹ. Nếu lùi xa hơn về khoảng mười năm trước, tức là tính những người năm nay dưới 35 tuổi, có thể nói không nhầm là *một đa số áp đảo dân Việt Nam hôm nay không còn hay rất ít bị ràng buộc bởi những tình cảm hận thù (ở cả hai phía) do chiến tranh để lại*. Đây là một ưu thế khách quan rất lớn cho những chính sách hoà hợp dân tộc lẽ ra cần được tiến hành ngay từ năm 1975, song vẫn vô cùng cần thiết để thay thế cho những tuyên truyền nuôi dưỡng hận thù mà chính quyền vẫn ương bướng tiến hành và áp đặt trên các phương tiện truyền thông trong nước (trong khi, vì những lý do trực lợi dễ hiểu nhưng không vì thế mà kém khôn ngoan, họ không ngớt lên tiếng muốn "làm bạn với mọi người trên thế giới", kể cả kẻ thù cũ là Mỹ). Việc một thiểu số chống cộng cực đoan không kém ương bướng trong các tuyên truyền cũng đẩy thù hận của họ không thể biện minh cho việc chính quyền từ chối đi bước đầu bãi bỏ những phản xạ coi mọi tiếng nói phê phán các chính sách của mình là thù địch.

Xin mở ngoặc để nói ngay : việc bãi bỏ những tuyên truyền lỗi thời kia không mâu thuẫn với yêu cầu nuôi dưỡng một trí nhớ tập thể về thời kỳ đã qua. Ngược lại, nó đòi hỏi cho phép những nhà sử học tự do nghiên cứu, những nhà văn tự do viết về thời kỳ đó, rút ra những bài học về các chiến lược, chiến thuật bảo vệ quốc gia là một đảng, và đảng khác quan trọng không kém, là những bài học nhân văn - từ các hành động tốt cũng như xấu đã xảy ra ở mỗi phía - cần được trân trọng, để tình người trong mỗi thế hệ được sâu sắc hơn, các đối chọi về quyền lợi được xử lý tốt đẹp hơn. Làm cho xã hội bớt đi những căng thẳng tâm lý chẳng phải là một đóng góp cho sự xây dựng kinh tế dễ dàng hơn sao ? Đóng ngoặc.

Có cần nói thêm rằng, không coi các tiếng nói đối lập là thù địch là một tiêu chí quan trọng hàng đầu của một nền chính trị dân chủ ?

4. Mặt khác, khi quá khứ còn giữ một vị trí quá lớn trong các suy nghĩ của nhà cầm quyền, thay vì lẽ ra phải là hiện tại và tương lai, làm sao tránh khỏi tình trạng là quá nhiều chính sách, tư duy của thời chiến tranh, bao cấp vẫn được duy trì hoặc được cải tổ rất chậm chạp dù đã tỏ ra quá lỗi thời, như những ví dụ về chính sách hộ khẩu, về sự thống trị của khu vực quốc doanh trong nền kinh tế cho thấy.

Trong khi đó, sức ép của những nhu cầu của cuộc sống vẫn mỗi ngày một tăng lên, sự cách ly giữa nhân dân và nhà cầm quyền khiến cho những đòi hỏi của lớp trẻ không hoàn toàn là dễ hiểu, chưa nói tới việc thoả mãn chúng. Thế mà, có gì tự nhiên hơn, cái yêu cầu được tự do đi lại, tìm về các thành phố có những ánh đèn màu, những công ăn việc làm mà nông thôn nghèo đói không thể đem lại cho gần 77 % dân số cả nước ? Thoả mãn nó đặt ra một số vấn đề, nhưng lại là giải phóng biết bao năng lực, dẫn tới những giải pháp mới cho bao nhiêu bế tắc khác. Trong khi, cái *tư duy ngăn dè* của những chính sách hộ khẩu, dưới vỏ " ổn định ", liệu có khả năng duy trì mãi những tình trạng kinh tế - xã hội hầu như bất biến trong cảnh nghèo nàn, lạc hậu của nông thôn Việt Nam hôm nay ?

Ở đây, thiết nghĩ, hỏi cũng đã là trả lời. Thế nhưng, tình hình rõ ràng sẽ không đổi thay mau chóng khi *chính lớp trẻ không trực tiếp trách nhiệm lấy cuộc sống của mình*. Để thoả mãn những nhu cầu của thế hệ mình, và ngay cả chỉ để được tự do thảo luận về những nhu cầu đó. Về điểm này, nổi bật vẫn là nét đáng buồn : tuổi trẻ tiếp tục bị những ràng buộc, kiểm chế, kiểm soát của bộ máy cầm quyền, không có được những tự do hoạt động chính trị bình thường nhất : tự do tập hợp, tự do tranh luận về mọi vấn đề của đất nước. Và chưa tìm được cách vượt qua những ràng buộc ấy. Chỉ nhìn vào nội dung của tờ báo mang tên **Tuổi Trẻ** vài năm gần đây là đủ thấy những ràng buộc ấy nặng nề đến đâu. Thậm chí, ngay trong bản thân đảng cầm quyền, sự nghi kỵ tuổi trẻ cũng thể hiện ở mọi cấp, với một kết quả rõ nét : sự vắng mặt hay sự hiếm hoi của những người trẻ trong các vị trí chính trị có ý nghĩa. Trong vấn đề đã nêu trên kia, cũng có thể nói sự vắng mặt này ảnh hưởng không nhỏ tới sự tiếp tục các chính sách tuyên truyền về một thời mà đa số dân chúng không trải qua hoặc không còn giữ trong trí nhớ. Ngăn đê hay trị thủy, lại vẫn là một câu hỏi liên quan tới phương cách phát huy một chủ bài mới chỉ có trong dạng tiềm thể !

5. Song, người ta vẫn có thể nghĩ rằng những sự kiểm chế đó sẽ dần dần bị buộc phải nới rộng, cũng như nhiều chính sách kinh tế giáo điều, cứng nhắc ngày xưa đã phải nhường chỗ cho những cải tổ, " đổi mới " từ hơn 10 năm nay. Và ngay cả trong trường hợp xấu nhất, quy luật sinh học cũng sẽ dẫn đến sự thay đổi thế hệ ở mọi vị trí xã hội !

Do đó, vẫn cần đi sâu vào câu hỏi về ưu, nhược điểm của tuổi trẻ Việt Nam hôm nay, về khả năng thực tế của thế hệ này trong việc giải quyết những vấn đề đang đặt ra cho mình và cho đất nước. Liệu nó có sáng tạo được những giải pháp để vượt qua các bế tắc về chính trị, để thành công trong kinh tế, để xây dựng được nếp sống xã hội văn minh với những nét đặc thù văn hoá dân tộc, v.v. ?

Một câu hỏi liên quan : Tuổi trẻ đó có được học hành tử tế, được tiếp xúc với thế giới bên ngoài ?

Kết quả của cuộc tổng điều tra dân số nói rằng " đối với số dân từ 10 tuổi trở lên, tỷ lệ biết đọc, biết viết là 91 % (năm 1989 là 88 %) ; đối với số dân từ 13 tuổi trở lên có 7,6 % đạt được một trình độ chuyên môn, kỹ thuật nào đó ; trong đó : 2,3 % là công nhân kỹ thuật hoặc nhân viên nghiệp vụ đã được đào tạo, 2,8 % có trình độ trung học chuyên nghiệp, 0,7 % cao đẳng, 1,7 % đại học và 0,1 % có trình độ trên đại học. "

Bên cạnh những con số học sinh các cấp ở trong nước, người ta cũng có thể kể thêm một số bắt đầu không nhỏ sinh viên đi học ở nước ngoài (tuy con số này có lẽ chưa vượt qua 10 ngàn, xin xem số du học sinh ở Mỹ trong ĐĐ số 91). Sự kiện đa số du học sinh là con em của các quan chức lớn trong chính quyền, hoặc của những ' nhà giàu mới ' ít nhiều gắn bó với bộ máy, có lẽ không khác lắm với ở các nước nghèo khác, và dù có rõ rệt hơn đôi chút so với các nước khác, không làm giảm đi bao nhiêu ý nghĩa tích cực của việc ngày càng có nhiều thanh niên có điều kiện ra ngoài học tập - và trong giả

định rằng tỷ số trở về sẽ đông hơn những thời kỳ trước khi còn chiến tranh hoặc khi kinh tế còn quá khó khăn. Kinh nghiệm cho thấy, lớp thanh niên ấy không chỉ học được những tri thức khoa học, kỹ thuật cần thiết cho công cuộc phát triển đất nước, mà một số không nhỏ qua tiếp xúc với nếp sống dân chủ ở nơi mình học cũng thấm dần những suy nghĩ, tác phong mà họ không thấy ở trong nước. Đúng là không có tính tiền định nào buộc các 'con ông cháu cha' phải tiếp tục những tác phong gia trưởng, phản dân chủ của cha ông họ.

Thế nhưng, những con số " 1,7 % đại học và 0,1 % có trình độ trên đại học ", cộng với số sinh viên du học nói trên, có thực là minh chứng cụ thể về ưu điểm của tuổi trẻ Việt Nam, thì lại là vấn đề khác. Ngoài sự mất thăng bằng so với con số công nhân kỹ thuật có tay nghề - lẽ ra phải cao hơn nhiều mới đáp ứng được những đòi hỏi của nền kinh tế -, người ta không thấy rõ hiệu quả của con số cả triệu người có trình độ đại học ấy trong nền sản xuất và trong cuộc sống xã hội. Trong kinh tế, các nhà đầu tư nước ngoài bắt đầu than van về sự thiếu hiệu năng của nhân lực Việt Nam. Và, một ví dụ nhỏ khác : chẳng ai quan tâm đến những tuyên bố huênh hoang của một ông thứ trưởng rằng Việt Nam sẽ nhảy vào thị trường công nghệ cao chỉ trong vài năm tới. Một vài tài năng chớm nở, được quảng cáo rầm rộ trên những phương tiện truyền thông, vẫn chỉ chứng minh những khả năng tiềm ẩn - và trong một vài trường hợp như việc đổ công sức cho các thí sinh học đêm ngày để giành những giải thưởng *thi cử* dù là quốc tế, chỉ có tác dụng tai hại là tạo ảo tưởng về thực lực của cả một thế hệ, một dân tộc. Cái nhược điểm quá coi trọng bằng cấp, coi trọng cái học từ chương, được các nhà nho yêu nước vạch ra từ đầu thế kỷ hình như vẫn ngự trị, thậm chí trầm trọng hơn dưới các chính sách giáo dục, văn hoá của chế độ. Bên cạnh đó, sự nghèo nàn của những nghiên cứu khoa học xã hội - và sự lão hoá của đội ngũ các nhà nghiên cứu mà mặt báo này đã có dịp phản ánh từ mấy năm trước ! là một ví dụ khác về cái nhược điểm rất lớn ấy của dân tộc, mà thế hệ trẻ hiện nay vẫn mang trên người.

6. Thiếu các cuộc thảo luận tự do trên những phương tiện truyền thông, không bị vòng kim cô chính trị của đảng kềm chặt, người ta không thấy nở rộ những ý tưởng độc đáo, mới lạ hoặc có tác dụng cao được lớp trẻ có trình độ học vấn đưa ra nhằm giải quyết những vấn đề gay góc của cuộc sống. Và người ta cũng không thấy được những tìm tòi của chính lớp trẻ ấy - với những góp ý, chứ không phải áp đặt của những người lớn tuổi hơn - để phát huy ưu điểm và khắc phục nhược điểm của mình, ưu điểm và nhược điểm được bộc lộ qua thử thách khi thực thi trách nhiệm ở mọi cương vị, chứ không phải chỉ là qua suy luận, phán đoán từ sách vở (tuy không ai chối cãi là từ sách vở, hiểu biết của những nhà nghiên cứu, người ta có thể rút ra được nhiều điều hữu ích...).

Đó là một khía cạnh khác nói lên khó khăn của việc giải đáp những câu hỏi và những vấn đề nêu trên kia. Song, xin nhắc lại, bài viết nhỏ này chỉ là vài suy nghĩ tản mạn về một chủ đề thảo luận quan trọng, thiết tưởng cần được nêu ra trong những ngày kỷ niệm một phần tư thế kỷ này...

Hoà Văn

**Tân thư và sự vận động của
Tư tưởng Dân chủ ở
Việt Nam trong hai mươi năm đầu
thế kỷ XX**

Trần Ngọc Vương

LTS. Trong khuôn khổ chủ đề “ giao thừa thế kỉ ”
chúng tôi giới thiệu trong số này một bài viết của
Trần Ngọc Vương (Trường Đại học Quốc gia
Hà Nội).

Cuộc xâm lăng toàn cầu của chủ nghĩa tư bản Âu - Mỹ đang trở thành chủ nghĩa đế quốc, đặt toàn bộ các dân tộc phương Đông, mà trước hết là giới trí thức theo các truyền thống cựu học, đối diện với hàng loạt thực tế khác trước, gây chấn động sâu sắc, thậm chí dẫn đến sự lật đổ hàng loạt những tín niệm cố hữu của họ về thế giới. Có thể nói đến ba bình diện lớn trong đó diễn ra những trạng thái cách mạng về nhận thức là việc nhận thức về tiến hoá xã hội, về vị trí của người dân và về vai trò của khoa học kỹ thuật liên quan trước hết đến sự phát triển kinh tế. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ trình bày rõ hơn về một trong ba vấn đề đó : sự nhận thức và thực tiễn hoá tư tưởng dân chủ trong xã hội Việt Nam ở các nhà Nho duy tân đầu thế kỷ.

I. Nhìn lại các quan niệm về “ dân ” trong các học thuyết truyền thống

1. Liên quan trực tiếp đến việc xác lập nội hàm của cách hiểu về “ dân ” trong truyền thống là các học thuyết đã từng đóng vai trò ý thức hệ chính trị hoặc tác động đến việc hình thành nên các ý thức hệ chính trị đó : Phật giáo, tư tưởng Lão Trang, Pháp trị và Nho giáo. Vì trong nền chính trị Đông Á, Nho giáo đã từng là ý thức hệ chính thống có vận mệnh lịch sử lâu dài nhất và giữ vai trò chi phối quan trọng nhất, nên tư tưởng về dân của Nho giáo dĩ nhiên cũng là đối tượng quan trọng nhất để bàn tới.

Các nhà nghiên cứu Nho giáo đã quá quen thuộc với việc hình dung lịch sử Nho giáo ở Trung Quốc thành các giai đoạn lịch sử có nội dung tương đối phân biệt, với những đặc trưng mang tính thời đoạn, trong đó có cả đặc trưng thời đại của quan niệm về dân. Tuy vậy, cần khẳng định lại một lần nữa rằng những ý niệm khởi nguyên chủ yếu nhất làm nên bản chất học thuyết vẫn được xác định từ các nhà kinh điển không nghi ngờ của học thuyết đó là Khổng Tử và Mạnh Tử. Nhất thiết phải nhìn nhận lại quan niệm về dân ở hai vị Thánh sư này, trước khi nói tới sự bổ sung và hợp nhất mang tính kết tủa ở các giai đoạn hậu kỳ.

Hầu như giới nghiên cứu đều đã khẳng định rõ ràng rằng không thể tìm kiếm một ý niệm dân chủ ở Khổng Tử. Ở người sáng lập quan trọng nhất của học thuyết Nho giáo này, dân là một tập hợp đa số nhưng vô danh, hầu như không bao giờ được tính đến với tư cách là các cá nhân cụ thể. Tuy Khổng Tử là người hình dung mạch lạc về một thế giới có chủ, mà người chủ cao nhất là Trời (“ *Hoạch tội vu Thiên, vô sở đảo giả* ”, Phạm tội với Trời thì không cầu đảo vào đâu được nữa), rồi đến Thiên tử – người “ *đại Thiên hành hoá, thế Thiên hành đạo* ” – đến chư hầu, đến sĩ đại phu, rồi mới đến người bình thường (“ *thất phu* ”), ông cũng trực giác thấy rằng cần phải sử dụng “ *dân* ” như một đối trọng cần thiết và đôi lúc, như một sự bảo đảm. Căn cứ vào toàn bộ hành trạng và ngôn luận của Khổng Tử, có thể nói Khổng Tử không hề ngờ vực tính chất “ *chi tôn, bất khả tư nghị* ” của ngôi vua. Hãy xem lại đoạn văn mô tả ngắn gọn, hàm súc, mà không hiểu sao tôi lại cảm thấy đầy tính chất hoạt kê này trong *Luận ngữ* :

“(Tử) *nhập công môn, cúc cung như dã, như bất dụng ; lập bất trung môn, hành bất lý vực. Quá vị, sắc bột như dã, kỳ ngôn tự bất túc giả. Nhiếp tư thăng đường, cúc cung như dã, bình khí tự bất túc giả. Xuất giảng nhất đẳng, sinh nhan sắc, di di như dã. Một giai, xu dục như dã. Phục kỳ vị, phúc tích như dã*”. (Khổng Tử vào chỗ công môn, khúm núm lễ phép, như cửa bị thấp ; khi đứng, không dám đứng giữa cửa, khi đi, không giẫm lên ngạch cửa. Qua chỗ ngôi vua (ngôi trống), mặt tái mét chân run rẩy, nói chẳng ra lời. Vén áo lên công đường, khúm núm lễ phép, nhin khí như không thở. Một khi ra ngoài rồi mặt tươi trở lại, nét vui vui lên. Đến thêm như đuổi cánh. Về chỗ trở lại, thì lại kinh sợ như cũ (*Luận ngữ - Hương đảng*).

Tuy vậy, ông không vì ngôi vua mà hy sinh dân chúng. Ngược lại, chính Khổng Tử lại là người khơi dậy ý tưởng “ *ý dân là ý Trời* ”. Ngôi vua tuy chí tôn, nhưng “ *Dân vô tín bất lập* ” (Dân không tin thì không ở ngôi vua, *Luận ngữ - Nhan Uyên*).

‘ Dân ’ là một thực thể hồn hậu, bí ẩn, nhưng cũng thuần phác, nguyên sơ, vậy nên vừa phải “ *chăn dân, dạy dân, nuôi dân* ”, lại vừa phải thận trọng đừng làm gì quá quắt đối với họ. “ *Xuất môn như kiến đại tân ; sử dân như thừa đại tế* ” (Ra cửa phải nghiêm trang như gặp khách quý, sai khiến dân phải thận trọng như cử hành một nghi lễ lớn, *Luận ngữ - Nhan Uyên*).

Nếu như với Khổng Tử, giới nghiên cứu khá nhất trí hình dung ông là một nhà tư tưởng khôn ngoan của chế độ quân chủ, thì với Mạnh Tử, trong hàng loạt công trình nghiên cứu lại bộc lộ những cách xem xét, những sự đánh giá không thống nhất, đặc biệt là thái độ của vị này đối với dân. Cả trong truyền thống trước đây, cả ở các nhà tân Nho giáo đời nay, không ít ý kiến cho rằng Mạnh Tử là người có đóng góp nhiều nhất cho tư tưởng dân chủ trong toàn bộ lịch sử chính trị Đông Á. Ngược lại, cũng khá nhiều người xem Mạnh Tử chỉ là người khôn ngoan tìm cách điều hoà mâu thuẫn, tự tạo ra những cái bẫy về lôgic nhận thức không thể thanh toán được. Nhìn tổng thể, chúng tôi chia sẻ với ý kiến bình luận về ông này của học giả Vi Chính Thông : “... *Rõ ràng thuyết cách mạng của Mạnh Tử khác rất xa với cuộc cách mạng nhằm thiết lập nền dân chủ*

cộng hoà thời nay. “ Dân quý, quân khinh ”, mới nghe qua thì tưởng như giống với tư tưởng quyền thuộc về dân theo quan niệm dân chủ cận đại. Những người quen kiểu phụ hoạ, phỏng đại liền có nhận định như vậy. Nhưng nếu đi sâu phân tích, thì sẽ thấy hai quan niệm đó khác xa nhau ” (1).

Thân dân và dân chủ là hai định hướng tư tưởng thuộc về hai loại hình ý thức hệ chính trị khác biệt nhau. Hầu như ở các thời điểm thịnh trị của chế độ quân chủ, thậm chí chế độ chuyên chế, đều có những biểu hiện mức độ đậm nhạt khác nhau của tư tưởng thân dân.

2. Trong thực tế chính trị Trung Quốc và các nước Đông Á khác kể từ thời Hán Vũ đế, tuy về hình thức học thuyết, ý thức hệ được công bố công khai độc tôn là Nho giáo, nhưng trong thực tế, ảnh hưởng với tính cách là di sản và cấm nang chính trị, Pháp gia lại được truyền thừa từ đời này sang đời khác bởi chính nhà Nho. Chúng tôi đã từng cho rằng điểm gặp nhau cơ bản giữa hai học thuyết từng là tử thù chính trị này chính là việc cùng khẳng định tính tối thượng của ngôi vua chuyên chế. Bản thân Nho giáo từ đời Hán trở đi, để được khẳng định ở địa vị độc tôn phải đặc biệt tăng cường nội dung tuyệt đối hoá ngôi vua theo hướng thân bí. Từ đời Đổng Trọng Thư cho đến Khang Hữu Vi thời cận đại, tinh thần đẳng cấp, tôn ti trật tự của xã hội luôn luôn được lập đi lập lại như một nguyên lý không cần và không được bàn cãi về quan niệm chính thống của Nho giáo : “ Người gia trưởng nhận gia sản từ tổ tiên hay tự làm ra chứ không nhận từ tay con cháu. Vua nhận từ trời chứ không phải từ dân, chịu trách nhiệm với Trời chứ không phải với dân. Người gia trưởng có thể công bằng hay không, sáng suốt hay không do đó con cháu cũng nhờ nhiều hay ít ; vua cũng thế, nếu hiền đức, sáng suốt thì dân được nhờ, nếu trái lại thì dân khổ, dân không có cơ sở gì để đòi hỏi, pháp lý gì để đấu tranh cả. Dân chỉ có thể vui buồn, ơn oán và mơ ước, chờ đợi vua thánh tối hiền. Với một con người không có gì, không có để mà mất, không thấy mất nên cũng không biết đòi gì, lấy gì để nói nhân đạo và dân chủ ? ” (2).

Tư tưởng “ tiểu quốc quả dân ” (nước nhỏ dân ít) của học thuyết Lão Trang phản ánh một thực trạng cát cứ phân lập tự phát, tuy có mâu sắc chống chuyên chế, chống cực quyền nhưng lại không nhằm tới một xã hội dân chủ. Những người theo Pháp gia hoặc chịu ảnh hưởng của thuyết Pháp trị càng không bao giờ xích lại gần tư tưởng dân chủ.

3. Tuy trong truyền thống, Mặc gia ở thời cổ đại, Phật giáo trong suốt lịch sử tồn tại của nó có xây dựng những tiền đề lý thuyết và trong hoạt động thực tiễn cũng có những nỗ lực để hướng tới nguyên tắc công bằng, bình đẳng, bước khởi đầu của dân chủ – nhưng vận mệnh Mặc học ngán ngủi, Phật giáo cũng chẳng lâu bền ở cương vị ý thức hệ. Tất cả các thiết chế xã hội từng tồn tại trên đất Trung Quốc hay Việt Nam cho đến thời kỳ cận đại đều có tính chất quân chủ hay chuyên chế.

Nguyện vọng, nhu cầu và tình cảm hướng tới một sự công bằng, một cơ chế bình đẳng xã hội và sự hoà nhập thân phận thì ở mọi thời đại và mọi phương trời đều tồn tại. Tuy nhiên, dân chủ với tư cách là một lý luận chính trị, như một thể chế chính trị - xã hội thì chỉ có thể xuất hiện khi trong xã hội xuất hiện hàng loạt tiền đề về mọi phương diện : chính trị, pháp

quyền, kinh tế và văn hoá. Nhìn nhận vấn đề theo thực tiễn, có thể nói hai tiền đề quan trọng nhất để hình thành ý niệm về dân chủ – hai tiền đề mà ở phương Đông đều tỏ ra yếu kém về mặt cơ sở lịch sử – là sự khẳng định quyền tư hữu (về phương diện kinh tế) và quá trình xuất hiện con người cá nhân (individu) về mặt xã hội.

II- “ Dân chủ ” từ Châu Âu và “ Dân chủ ” được nhà nho Duy Tân tiếp nhận

1. “ Dân chủ ” là một sản phẩm vĩ đại của lịch sử chính trị. Cần phải nói ngay rằng cho đến tận thời hiện đại, bản thân ý tưởng “ dân chủ ” cũng còn nhiều phương diện bất túc, cần được hoàn thiện tiếp tục. Những mặt trái hiển nhiên của một nền chính trị dân chủ cho đến nay còn được các triết gia và chính trị gia tiếp tục phân tích và phê phán. Dù sao mặc lòng, “ dân chủ ” vẫn là một cú “ sốc ” làm đảo lộn nhãn quan chính trị của nhiều tầng lớp xã hội Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

2. Khái niệm của Nho gia “ Dân vi bang bản ” (dân là gốc của nước, nước lấy dân làm gốc) không phải, chưa phải là một ý tưởng dân chủ. Một tập hợp không xác định (*indefini*) như khái niệm “ dân ” không thể tự nó trở thành ý niệm chủ thể quyền lực. Để “ dân ” trở thành chủ thể quyền lực, trước hết “ dân ” phải là chủ sở hữu. Có lẽ không cần thiết phải chứng minh, rằng trên bình diện này, thì cho đến cuối thế kỷ XIX, nguyên tắc lập pháp tối cao về sở hữu : “ *Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ, suất thổ chi tân, mạc phi vương thân* ” (Dưới gầm trời này, không nơi nào không phải là đất của vua, mọi người dân từ mọi miền đất, mọi bến nước không ai không là bề tôi của vua) vẫn được thừa nhận một cách mặc nhiên. Hầu như “ chân lý phổ biến ” đó đã khiến mọi người – đều là thân dân – xúc động với những tâm sự mà Nguyễn Đình Chiểu bộc bạch : “ *Nợ áo cơm phải trả đến hình hài* ”, “ *Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thiên dân ; cây hương nghĩa sĩ thấp thêm thơm, cảm bởi một câu vương thổ* ” (Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc). Con người cá nhân trong thiết chế chuyên chế truyền thống chưa được “ tiêu chuẩn hoá ” – nó không có “ tư hữu ” – bởi mọi thứ tài sản về nguyên tắc đều là của vua, đến thời gian cũng là “ ngày Nghiêu tháng Thuấn ” ; hình hài vừa là “ di thể của cha mẹ ”, lại vừa là phương tiện trung chuyển có ý nghĩa bốn phần lớn hướng tới tương lai (“ *Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại* ”, Bất hiếu có ba điều, không có con nối dõi là lớn nhất).

Để ‘dân’ có thể làm ‘chủ’, trước hết là người ‘dân’ phải ‘tự chủ’, nói theo ngôn ngữ hiện đại, là “ làm chủ bản thân ”. Nói khác đi, phải tồn tại con người cá nhân thực thụ. Thế nào là một con người cá nhân đích thực ?

Trước hết, đó phải là một cá thể đơn trị và đẳng lập trước luật pháp với các cá nhân khác. Nếu diễn dịch một cách nôm na, thì xã hội cần phải thừa nhận một nguyên tắc chung : mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ trước các điều khoản về khế ước xã hội và nhân quyền. Vi Chính Thông rất có lý khi nói rằng : “ *Tự do không được sự bảo vệ của luật pháp thì không phải là tự do thực sự* ”. Cơ chế tự do, nói theo truyền thống trước đây, là gồm những nội dung mới và phức tạp về chính trị và văn hoá xã hội. Thành phần của cơ chế đó

gồm có :

1. Một bản hiến pháp thành văn ;
2. Nghị viện các cấp gồm các đại biểu nhân dân ;
3. Một chính phủ có thể chấp nhận những nhiệm vụ hiến pháp giao phó và có thể chịu trách nhiệm trước nhân dân ;
4. Toà án các cấp có thể độc lập với hệ thống hành chính ;
5. Những quan toà và luật pháp không chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng, đảng phái và có thể kiên trì chính nghĩa ;
6. Những đoàn thể lấy việc xúc tiến tự do làm tôn chỉ của mình ;
7. Những cơ quan ngôn luận tuyệt đối tự do và công minh chính trực ;
8. Đảng đối lập có thực lực ;
9. Chế độ bầu cử thực sự thể hiện ý dân ;
10. Hệ thống giáo dục không đi ngược lại nguyên tắc dân chủ tự do.

Lúc bình thường, “ tư duy lý luận hình như không thuộc sở trường của ông cha ta ” nên lúc “ lửa sém lông mày ”, “ hòn máu uất chất quanh đây ruột ”, đòi hỏi một sự hình dung mang tính toàn diện, hệ thống về nội dung tư tưởng dân chủ thì quả là một đòi hỏi quá tầm của thực tế lịch sử. Tuy nhiên, chính cả những mặt bất cập về tư duy lý luận, cả sự phong phú, phức tạp của sự phát triển thực tiễn các phong trào cách mạng lại dẫn tới một thực tế, lại tạo ra những sản phẩm đáng ghi nhận và tổng kết về lý thuyết.

3. Trước một thực tế là đất nước bị ngoại xâm giày xéo ; triều đình nhà Nguyễn từng bước một từ chỗ mất dần đến mất hết chủ quyền ; chủ nghĩa thực dân “ diễu võ dương oai ”, thì thố mặc sức những điểm ưu việt về mặt kỹ thuật và tri thức, dân tộc bị đánh bại nhưng không cam chịu ; các nhà Nho duy tân, đại diện cho tầng lớp tinh hoa và biểu tượng đầy đủ nhất của lương tri dân tộc đã đứng cầm tiến hành một cuộc tổng thẩm định mang tính chất tự phê phán trên hầu khắp mọi lĩnh vực của tồn tại xã hội. Vấn đề chủ thể của sự kiến tạo lịch sử, vì vậy, cũng được mang ra bình giải, và là sự bình giải công khai, khắc nghiệt.

Chưa bao giờ trong lịch sử có sự phê phán rõ ràng : “ Vua là tượng gỗ ” như trong kết luận đanh thép của các nhà Nho Duy tân. Từ lúc nhìn thấy cảnh :

*Cơm ngự thiện bữa nghìn quan,
Ngoài ra dân đói dân tàn mặc dân.*

thì các nhà trí thức tâm huyết với vận mệnh dân tộc không thể không đi tới kết luận :

*Vua ngồi thăm thăm cung sâu,
Một đời chỉ biết dè dặt dân đen.*

Thực dân xâm lược hiển nhiên là không muốn truyền bá tư tưởng dân chủ ; nhà Nho, giới trí thức tinh hoa của xã hội Việt Nam ở giai đoạn này thì không đủ sức tự hiểu và vận dụng đúng tư tưởng dân chủ ; sách vở có nguồn gốc phương Tây (Tân thư) chuyển tải nội dung dân chủ thông qua lăng kính của các nhà Nho cải cách ở Trung Quốc, Nhật Bản và một số ít nhà Nho Việt Nam đã trình bày một cách sai lệch về tư tưởng đó ; vì vậy hậu quả cuối cùng là một khát vọng, một nhu cầu nóng bỏng về cải cách, duy tân, dân chủ hoá nhưng không được lý luận hoá nghiêm túc và chặt chẽ ở bất cứ tác giả, tác

phẩm nào vào thời gian hai thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XX.

Nhưng ngôi vua mất hết mọi giá trị ; kẻ cầm quyền, có quyền thực thụ lại là kẻ thù dân tộc, giới quan lại và cả tầng lớp trí thức nói chung không còn giữ được uy tín như trước. Trong điều kiện chưa có một tầng lớp, một giai cấp xã hội nào thực thụ trưởng thành và đại diện xứng đáng cho lực lượng sản xuất tiến bộ nhất, cũng tức là đại diện cho phe cách mạng một cách có uy tín nhất, thì nhà Nho vẫn tiếp tục phải làm thay nhiệm vụ của giai cấp tư sản, rồi thậm chí trở nên người phát ngôn cho những nhiệm vụ cách mạng của giai cấp vô sản. Thành tựu và giới hạn chủ yếu của nhà Nho Duy tân về phương diện nội dung dân chủ thể hiện một cách tập trung nhất qua hình tượng người quốc dân trong sự tuyên truyền chính trị và trở thành hình tượng văn học của văn học Việt Nam.

4. Con đường lịch sử về mặt pháp quyền của người dân trong xã hội Việt Nam là từ người thân dân qua người quốc dân đến người công dân theo Hiến pháp ngày nay. Người thân dân như ở trên đã nói, được xác định là ở trong một thế giới có chủ và bản thân họ là người bị sở hữu. Một khi “ Bốn dân nghiệp có cao cùng thấp, đều hết làm tôi thánh thượng hoàng ” (Nguyễn Trãi), thì từ Tế tướng trở xuống đều phải chịu một thứ thân phận “ nô lệ phổ biến”. Khác với cấu trúc lãnh chúa - nông nô ở phương Tây thời Trung cổ (phân định rõ chủ sở hữu và là tư hữu, với người lãnh hữu - tức tá điền; trong xã hội còn tồn tại những thành phần dân cư khác, có số lượng đáng kể và khi có điều kiện dễ dàng phát triển thành lực lượng đối lập, là người dân tự do), ở khu vực Đông Á truyền thống người có sở hữu, có tư cách pháp định tối cao và duy nhất là vua chuyên chế. Không được khẳng định quyền sở hữu có nghĩa là trở thành người phụ thuộc, người thân dân theo cách đó không thấy bị tước đoạt nên cũng không có nhu cầu rõ ràng đòi lại cái bị tước đoạt. Con đường hình thành ý thức công dân, hình thành mẫu người công dân trong các xã hội phương Tây bắt đầu từ chỗ xác lập quyền sở hữu tư hữu đến các cá thể, không phải chỉ là một nguyện vọng tôn giáo hay đạo đức mà là một hay nhiều loại công ước, khế ước xã hội, biến mọi “ thành viên đầy đủ ” của xã hội ấy thành người công dân. Quyền bình đẳng, tự do, quyền tư hữu và những quyền cơ bản, cùng với những điều đó là những nghĩa vụ và bổn phận cơ bản của mọi công dân, được bảo đảm bằng công pháp, mang tính bắt buộc. Trong quan niệm “ dân vi bang bản ”, một khi vua quan không yêu thương, tôn trọng và cho phép dân ‘làm gốc’ thì dân đành chịu đựng, nhẫn nại chờ “ minh quân lương tướng ”. Còn trong quan niệm dân chủ, thì những người đứng đầu chính quyền là do dân bầu ra, nên họ buộc phải chịu trách nhiệm trước nhân dân. Quyền cao nhất của người dân trong xã hội dân chủ là quyền làm cách mạng xã hội, một thứ quyền mà con người thân dân không bao giờ có thể hình dung được.

Ở Việt Nam vào thời điểm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX sự vận động nội tại của lịch sử - xã hội chưa tạo ra những tiền đề cần và đủ cho việc xuất hiện một quan niệm về người công dân như vậy. Nhà Nho yêu nước nhiệt thành, một trong những người đi tiên phong trong văn học chống đế quốc, thực dân, như Nguyễn Đình Chiểu vẫn hình dung người nghĩa sĩ trong thân phận thân dân “ *tắc đất ngọn rau ân chúa* ”, “ *thương vì*

hai chữ thiên dân, cảm bởi một câu vương thổ “, nên hành động hy sinh vì đại nghĩa dân tộc của họ cũng đồng thời được giải thích là “ sống đánh giặc thác cũng đánh giặc..., sống thờ vua thác cũng thờ vua”, vì “ nợ áo cơm phải trả đến hình hài ! ”.

Tinh huống lịch sử của Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX xét trên bình diện cơ chế xã hội có thể nói là nằm trong một trạng thái khủng hoảng sâu sắc. Đó là một thực tế mà cái cũ đã mất vai trò, mất ý nghĩa lịch sử (chế độ vua quan và con người thân dân) nhưng cái mới lại chưa đủ trưởng thành để đáp ứng những đòi hỏi của một tiến trình phát triển mạch lạc tiếp tục. Người dân chưa trở thành người chủ, nhưng lại không còn yên vị là thân dân. Các học thuyết, các hệ tư tưởng mới không ra đời theo trình tự nội sinh mà xuất hiện khá bị động do sức ép từ bên ngoài của cuộc “ *thiên diễn mưa Âu gió Mỹ* ”. Người quốc dân là một nhân cách lịch sử quá độ và trong bối cảnh “ *nước kia đã mất nhà này cũng tan* ” thì người quốc dân được hình dung trong sự gắn bó trực tiếp với vận mệnh dân tộc. “ *Ô nước phải lo giữ nước, không nên giương mắt ngồi nhìn ; có thân thì quyết hiến thân, đầu gối co vùi chịu nhát* ”, được nhấn mạnh trước hết và chủ yếu là ở phương diện bổn phận, nghĩa vụ chứ không phải, chưa thể là ở phương diện quyền lợi. Người quốc dân là một nhân cách lịch sử mang đậm nội dung chính trị - đạo đức mà chưa phải là nhân cách kinh tế - xã hội. Có thể nói, từ góc độ triết học, đó là sản phẩm in đậm dấu vết tinh thần - ý chí luận của một thứ chủ nghĩa duy tâm cách mạng :

Có đàn rồi mới có ta

Đàn là rất trọng, ta là rất khinh.

Ấn đàng sau, đứng lên trên con người quốc dân đó, vẫn còn có vị trí hết sức đặc biệt và còn là tuyệt đối cần thiết của những người “ *đạo giác tư dân* ”, của những cá nhân “ *tiên tri tiên giác* ” – hình ảnh của các nhà Nho đã được hiện đại hoá.

Từ người “ *quốc dân* ” đến người công dân còn nhiều chặng phát triển gập ghềnh và gian khổ nữa. Do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt mà từ đầu thế kỷ này cho đến thập niên thứ tám, Việt Nam vẫn phải giành sự ưu tiên khảng định con người quốc dân. Kể từ lúc trên phạm vi toàn quốc mọi người được định hướng “ *sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật* ” thì ý thức công dân đích thực mới có điều kiện phát triển đầy đủ. Hàng loạt vấn đề được đặt ra vào đầu thế kỷ nhưng rồi phải tạm thời gác lại, và có khi gác lại gần trọn thế kỷ, đã khiến cho vấn đề có ý nghĩa thời sự cấp thiết. Tìm ra cách thức giải quyết vấn đề hợp lý, đáp ứng đúng yêu cầu cụ thể lịch sử của thời điểm mới, làm sáng tỏ để vượt qua điểm dừng lại trong sự hình dung về dân chủ của nhà Nho duy tân, đang là mối quan tâm to lớn của tất cả những ai quan tâm đến tiền đồ đất nước cũng như toàn xã hội.

Hà Nội 1996

Trần Ngọc Vương

Trích *Văn Học Việt Nam, dòng riêng giữa nguồn chung*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1999.

1. Vi Chính Thông : *Nho gia và Trung Quốc ngày nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1996, tr. 206.

2. Trần Đình Hượu : *Đến hiện đại từ truyền thống*, NXB Văn hoá và Thông tin, Hà Nội, 1996, tr. 92-93

Bạn hãy hình dung, có hai vòng tròn đặt bên nhau. Chỗ tiếp giáp chúng là một lối thông cho khách đi chợ qua lại. Lối rộng chừng sáu chục mét, dài khoảng năm chục mét. Giữa lối có một vòm cây xòe tán. Mùa xuân, cây rộ hoa màu tím. Hương đưa thơm mát.

Chợ Teltow, thuộc Postdam, một chợ phiên ngoài trời có hình dáng như vậy. Bãi rộng hình tròn lớn, tới phiên, có hơn bảy chục quầy bán hàng rong các loại hàng hoá. Một siêu thị tổng hợp nhỏ ngoài trời. Trên vòng tròn nhỏ hơn, chủ chợ bố trí nhiều quầy ăn uống. Cái sân khấu rộng, nơi trình diễn văn nghệ dân tộc, lọt giữa vô số bụi hoa Vorsitien vàng rực.

Vợ chồng tôi hành nghề bán quần áo rong. Tiếng Đức gọi là Reisegewebe. Trước tết một tháng, chợ mở phiên cả thứ bảy và chủ nhật. Chúng tôi được chủ chợ xếp chỗ đứng dưới tàn cây nói trên. Vị trí ấy đón lõng khách chợ đi lại giữa hai khu chợ, thuận lợi cho việc bán hàng. Nhưng vì cạnh đường đi lối lại, rất tấp nập, nên chủ chợ không cho chúng tôi đặt hai cái giá treo quần áo trước quầy hàng. Tôi phải ép chúng vào sát hai bên hông quầy hàng, rất khuất mắt.

Buổi sáng ấy, như hàng năm, từ tờ mờ sáng tôi đánh xe vào vị trí triển khai quầy hàng. Bên phải tôi, năm trước có gã người Thổ chuyên đứng bán bóng bay. Những quả bóng to, nhỏ đủ màu sắc được thổi căng khí trợ bay lơ lửng, vui mắt trên một cái bàn nhỏ. Và vì thế tôi được gã cho *lấn sân*. Tôi thường bày chiếc giá bán quần áo nghênh ngang sát quầy gã. Năm nay, chỗ ấy, một cái xe Rơ mooc, có thùng, màu trắng toát đứng lù lù. Chiếc cang kéo xe sát phía phải quầy hàng tôi. Hãy hình dung, dưới cái tán cây đầy hoa báo xuân ấy, hai quầy hàng vuông góc với nhau.

Nhìn quanh quất, tôi bảo vợ dựng hai cái giá quần áo ở vị trí cạnh cang xe.

Trời sáng dần. Chúng tôi đã dựng xong cái ô 12 mét vuông. Hai cái bàn rộng, dài đã được bày đủ quần áo các loại. Vợ chồng tôi dỡ quần áo mẫu trên chiếc xe Bus, và bắt đầu ngoắc lên hai cái giá dài nói trên. Vừa khi đó, cửa xe Mooc bật mở. ánh sáng từ trong thùng xe òa ra chói mắt. Tôi nhìn ngược sáng, chỉ thấy một bóng người thấp đậm hiện ra trong ô cửa. Cái mũ cao bồi của gã làm tôi thoáng nghĩ tới những phim Mỹ.

– Chào buổi sáng ! Tôi lên tiếng.

Người đàn ông thoát nhẩy xuống mặt đất và đáp lại lời chào. Gã đi một vòng xung quang hai cái giá của tôi. Khi đó mặt trời hừng lên rất nhanh. Tôi nghĩ ngay đến việc gã không cho tôi để hai cái giá ở vị trí của gã. Tôi cảm thấy tiếc là đã không xin phép gã trước. Tôi im lặng chờ gã lên tiếng.

Người chủ xe Mooc ấy không phản ứng ngay như tôi nghĩ. Gã lấy từ đâu ra hai lá cờ Mỹ cắm lên hai cái ống hàn sẵn bên thành xe. Một cái bạt rộng được tung ra, treo bên trái cửa ra vào cửa Mooc. Tôi nhận ra, không rõ ràng lắm, vô khối những huy hiệu, kỷ niệm chương dính trên miếng bạt rộng.

Bấy giờ gã đột ngột lên tiếng. Đại ý, gã không tán thành cho tôi để hai cái giá nơi cang xe, vị trí của gã đã mua của chủ chợ.

Sống ở Châu Âu nhiều năm, nghe kiểu nói, tôi hiểu rằng,

Gặp một người Mỹ trên đất Đức

bút ký

Nguyễn Văn Thọ

khó có thể xin xỏ điều gì, thay đổi ngay sự phản ứng của con người kia, dù cái giá của tôi không che lấp tám bạt của gã. Và lại, mình trái lè. Tôi quay ra nói với vợ, di chuyển ngay hai cái giá ép sát bên quầy hàng chúng tôi.

Công việc chuẩn bị bán hàng của chúng tôi và bao quầy hàng khác vẫn tiếp tục và đến khoảng bảy tám giờ gì đó đã loáng thoáng có người mua hàng vào chợ.

Xong việc chuẩn bị hàng hóa, tôi đi mua hai li Cafe, về đã thấy chủ xe Mooc đứng trước quầy hàng của gã. Tôi cất giọng : “ Anh đã dọn xong hàng rồi à ? ”.

– Ổn rồi ! Gã trả lời.

Chúng tôi nói chuyện với nhau về thời tiết, về sự ế ẩm của vụ hè vừa qua v.v... Thì ra, gã cũng tỏ ra hay chuyện, không khó tính, lạnh lùng như một số người khác. Gã kể, gã thường bán hàng ở Tây Đức, đây là lần đầu tiên sang bên phía Đông bán hàng. Thực ra tôi nói tiếng Đức rất tồi. Nhưng cái tai tôi lại thính. Và lại sống ở Đức mãi, tôi cũng phân biệt được giọng nói nào là giọng Đức chính cống. Gã nói tiếng Đức *xuya* lắm. Nhưng âm ngữ chảnh chảnh của gã làm tôi ngờ ngợ, gã không phải là người Đức. Như vậy có thể thay đổi *ình thế về việc cái giá*. Vì những người *lang bạt kì hồ* thường dễ thông cảm với nhau lắm ! Tôi nghĩ vậy và đánh bạo hỏi : “ Hình như anh không phải là người Đức ? ”

Gã giương đôi mắt màu tro nhìn tôi hơi ngạc nhiên rồi bảo : “ Phải rồi ! Tôi là người Mỹ ! ”.

Tôi giật mình. Người Mỹ !

– Anh ở đâu tới ? Koria, China ? Gã hỏi.

– Tôi là người Việt Nam.

Việt Nam ! Gã đột ngột nhắc lại từ ấy và tiến sát gần tôi. “ Hue... Danang... hue... hue ! ”. Gã nói nhanh mấy từ ngọng nghịu như vậy.

Phải nói rằng, khi ấy tôi chưa kịp phản ứng. Vài giây sau, tôi chợt hiểu ra và nhắc lại tên mấy địa danh ấy một cách đúng âm ngữ. Đà Nẵng, Huế.. Ja ja ! Huế, Đà Nẵng ! – Gã cười thoải mái sau khi đọc đúng mấy từ định nói. “ Tôi đã ở Việt Nam. Năm 1968. Bùng, bùng ! Chiến tranh ! Mà hiểu không ? ” Gã nói bằng tiếng Đức.

Tôi hoàn toàn bị bất ngờ. Bất ngờ vì gặp lại một người ngày xưa là kẻ thù của tôi. Sự gặp nhau trên đất Mỹ thì dễ hiểu. Đằng này, chúng tôi gặp nhau trên đất Đức, trong cảnh

huống xú người, ở hoàn cảnh như thế !

Chúng tôi nói chuyện với nhau hơn hai chục phút. Thì ra, người lính cũ này nhập ngũ năm 1967. Anh sang đóng quân tại Hamburg. 1968 anh bị điều thẳng từ đó qua Guam rồi sang Việt Nam. Anh đã từng ở Huế sáu, bảy tháng gì đó và sau đấy tham gia nhiều đợt tảo thanh, hành quân ở Đà Nẵng. Cuối 1968, anh bị tập kích ở ngay trong căn cứ, trước giờ đi tiền đồn. Một mảnh pháo lớn làm anh trọng thương. Trở về Mỹ, sau khi thoát chết, anh giải ngũ và quay lại Đức, Hamburg tìm lại người bạn gái Đức anh yêu khi đóng quân tại đó. Họ nên vợ nên chồng và có một con gái.

Tôi cũng làm anh ngạc nhiên khi tôi kể, tôi đã tham gia chống Mỹ từ năm 1965 tới tận khi chiến tranh kết liễu, 1976. Anh lắc đầu lè lưỡi khi tôi nói tới thời gian đằng đẵng trong thời gian chiến tranh của tôi. Ngay sau đó, anh tự kéo hai cái giá của vợ chồng tôi tới sát bên càn xe anh. Anh bảo : “ Bọn Vici chúng mày khôn lắm ! Để cái giá ở đây ai cũng trông thấy ! ”.

Tôi có tật hay quên tên người nước ngoài. Tên của anh lại khó đọc ; vì vậy từ nay, chúng ta gọi anh là John. Tôi tin là bây giờ, nếu biết, anh cũng không nỡ giận tôi ; bởi từ chiều hôm ấy, tôi tự nghĩ ra một cái tên như thế để gọi nhau cho dễ. Lúc đầu anh cũng hơi ngạc nhiên. Sau, hiểu ra ý thích và sự đàng trí của tôi anh cũng chấp nhận.

Tôi cũng kể cho bạn đọc biết, chợ Nöen là phiên chợ kiếm ăn rất khá. Số lượng bán hàng và tỉ lệ lãi cũng cao nên cả hai chúng tôi phải làm việc quần quật từ sớm tới tám chín giờ tối. Trong mùa Nöen ấy, tuy vất vả, tôi vẫn rất vui. Vui vì có tiền. John cũng bán được nhiều hàng. Người đi vào hàng anh rồi quay ra với các thất lung to bản, cờ Mỹ, huy hiệu, bật lửa Zippo v.v.. Và một điều vui nữa là chúng tôi mấy lần rủ nhau đi uống rượu vang khi vắng khách. John để người vợ gây nhặng, mông như cây tam cúc ở lại trông hàng. Tôi cười, dặn vợ ở lại quán. Chúng tôi có lần khoác tay nhau như hai người bạn cũ, trong muôn vòn bông tuyết bay lất phất, tới cái quán có con lợn quay vàng rộm trên dàn lửa phùng phùng reo, gọi hai cốc vang pha hương liệu nóng rẫy. Thứ rượu này chỉ có trong dịp Nöen mới bán.

Có một lần chúng tôi uống khá say. Đó là một ngày sau một tháng quen biết và là thời điểm sắp tàn chợ năm ấy. Có lẽ, đấy là lần duy nhất chúng tôi nhắc tới chiến tranh một cách nghiêm túc. Vài lần trước đó, chúng tôi hay cợt nhả với nhau lắm. Thậm chí còn xưng hô sàm sỡ. Ví dụ, có lần John bảo, bọn Vici chúng mày *lỏi* lắm, bắn đoàn một cái rồi mất hút trong rừng. Tôi trả miếng, bảo, chúng mày có kém gì. Chúng mày khoác áo mưa vào làng. Bọn tao từ xa đếm , thấy tám thàng. Thực ra, là tám đũa công trên lưng tám thàng vào làng; rồi tám đũa quay ra, để lại tám thàng nằm phục chúng tao vào làng lấy gạo. Lại có lần, bên bàn rượu, trong câu chuyện về chiến tranh, John kéo áo, vạch lưng cho tôi nhìn kỹ một vết sẹo hoắm sâu chạy suốt từ cổ tới tận thất lung anh. Tôi rùng mình. Tôi cũng chìa cổ tay trái của tôi, nơi một vết sẹo đã chuyển thắm mầu bảo, John, chính mày bắn tao ở Tây Nguyên ! Và chúng tôi bỗng ôm choàng lấy nhau. Chúng tôi vừa cười vừa không che giấu những dòng lệ thoát chợt òa ra,

mặc kệ người đi chợ qua lại, mặc kệ những đợt tuyết đang trùng trùng rơi xuống.

Lại nói về lần cuối cùng gặp ấy, chúng tôi đều tỏ ra buồn khi ý thức được rằng, chúng tôi sắp sửa chia tay nhau. Phải chờ đợi một năm nữa ! Đột nhiên, John bảo : “ Đừng nghĩ về cuộc chiến nữa ! Tôi và anh đều là những người không muốn chiến tranh. Chỉ có chúng ta là tốt thôi ! Hoàn cảnh bấy giờ nó thế ! ” Không hiểu sao tôi bật nhanh ra câu nói : “ Nhưng khi ấy tôi phải chiến đấu cho Tổ Quốc tôi ! ”. John trở mặt nhìn. Tôi muốn ôm chầm lấy anh. John ơi ! Anh không biết rằng, từ khi nhìn rõ vết sẹo hoắm sâu trên lưng anh, tôi thêm một sự ám ảnh khủng khiếp nữa. Tôi muốn nói cho anh ấy, tổ quốc tôi đã chịu bao đau khổ. Biết bao bạn bè của tôi đã chết. Biết bao bà mẹ đã mất những đứa con và chính bản thân tôi đây, các anh đã bao lần nhằm bắn, tìm, tận diệt. Bao lần tôi thoát hiểm và bao năm rồi, mỗi khi trở trời, trái gió, tôi luôn đau đớn khắp thân xác. Nhưng khi đó, tôi không sao nói ra điều ấy cho John nghe !

Sau vụ chợ Nôen năm ấy chúng tôi chia tay. Nhưng ấn tượng về cuộc gặp gỡ kia cứ làm tôi trăn trở. Tôi thường nhớ đến John, từ dáng điệu, khuôn mặt. Tôi nhớ bữa tuyết rơi trắng trời, John và người vợ gầy khô, đã chạy sang quây tôi giúp vợ chồng tôi che chắn hàng hoá, chống ướt...

Suốt cả năm trời trôi qua, tôi mong tới chợ phiên Noen mau tới để gặp John. Rồi Noen cũng về, nhưng không thấy John quay trở lại. Anh ấy giờ bán hàng ở đâu ? Anh ấy giờ lang thang nơi nao ? Tôi cứ băn khoăn mãi như vậy.

Thời gian trôi đi bốn năm nữa. Tôi bắt đầu quay lại với văn chương, viết truyện và đột xuất trình làng tập thơ *Mảnh Vỡ*. Khi công bố tập thơ ấy và truyện ngắn *Một Người Đức* cho bạn bè ở Đức đọc, đạo diễn điện ảnh Đức, Stefan Schaefer tới, tìm hiểu và định làm phim về tôi. Trong câu chuyện với Stefan tôi có kể những suy nghĩ của tôi về người lính Mỹ John cho anh ấy nghe. Tôi không ngờ rằng, Stefan kỹ tính thế. Anh đã đến chợ Teltow gặp chủ chợ để tìm tên thật và địa chỉ của John.

Ngày 25 tháng 10 năm 1998, hôm đó trời rất lạnh. Tôi nghỉ chợ và ở nhà đang sửa lại một chương trong cuốn tiểu thuyết viết dở của tôi thì Stefan gọi điện tới. Bấy giờ tôi không còn nhớ chi tiết những gì Stefan đã nói hôm ấy. Tai tôi ù đi khi bạn tôi đột ngột báo tin John đã chết. “ Ông có biết là John của ông mất rồi không !... Mất rất đột ngột !...Tôi đến chợ... Anh ta chết trẻ, hình như... hình như...”

Không ! Không ! Tôi gào lên.

Tôi ngồi lặng hàng giờ bên bàn viết nghĩ về John. Hồi tưởng về người lính Mỹ năm xưa và người bạn hôm nay. Tôi khóc ! Vâng, tôi đã khóc ! Ở tuổi anh, John ơi ! ra đi vậy còn trẻ quá ! Tôi hình dung khuôn mặt sạm sạm nắng gió của anh. Tôi hình dung, nụ cười chua chát của anh mỗi khi anh nhắc đến những cánh rừng nhiệt đới, những buổi hành quân, bom đạn, chết chóc... John đã ra đi rồi ! Con bệnh nào hay di chứng nào ở anh bứt đi một cái lá còn xanh. Cuộc chiến ở Việt Nam, nơi chiến tranh buộc anh bắn vào tôi, bạn anh ; đem lại cho anh một vết thương lớn trên người và trong lòng. John ơi ! Bấy giờ anh để lại tại nước Đức này một người đàn bà gầy guộc già

Vết sẹo

Mong hương hồn John bình yên

*Anh đến đây như tôi
Ngọn gió phiêu diêu nào
Người Mỹ năm xưa,
bồng ta cùng,
chung một chợ.
Để rồi, lần nữa
hai đứa mình, dĩ nhiên phải nhớ
Về ngọn lửa một thời
Cả thế giới ngẩn ngơ run sợ !*

*Nhưng chúng tôi không nhắc lại
Vui và buồn
Người thắng — kẻ thua...
Nhạt nhòa trăng úa gió lừa
Thương John chợ chiều đơn độc.*

*Có đêm mãi cũng chẳng hết đâu !
Khấp trái đất
sỏi đá phai màu
gót chân bầm máu lính !*

*Tôi ngẩn ngơ nghe trên thình không
Rặng cây rợn vàng hoa
Trời rượi cao
Mây trắng !
Giờ anh ở đâu
Cái miệng toác cười :
– Ngày xưa ai đã bắn !
Chúng tôi uống say
Lệ trào !*

*Tôi đã từng nhìn kỹ
Những vết đau hoắm sâu màu thẫm
Lưu giữ suốt đời
Dập bầm đất nước
Nay nhìn thêm...
Vết sẹo dài suốt dọc sống lưng John.*

Đồng 97- Xuân 98

nua và một đứa con gái còn thơ dại. Chính khi này đây, trên nhiều vùng đất khác nhau, người Mỹ vẫn tổ chức nhiều cuộc chiến đẫm máu, đẫm máu tương tự như trên tổ quốc tôi. Sẽ còn có bao người lính như John, như tôi ! Anh ra đi, vào cõi vĩnh hằng, không lang thang như tôi còn lại trên cõi đời này, khi anh 49 tuổi. Tuổi anh trùng tuổi tôi – Mậu Tí, sinh năm 1948 !

Tôi đặt bút sửa lại bài thơ *Vết Sẹo* viết cho anh. Xin anh nhận ở tôi, tấm lòng thương cảm của một con người. Xin anh nhận ở tôi, lời cầu nguyện, mong anh bình yên nơi thiên đàng, cõi vườn Maria của chúa.

Hà Nội và Berlin 1999

Thư Deauville

Từ đầu thế kỉ XX, Deauville, *Thủy trấn*, là nơi nghỉ hè, nơi ăn chơi cuối tuần của giới thượng lưu Paris, cách thủ đô Pháp hai giờ xe hơi, hai giờ xe lửa (nhìn ga Deauville, người Việt Nam lại nhớ tới ga Đà Lạt). Bãi cát chạy dài, những khách sạn sang trọng như cung điện, những biệt thự dài các, sòng bạc *casino* sang trọng, và trường đua ngựa để quý ông quý bà có thể trung diện. Hai mươi năm gần đây, cuộc bán đấu giá *yearling*, những con ngựa nòi vừa đầy năm, vào trung tuần tháng 8, còn mang tới Deauville những nhà tỉ phú Nhật Bản. Giữa hai cuộc đua, vị nào muốn chơi văn hoá, còn có thể ghé Honfleur, cách đó 15 phút, để nhìn ngắm ánh sáng tuyệt vời trên hải cảng xinh xắn này, thứ ánh sáng lung linh trong những bức hoạ của trường phái ấn tượng.

Deauville còn nổi tiếng với Liên hoan Phim Mỹ, tổ chức hàng năm vào tháng 9. Phim Mỹ tràn ngập thế giới, cần gì *festival*, nhưng tháng 9 là tháng cuối mùa, khách vơi dần, có thêm một dịp để TV nhào tới, công chúng chen lấn hàng giờ để trong mười giây được trông thoáng các siêu sao đi bộ mấy bước từ Khách sạn Hoàng Gia hay Normandy (y, chứ không phải ie, cho nó *ang-lê*) vào những chiếc *limousine* dài gần bằng bãi biển, thì cũng là điều không nên coi nhẹ đối với một thủy trấn sống vì kĩ nghệ du lịch cấp cao. Còn điện ảnh Mỹ, đúng hơn, bộ máy điện ảnh Hollywood (chứ không phải nền điện ảnh độc lập rất hay của Mỹ), nói vậy, chứ cũng cần một đầu cầu ở châu Âu, vào một thời điểm chiến lược : tháng 9, chuẩn bị đợt chiếu mùa thu, là mùa công chúng đi nghỉ hè về, sẵn sàng trở lại rạp xi-nê. Quảng cáo cũng quan trọng như làm phim, nhất là nếu cần để xoá ấn tượng những bảng vàng ở Cannes (tháng 5 trước đó), Venice (cùng tháng 9), là những liên hoan đầu sao vẫn có chỗ đứng cho nghệ thuật, do đó, phim Mỹ thường phải nhường bước trước các nền điện ảnh Âu, Á...

Từ năm ngoái, tháng 3, Deauville còn tổ chức PANASIA, Liên hoan điện ảnh Châu Á. Năm nay, Panasia lần thứ hai diễn ra trong 3 ngày 17, 18 và 19 tháng 3. 25 phim của 15 nước (trong đó có 9 phim dự thi) được trình chiếu trong 3 rạp lớn.

Hai năm, còn quá sớm để nhận định dứt khoát về chỗ đứng và triển vọng của một liên hoan điện ảnh như Panasia. Trước hết, vì bản thân những người khởi xướng còn mò mẫm tìm đường, vì giới điện ảnh các nước châu Á và các chính quyền hoặc còn đang chờ xem, hoặc chưa đi xa hơn những tính toán chính trị nhất thời, cơ hội. Năm ngoái, đây là vận hội chính quyền Đài Loan nắm bắt để củng cố sự có mặt của mình ở Tây Âu, gây ra sự bức mình tất nhiên của Bắc Kinh. Điều này đã và còn sẽ tác động tới sự tham dự của điện ảnh Trung Quốc ở Deauville : đó cũng là điều đáng tiếc, vì một liên hoan điện ảnh châu Á không thể không biết đến điện ảnh Trung Quốc

(tuy nhiên, năm nay điện ảnh Bắc Kinh cũng có mặt với cuốn phim *Đôi mắt đen* của Cheng Guoxing, 1998, và diễn viên chính, cô Tao Hong [giải nữ diễn viên], một cuốn phim khiêm nhường, coi được, nhưng thua xa *Xiu Xiu*, mà diễn viên Joan Chen đã quay chui ở Trung Quốc, được giải năm ngoái). Năm nay, Đài Loan duy trì sự hiện diện đồng đảo của mình trên màn ảnh cũng như ngoài phòng chiếu : *địa lợi* vốn có, nay lại thêm *thiên thời*, thêm cả *nhân hoà*, với cuộc bầu cử tổng thống diễn ra đúng ngày 18.3 với thắng lợi của ông Trần Thủy Biển (Chen Shuibian), lãnh tụ đảng đối lập, chấm dứt 50 năm cầm quyền của Quốc dân đảng.

Trở lại Deauville : một dấu hiệu lạc quan đối với tương lai liên hoan là sự kết nghĩa giữa Panasia và liên hoan điện ảnh Pusan của Hàn Quốc. Pusan cũng mới có 4 tuổi, nhưng đã khẳng định như liên hoan điện ảnh lớn nhất ở châu Á (250 phim trình chiếu tại 10 rạp cho hơn 200 000 khán giả tháng 9.1999). Người yêu điện ảnh hi vọng sự kết nghĩa này sẽ giúp Deauville hiểu biết hơn về điện ảnh châu Á, biết phát hiện ra những tác giả và tác phẩm có chất lượng nghệ thuật.

Hai nhân tố trên còn thiếu vắng, nói nhẹ hơn là chưa rõ nét trong 9 cuốn phim dự thi. Đạo diễn của các phim này đều có tay nghề, nhưng nhìn chung, chưa có cá tính, và còn chạy theo thị hiếu của công chúng (hay sức ép của nhà sản xuất). Cho nên ban giám khảo (trong đó có Trần Anh Hùng vừa dựng xong cuốn phim *Những ngày không mưa / A la verticale de l'été*) chắc không khó khăn lắm khi chấm giải cho phim *Nowhere to hide* (*Không nơi ẩn náu*) của Lee Myung-Se (Hàn Quốc). Cũng là đề tài cảnh sát tìm bắt cướp, nhưng Lee xử lí một cách độc đáo, lại vững tay nghề trong sự nhái lại và điều chỉnh những phim “ cổ điển ” cùng loại. Khán giả thì chọn *The Mistress* (giải của tạp chí *Première*), phim đầu tay của một hoa hậu Hương Cảng, cô Krystal Kwok, với đề tài hai cô vợ bé của một doanh nhân Hồng Kông.

Tiêu biểu cho trình độ 9 phim dự thi, theo cảm nhận của người viết bài này, có lẽ là một cuốn phim Hồng Kông khác : *The City of Glass* (*Thành phố Thủy Tinh*) của Cheung Yuen-Ting. Một đề tài rất hay : câu chuyện của một thành phố (Hồng Kông) năm 1997 (trở về với tổ quốc), của hai thế hệ thanh niên, những ngày biểu tình, những mối tình sinh viên rồi trung niên... Chỉ tiếc rằng, Cheung (rõ ràng là người có tay nghề) đã biến đề tài rất mạnh này thành một cuốn album Quỳnh Dao diễn tình suốt suốt. Phí của trời !

Nói tới Deauville, không thể không nói tới sự vắng mặt, hai năm liên tiếp, của điện ảnh Việt Nam. Trách nhiệm chắc là về cả hai phía : ban tổ chức vừa chạy theo những vấn đề tài chính sống còn vừa mò mẫm tìm đường, phía Việt Nam có lẽ cũng chưa hề có thông tin về một khả năng mới. Mong rằng sang năm, sự khiếm diện này sẽ được bổ khuyết. Nhất là khi, mặc dầu vẫn còn vật vờ trong cơn bệnh trầm kha, điện ảnh Việt Nam bắt đầu có mặt trên màn ảnh thương mại ở Pháp : với cuốn phim *Chung Cư* của Việt Linh (chiếu từ cuối tháng giêng ở Paris), và cuốn phim *Những người thợ xé* của Vương Đức, mà công ti Cinéma Public Films vừa kí xong hợp đồng với Hãng Phim Truyện Việt Nam để phát hành vào tháng 10 tới đây.

Kiến Văn

Mai Ninh

Tháng Chạp, nhớ P. Q.

Hon ba mươi năm tôi không được ăn Tết quê hương. Ở đây, Tết đến trong mùa đông thường mưa bão lạnh lẽo, hay tuyết rơi trắng cả không gian. Nhưng cũng có đôi khi, bỗng nhiên cuối tháng giêng đầu tháng hai dương lịch lại có nắng hanh lên bất ngờ, làm nhớ quay quắt cái Tết Sài-Gòn năm xưa.

Thuở còn đi học, chưa vợ chưa chồng, chưa con cái, một lũ sinh viên lìa xứ. Tết là băng khuâng thương nhớ, là náo nức mong đợi những thùng quà của bố mẹ gửi sang từ một quê hương xa lắc. Và cũng là dịp để tụ họp nhau, nhảy bữa lên một sân khấu nhỏ dựng vội vàng trong một nhà khách sinh viên, hát xướng, làm trò. Đám khán giả bên dưới vừa Việt vừa Tây, cộng thêm một số bạn bè Á Châu khác, luôn luôn dễ dãi, sẵn sàng và nồng nhiệt hoà nhập cùng chúng tôi đón một ngày đầu năm.

It lâu sau, lũ sinh viên vào đời, bạn bè phân tán khắp nơi. Cuộc sống cũng chẳng cho thông dong được nữa, để mà hoài niệm. Gia đình, công việc, nhà cửa bộn bề. Cứ thế, mỗi năm tôi tự thu tôi gọn hơn chút ít vào trong cái vỏ của mình khi Tết đến. Giao thừa nơi quê nhà là năm sáu giờ chiều chỗ tôi ở. Nắng ngày, nếu có, cũng tắt từ lâu. Ra sở, vội vã chạy về, thấp ba nén hương. Khi nhang vừa tàn, mùi nồng bay đi, thì ngày Tết cũng hết. Nơi tỉnh nhỏ này, mà chỉ tính đường chim bay đã hơn mười nghìn cây số cách biệt, lấy đâu ra, tìm đâu thấy mùi, sắc và âm của một ngày Tết dân tộc. Tất cả lặng lẽ, lạnh lẽo. Có cố tình ngồi lại hồi tưởng, kỷ niệm cũng đã mỗi năm mỗi mờ nhạt với thời gian. Có phải chăng vì tôi đã bỏ mình trôi đi trong tâm trạng hờ hững của một người quay lưng ngoảnh mặt.

Thế nhưng, vài ba mùa xuân gần đây, lòng muốn dừng dừng cũng chẳng được nào. Có một điều rất cụ thể đã dựng lên sừng sững trong hồn tôi, bây giờ, khi Tết đến.

Cuối tháng chạp năm ấy, sau ông Táo châu trời, tôi được tin anh mất. Tôi chỉ mới quen anh vào mùa Giáng Sinh gần đấy, nhưng tên tuổi anh tôi đã nghe từ thuở năm, bảy tuổi. Mẹ và cậu tôi thường nói đến tên anh và vài người khác trong những buổi tối hàn huyên to nhỏ dưới ngọn đèn thấp trên bàn ăn. Ở thời điểm ấy còn những cánh buer tiếp chạy từ Bắc vào Nam và ngược lại. Cậu tôi luôn luôn tâm đắc đọc những câu thơ để đời của anh. Đối với cô bé vài tuổi ấy, tên anh to lớn và đầy bí ẩn. Xa quê hương bao năm, bỗng một ngày có thư người thân quen kể chuyện quê nhà : P.Q. được về làng sau bao năm biệt xứ ! Anh đã về đó, áo thô guốc mộc, với đám dân làng nghèo khổ. Anh, đứa con chân thực nay được qui cố hương, quỳ xuống tạ trời tạ đất giữa sân làng. Có phải anh cố tranh đấu sống còn với cuộc đời nghiệt ngã cho đến lúc ấy, là

để đời có giây phút được đường hoàng về lại làng xưa. Tiếc thay, chẳng được bao năm, anh lại bỏ nó vĩnh viễn ra đi. Từ tin anh mất, hình ảnh cậu tôi ngồi đọc thơ anh năm xưa lại trở về, sáng lên trong ký ức.

T rời Sài-Gòn tháng mười hai gần Giáng Sinh khô ráo, sáng sớm chớm lạnh. Sau vài ngày lo lắng cho xong việc nhà, tôi leo lên lầu hai một chung cư trong trung tâm thành phố, tìm thăm ông anh kết nghĩa. Ông anh này, cứ vào chơi Sài-Gòn là ở trọ nơi vợ chồng một bằng hữu thân giao. Căn nhà ngay giữa một thành phố nổi tiếng ồn ào bụi bặm, nhưng hai bên đường hãy còn hàng cây cao, cành lá xum xuê. Cũng khó tưởng được trong dãy phố lâu mà mặt ngoài tường vôi loang lổ, hành lang cửa sổ sơn xiếc bạc màu, lại có một căn hộ, tuy mới bước vào là gặp ngay phòng ăn, nhà bếp và cả nhà tắm, nhưng hơi hướm nghệ thuật trần đầy cái không gian nhỏ hẹp ấy. Vợ chồng anh chị chủ nhà đi vắng, ông anh kết nghĩa mở cửa mừng rỡ đón vào. Chúng tôi băng ngang phòng ăn, góc bếp và gian phòng khách nhỏ, nơi có một người nằm ngủ trên ghế sofa. Vào tới ẩn cốc sau cùng là mấy mét vuông với một bức tường đầy kệ sách, mà chỉ thoáng nhìn, tôi đã mê mẩn. Những phân tường còn lại long lanh màu sắc và hình ảnh của chị họa sĩ chủ nhà. Trên sàn, vài chiếc gối lê la đây đó, dưới kệ sách, một bộ ấm trà, cạnh đó, lủ khủ các chung uống rượu và một lô chai lọ, cái đây cái vơi hay cạn ráo.

Chưa kịp vài ba thăm hỏi, người nằm ngủ bên kia lịch kịch, rồi anh bước vào, mái tóc thưa dài trắng như chòm râu, vượt ngược ra sau. Anh gật đầu rồi lặng lẽ ngồi xuống bên khay trà. Không hiểu vô tình hay cố ý, ông anh kết nghĩa không làm một màn giới thiệu màu mè nào cả về tôi, như tính thường anh thích thế. Tôi cảm thấy dễ chịu. Tôi và ông anh thản nhiên tiếp tục câu chuyện. Người mới vào chế nước từ bình thủy, lẳng lặng pha trà tráng chén. Nhưng tôi không thể không nhìn anh, ở anh có điều gì đó làm tôi chú ý. Có lẽ là cử chỉ khoan thai, có lẽ là sự tương phản giữa màu bạc của mái tóc bộ râu với đôi mắt tinh anh. Anh hẳn biết tôi quan sát, nhưng không nói gì, tiếp tục bỏ trà rót nước và nghe tôi với ông anh trao đổi mọi điều, từ chuyện gia đình, bạn bè quen biết, đến công việc tôi làm, rồi thì văn chương nghệ thuật. Trà đã đậm màu, khi rót đưa tôi một chén bầy giờ anh lên tiếng hỏi, tôi quen ông anh tự bao giờ ? Giọng anh từ tốn, âm hưởng miền Trung. Tôi cười bảo, từ một đêm thơ. Anh hỏi ngay, đã đọc nhiều thơ ông anh, tôi thích bài nào nhất ? Tôi tình thật, Không biết, và cũng chưa hề nghĩ tới xem thích bài nào, nhưng có vài câu ám ảnh tôi nhất, ấy là... Đang tựa lưng nghiêng vào kệ sách, nghe tôi trả lời như thế anh ngời thẳng dậy – Hay, thơ mà ám ảnh là nhất ! Chia với M, ta chia với M một chung rượu nhé, thứ này người ta mới cho anh, rất quý ! – Và anh sột sắng đứng dậy tìm trong cái túi xách lôi ra chai rượu, rót vào chung, ép tôi thường thức. Tất cả nhiệt tình đó tôi thấy trong cử chỉ và trong mắt anh. Tự nhiên tôi có cảm giác tôi đã quen anh từ lâu rồi. Anh khà một ly, ông anh khà một ly, còn tôi nhấp môi rồi đặt xuống cho anh bằng lòng. Anh lại tiếp tục rót rượu từ trong cái chai thủy tinh thô sơ, hai ông cạn vài chung như thế. Lúc ấy, hình như hứng lên, anh đọc cho tôi nghe một bài thơ của anh, mà chỉ nghe tên cái tựa tôi đã giật mình – Hoá ra là anh ấy ! Anh đọc thơ lúc đắm chìm, lúc sang sảng. Tôi liên tưởng

tới người vợ anh khi nghe những lời tâm sự này bên bờ hồ, một đêm trăng.

Thế là, tôi, một kẻ phương xa, vốn liếng văn hoá Việt chẳng bao nhiêu, được ngồi trước hai nhà thơ đang chén tạc chén thù, đọc thơ người này kể họ. Khi tôi đứng dậy ra về, ngược mắt nhìn lên tường, bức tranh Vườn Hạnh Phúc lít chít chiu chất bấy gà của chị T. dịu dàng lung linh hơn bao giờ cả. Hôn tôi cũng nhẹ nhàng biết bao hơn lúc đến. Hai anh tiễn tôi xuống dưới đường đón xe. Trời Sài-Gòn bao giờ cũng tối sớm. Anh giành mặc cả xích lô làm tôi bật cười. Đây đường như là lần đầu tiên anh khăn gói vào Nam, nào biết được bao nhiêu đường phố, thế mà vẫn muốn tỏ ra săn sóc cho một người em nhỏ.

Trong khoảng thời gian ở lại quê nhà, tôi gặp anh nhiều lần. Lần nào trong anh cũng bầu rượu túi thơ và những mẩu chuyện. Anh kể chuyện rất tự nhiên, dí dỏm với giọng nửa Trung nửa Bắc. Chuyện từ tuổi thơ cho tới ngày lưu đày lao đao giông tố, và đến sau này, lúc mà tôi cứ ngỡ niềm đau cùng ẩn ức trong anh phải được xoa dịu thì hóa ra vẫn còn trăm ngàn khúc mắc, ưu tư. Chắc chắn không phải cho bản thân anh, mà cho người khác. Bao nhiêu người khác ! Tôi học được ở anh nhiều điều. Trước hết là lòng yêu quê hương, sau nữa là tính đôn hậu và sự nhiệt tình với bằng hữu.

Nhiều buổi không hẹn, tôi ghé thăm, muốn mời anh một bữa cơm ngoài quán xá. Nhưng anh luôn từ chối, lại bảo, phải ngồi chơi đấy, đợi anh đi tí về. Rồi anh đứng dậy, xỏ dép mở cửa. Một chốc anh về, lúng lẳng trong tay cái giỏ ni lông đeo một bó hành, dăm gói giấy báo, vài gói lá chuối. Anh bắt mọi người ngồi đó chơi, ngay cả chủ nhà, anh loay hoay xào nấu. Bữa cơm dọn ra nhanh chóng, món canh bầu, món tép rang của anh làm tôi nghẹn ngào như đã một lần, sau bao nhiêu năm, được ăn lại bát canh mẹ tôi đã già tự thân nấu lấy cho con. Không chỉ cho ăn, anh còn dạy tôi cách nấu sao cho canh trong và ngọt. Câu chuyện sau đó quay quanh chủ đề mỗi người kể lại bữa cơm mình cho là ngon nhất trong đời. Kỷ niệm của anh nằm trong thời kháng chiến chống Pháp, anh bảo hành quân trong rừng bao ngày chỉ có cơm khô và muối hột. Một hôm tiểu đội về gần một làng nhỏ, người làng nghèo nhưng tặng kháng chiến quân một con gà. Mừng quá, mọi người hăm hở sửa soạn củi nước, nồi niêu. Cả bọn chăm chú theo dõi, thềm thủng, từ lúc cắt cổ, nước sôi, vật lông... Bỗng có tin một tiểu đội bạn sẽ cùng ghé qua đó tối nay. Thế là con gà phải chia hai, lòng ai cũng thấm tiếc rẻ. Gà nấu lên, chặt ra, bao nhiêu người là ngân ăy miếng, dĩ nhiên, miếng nạc miếng xương, không tránh khỏi. Cả đội ngồi lại bên đĩa thịt gà. Để công bình, tiểu đội trưởng bảo cứ đếm một hai ba rồi người nào nấy gấp, được miếng nào ăn miếng đó. Thế nhưng, một là ai cũng sợ gấp trễ chỉ còn xương, hai sợ mang tiếng tham lam, cho nên, đếm lần một, lần hai, những đôi đũa giơ lên nhưng rồi không hạ xuống, ngay cả tiểu đội trưởng ! Cuối cùng anh ta phải hét lên, đây là lần cuối. Chẳng may, chính tiểu đội trưởng trúng mẩu cổ gà. Anh thì may mắn được miếng đùi chắc thịt. Anh bảo vừa cho vào miệng, chất ngọt chảy ra, sao thơm ngọt vô cùng ! Nhưng, chưa kịp nuốt, ngừng lên, ánh mắt chạm phải người tiểu đội trưởng đang nhìn nhìn miếng xương tròn lục cục, một cảm giác xấu hổ dâng lên, anh thấy

tất cả vô vị, không thể nuốt vào, cũng chẳng thể nhả ra. Anh tự khiển trách mình sao không nghĩ đến người chỉ huy tuy trẻ tuổi nhưng dũng cảm và đầy lòng thương mến đồng đội, đã nhiều lần hy sinh bảo vệ đàn em ! Anh chưa kịp đứng dậy bỏ đi ra ngoài, thì nhiều anh em khác cũng nhận ra. Những khuôn mặt ngại ngùng, những ánh mắt hổ thẹn nhìn nhau. Người tiểu đội trưởng trông thấy, buông câu chữ thề, rồi ra lệnh mọi người phải ăn cho nhanh, dọn dẹp tất cả dấu tích, mai lên đường sớm. Thế là xong, bữa ăn ngon nhất đời anh.

Không như nhiều người ham rượu thường ít ăn, anh quan tâm nhiều về chuyện ăn uống. Tôi thích nghe anh bàn luận về vấn đề này, dù cho thường là những món ăn dân dã, đạm bạc. Nghe kể lại, lần anh ghé về quê, qua Huế, một bằng hữu mời cả đám bạn bè về làng chơi, một ngôi nhà vườn bên bờ Bao Vinh êm ả. Anh muốn trở tài nấu ốc bung theo kiểu Hà Thành. Lại chợ búa, ốc bươu, tía tô cùng chuối chát. Sau chầu rượu anh xắn tay áo ra bếp cạnh bờ nước, chẳng may gặp ngay cụ bà, mẹ người bạn. Cụ thấy chậu ốc ngâm nước gạo trên tay anh, vội giật lấy kêu lên, không được sát sinh, vừa niệm nam mô cụ vừa hát luôn chậu ốc xuống sông. Anh ngăn người, chẳng dám nói gì, nhân nhó, dờ khóc dờ cười.

Tôi vẫn tin rằng, ăn, đối với anh, không phải là ăn miếng ngon, mà đơn giản là cơ hội chia hay đem niềm vui cho bạn bè. Có lần, ông anh tôi được một cơ quan quan trọng thết đãi, và bọn chúng tôi được tháp tùng. Bữa ăn trong một nhà hàng sang trọng trên đại lộ chính. Bồi bàn áo dài khăn đóng, ca nhạc cung đình, và những món ăn của vua chúa xưa. Ngồi cạnh tôi, anh chỉ gấp qua một vài thứ, thật thờ ơ. Chắc chắn anh chẳng thoải mái gì trong khung cảnh này. Mà nhìn lại, anh ngồi đó, vẫn áo vải dép thô. Anh hồ hững với phong cảnh sang trọng, với nem công chả phụng. Nhưng những người thân quen làm sao quên được, anh đã cất công đạp xe hàng bao cây số trong gió rét một ngày mùa đông để tìm thăm một người bạn bất hạnh, sống lẻ loi ở một nơi vô cùng quanh quẽ. Và nhận lấy bữa cơm chỉ có vài viên thịt nhái ve tròn đen đũi của người ấy đãi bạn.

Anh sinh ra trong cảnh ngộ cơ cực, giữa đất nước bị đô hộ. Từ đó, anh lớn lên trong thứ tuổi thơ dữ dội, tất cả nung nấu để trở thành một lập trường khẳng định, sẽ dùng dao viết văn trên đá. Tuy vậy, đối với riêng tôi, anh là hình ảnh của lòng nhân và độ lượng. Tiếng nói anh điềm đạm, cử chỉ anh chừng mực, chỉ riêng những lúc anh đọc thơ là đầy cảm xúc, lúc trầm trầm, lúc hùng hồn sang sảng. Và, tôi có ngờ đâu khi tôi hạnh ngộ gặp anh là lần anh đi từ Bắc vào Nam để đọc thơ. Mà đọc để làm gì ? Không phải ngân nga dăm ba vắn, vài mươi câu khi tẩu húng. Chuyến đi Nam chẳng phải chỉ giao du, anh đi đọc thơ cho mọi người để quyền tiên về giúp bạn, người bạn bị đời bạc đãi. Sau, tôi được biết thêm, chính người bạn này cũng đã quên mình, chẳng ngại ngần hy sinh nguyên cuốn sổ tiết kiệm duy nhất để in thơ cho một bằng hữu tài hoa nhưng không may mắn khác. Ai cũng bảo anh đọc thơ có hồn. Phải chăng điều này không chỉ là tài năng, mà nó đã thăng hoa nhờ một tấm lòng.

Trên đường trở ra Bắc, ghé thăm quê nhà, anh ôm mớ tiền gom được gói trong giấy báo đến nhà một người bạn gửi

ở đó. Bạn chẳng biết gì, đem bỏ vào tủ giữa ba mớ quần áo. Vài ngày sau mở tủ, gói giấy không cánh mà bay. Anh đi vắng, bạn hoảng sợ lo âu. Rồi anh về, thản nhiên bảo, đã lấy đi chia một phần cho những người nghèo khác cũng rất đáng thương. Đã cận Tết, anh khăn gói ra ga Huế đáp tàu về với chị. Ngày cuối năm, ăn mỳ phở hội càng đông. Trong khi đợi tàu, trước mặt, hành khách nườm nượp, náo nức về quê ăn Tết, ngoảnh lại, ăn mỳ lê la kêu đói, anh bèn tìm chỗ trống, rồi cất giọng đọc thơ. Đọc xong anh ngả mũ ra. Ăn mỳ hôm ấy bỗng được chia một số tiền không ngờ.

Tôi tưởng tôi sẽ còn gặp anh, tôi có hứa sẽ về thăm căn gác của anh, để thấy,

*Hồ khuya sương tịch mịch
Trộn nước lẫn cùng trời
Con đẽ chân bờ dậu
Nỉ non hoài không thôi (*)*

Nhưng không, chiều cuối tháng chạp, cơn bạo bệnh đã đem anh đi khỏi căn gác lộng gió. Thế là, *Tết không vào nhà tôi, Tết đi qua trước ngõ* (*)...Nhưng với một người yêu quê hương đến như anh, thì sự ra đi đó cũng có nghĩa là một trở về an nghỉ miên viễn, một giải thoát như anh đã viết :

*Đàn mới của quê hương
Sẽ thay phu đào huyệt
Bao nghiệt ngã trần gian
Chỉ dăm ngày vùi hết

Căn hộ mới đầy huyệt
Rượu đất tôi uống tràn
Cụng ly cùng sâu bọ
Mừng trắng nợ trần gian !*

Anh trắng nợ trần, nhưng anh đã bỏ lại biết bao người thương kính anh. Ở đây, tôi không muốn nhắc đến một người đã sống, chịu bao đau thương cay cực để giữ gìn lý tưởng trong suốt nhất : lòng yêu quê hương và sự thật. Tôi chỉ muốn gọi lại những kỷ niệm riêng tư, hoài niệm của chính mình và của vài bạn bè chung, về một người anh, một người bạn vong niên thân kính, như được phép thấp lên một nén hương trầm mặc nhất. Anh mất, tôi không thể trở về tiễn đưa anh, mà phải đợi bao ngày tháng sau. Hà-Nội khi tôi về, bão táp liên miên mấy ngày trước. Trời vẫn thỉnh thoảng còn rơi rớt những làn mưa lát phát. Người quen dẫn tôi đến viếng anh, thăm chị. Dù biết anh đã kể với chị về mình, nhưng tôi cũng ngại ngần, cuối cùng chỉ tự giới thiệu là một hậu sinh từ trong Nam ra. Căn gác lầu thơ anh hình như vẫn còn bên trên, nhưng dưới nhà đã biến thành hàng quán. Tự dưng tôi thất vọng, buồn lằng lằng. Nhưng ánh mắt anh trầm tư trên ảnh thờ như nhắc nhở tôi, mọi sự rồi ra không có gì quan trọng ! Chị tặng tôi tập thơ của anh, lần đầu tiên được chính thức in ở quê nhà.

Chiều rồi, tôi bước ra, mặt hồ sau cơn mưa, thênh thang bình lặng. Trăng còn non và thấp. Chân bước đi, bỗng vấp vào hòn đá nhỏ. Tự nhiên tôi cúi xuống nhặt lên, nó giống những quả sấu sần sùi vừa mua cho em bé hàng rong buổi sáng. Một bát canh sấu chua mùa hạ. Tiếc rằng tôi đã về thăm anh quá trễ.

Mai Ninh

(*) Thơ Phùng Quán.

1 Trong số những điểm liên quan đến nền văn hóa Đông Sơn, có một điểm thu hút được sự quan tâm của khá nhiều người ; đó là vấn đề nguồn gốc của trống đồng : nơi xuất phát của trống đồng, cư dân đã sáng tạo ra những chiếc trống đồng đầu tiên. Vấn đề này không chỉ liên quan đến ngành khảo cổ mà còn có khía cạnh liên quan đến cả ngành ngôn ngữ. Đáng tiếc là giới ngữ học mãi đến nay vẫn chưa tham gia. Hai chữ “ đáng tiếc ” không phải là của chúng tôi. Mà đó chính là lời than của một học giả bậc thầy, nổi tiếng toàn thế giới : lời than của Cù A. G. Haudricourt, một nhà ngữ học uyên bác người Pháp chuyên đi vào ngữ âm lịch sử, một người cũng rất quan tâm đến cả vấn đề lai lịch tên gọi các loài cây cỏ và vấn đề lịch sử các kỹ thuật có mặt trong các xã hội cổ đại.

Cù đã than như vậy cách đây gần 30 năm, thời kỳ còn chiến tranh, lần Cù sang Việt Nam giảng bài và làm báo cáo khoa học. Cù trách anh em chúng tôi không chịu nhảy vào cuộc. Cù bảo : “ *Giới ngữ học các anh là người Việt Nam, các anh có điều kiện, các anh có trách nhiệm phải tìm cho ra – nếu có – cái tên gốc của trống đồng* ”. Lời khuyên đó Cù còn nhắc đi nhắc lại nhiều lần, mỗi khi gặp chúng tôi. Cù ngờ rằng chúng tôi chưa thật hiểu ý Cù. Cù phải dẫn ngôn ngữ này, ngôn ngữ nọ để chúng tôi thấy cái quý về mặt lịch sử của loại tên gốc. Cù bảo : “ *Cái tên trống đồng mà hiện nay các anh có, nó là một tên ghép, hậu kỳ, nó không có gì hơn cái tên đồng cổ của Trung Quốc, thậm chí nó cũng không có gì hơn các tên gọi tambour de bronze hay bronze drum của Pháp, của Anh. Trong vấn đề này, có giá trị nhất là cái tên gốc lưu lại từ thời thượng cổ. Vùng nào có cái tên gốc ấy thì đó là vùng xuất phát của trống đồng ; ngôn ngữ nào có cái tên gốc ấy thì tổ tiên cư dân nói ngôn ngữ đó chính là những người đã sáng tạo ra những chiếc trống đồng đầu tiên* ”.

Năm học 1989-1990 chúng tôi sang dạy ở Paris 7, gặp Cù chúng tôi báo cáo là đã tìm được tên gốc nhưng chưa kịp khảo sát. Cù rất phấn khởi, mời về nhà, bắt trình bày đầu đuôi, rồi chất vấn và dặn dò những việc phải nghiên cứu tiếp, về mặt văn bản cũng như về mặt điền dã. Đó là lần cuối cùng chúng tôi may mắn được gặp Cù : năm 1996 Cù qua đời.

2 Sự vật nào cũng có tên gọi. Nhưng nhìn chung, có đến 4 loại tên gọi. Trước hết cần phân biệt *tên đơn* với *tên ghép*. *Tên đơn* là loại tên gọi chỉ gồm một thành tố mang ý nghĩa từ vựng, xét về mặt phương thức cấu tạo, ví dụ : **mưa, riu, xe, bút...** *Tên ghép* là loại tên gọi gồm đến 2, 3 thành tố chỉ nghĩa, ví dụ trong tên ghép song tiết phải có một thành tố chỉ cái tên gọi chung toàn chủng loại, rồi kèm bên cạnh phải có thêm một thành tố chỉ một đặc trưng nào đó (về chất liệu, về hình dáng, hay về nguồn gốc, công dụng v.v...) để khu biệt sự vật này với sự vật khác trong cùng chủng loại lớn. Chẳng hạn, từ 4 tên đơn trên đây, chúng ta có thể có 4 dãy tên ghép như sau :

mưa : —> *mưa dầm, mưa rào, mưa đá, mưa đồng ...*

riu : —> *riu đá, riu đồng, riu tứ giác, riu lưỡi xéo...*

xe : —> *xe đạp, xe máy, xe buýt, xe lửa...*

Nguyễn Tài Cẩn

TÊN GỐC CỦA TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN

bút : —> *bút nho, bút chì, bút máy, bút bi...*

Tên ghép là loại tên gọi hậu kỳ, xuất hiện sau các tên đơn tương ứng.

Nhưng tên đơn cũng có nhiều kiểu, xét về mặt lịch sử. Có *tên đơn bản địa*, không vay của ai cả, thuộc lớp từ vựng cơ bản, có tự rất lâu đời, như **mưa, riù**. Có *tên vay mượn* từ ngôn ngữ khác, nhưng vay đã tương đối lâu, như tên Cổ Hán Việt **xe**. Có tên vay mượn chậm hơn, như tên Hán Việt **bút**. Đó là chưa nói đến những tên mới vay mượn thời gian gần đây, như **bi** (trong *chơi bi*), **ga** (trong *ra ga*) v.v... Tên gốc là loại tên đơn bản địa, có tự rất lâu đời, như **mưa, riù** vừa nói ở trên.

Công việc mà Cụ A. G. Haudricourt khuyến khích, động viên chúng tôi làm là đi tìm cho được cái tên gốc Việt Mường cùng tuổi như **mưa, riù**, nhưng riêng một mình nó đã có nội dung ngang với cái tên ghép **trống đồng**.

3 Và thật là may mắn cho chúng tôi : chúng tôi đã tìm được cái tên gốc đó ở trong bộ sử thi **Đẻ đất đẻ nước**. Theo Đặng Văn Lung, bộ sử thi này có khoảng 30 chương mà các ông Mo người Mường gọi là 30 “ràng”. Trong 30 chương này có một chương chuyên nói về việc sáng tạo ra trống đồng : đó là “ràng” **tẻ trỗng tỗng** (= **đẻ trống đồng**). Chương này cho ta biết nhiều chi tiết quan trọng về hiện vật khảo cổ này :

a) Trước hết nó cho ta biết chính tầng lớp giàu có, nắm quyền lực là tầng lớp quan tâm đến việc có trống đồng, họ gắng tìm ra được kỹ thuật đúc trống đồng (bằng cách – theo sử thi – học trộm của Long Vương !)

*“Vua Dật Dàng giàu hết đời bố đến đời con
Chập tối trăm linh châu vào
Sáng mai trăm linh châu ra
Gà gáy châu đứng châu ngồi
Chưa có khâu trống đồng (theo bản Hòa Bình)*

.....
*Nghe rầm rầm tận đáy nước
Nghe thác dác dưới lòng sông
Vua bắc thuyền đồng vào xem vào ngó
Nhìn từ dưới nhìn lên
Nhìn từ trên xuống dưới
Học cách đúc trống đồng (theo bản Thanh Hóa)*

b) Rồi họ tổ chức sản xuất trống đồng, ngay trong dinh cơ của họ :

“Bảo nhau quay về Đền Rồng

Nện đất ầm ầm

Đắp khuôn ầm ầm

Lấy củi gốc đem nung

Lấy củi cành đem đun

Chảy nước đồng như bông hoa” (theo bản Thanh Hóa)

c) Và sau vài lần thất bại, họ đã đúc được trống lớn, trống nhỏ :

“Tổ pa pón, trỗng tỗng tà rêng (= Đổ ba bận trống đồng đã nên)

Túc àn khâu cả (= Đúc được khâu lớn)

Túc xa khâu éng” (= Đúc ra khâu nhỏ)

Chi tiết này có thể sẽ rất quan trọng : nếu sau này điều tra thấy loại **khâu éng** (= **khâu nhỏ**) chính là loại trống đồng tí hon (miniature drum) dưới 10 cm, thì, theo G.S. Phạm Huy Thông, đó là loại hiện vật chủ yếu chỉ tìm được ở Việt Nam, ở Trung Quốc hầu như hoàn toàn không thấy.

d) Trống đồng cũng đã được miêu tả về mặt hình dáng, trang trí :

“...giống như sọt... như đồ đựng thức ăn

Có hoa da trên rắc rải

Có hình lá bái lá de

Có hình con khe ra hóng gió (con khe = con nhái)

Có hình sọc lá nang” (nang = cau)(theo bản Hòa Bình)

e) Công dụng của trống đồng cũng được nói đến : đó là nhạc khí dùng trong lễ tang :

“Ai hoá bụt, châu thiên

Ai hóa tiên, hóa rồng

Về cùng tổ cùng tiên

Đánh trống này” (theo bản Hòa Bình).

g) Tất nhiên công dụng làm một vật đổi chác, mua bán cũng đã được đề cập :

“Thấy thật trống đồng

Lấy tiền ra chác

Lấy bạc ra mua” (theo bản Hòa Bình).

4 Có được một chương sử thi nói tỉ mỉ về trống đồng như vậy cũng đã là một bằng chứng rất quý. Không phải nơi nào, cư dân nào cũng có được một bằng chứng như vậy. Hơn thế nữa, chương này lại còn bảo lưu được cho chúng ta chính cái tên gốc mà chúng ta đang đi tìm : cái tên gốc bản địa khá cổ đó là từ **khâu**. Tên gốc này được giới thiệu một cách khá rõ ràng :

Kỉa xật là trỗng tỗng (= Thấy thật là trống đồng)

Moón Mútóng rớ rée là cây khâu (= Người Mường gọi đó là cái khâu)

Ở bản Hòa Bình **khâu** gặp 17 lần. Ở bản Thanh Hóa, vì in rút gọn hơn nên **khâu** chỉ gặp 7 lần, nhưng nhờ có tiếng Mường nên cả 7 lần đó đều có văn cảnh rất hoàn chỉnh.

Phân tích 2 văn bản này, chúng ta thấy :

a) Trong bản dịch theo dị bản ở Hòa Bình, **khâu** được để nguyên tiếng Mường, không dịch, nhưng có giải thích ở dưới

và nhất là có kèm thêm bên cạnh, hoặc ở câu trước câu sau, hai chữ **trống đồng** của Việt (7 lần) hoặc ít nhất là chữ **đồng** (8 lần). Ở bản tiếng Mường Thanh Hoá cũng gần gần như vậy : 4 lần **khâu** có kèm theo, trong văn cảnh, cả 2 chữ **trông** **tông**, 1 lần kèm theo chữ **trông**, 1 lần kèm theo chữ **tông**. Chuyện lập thêm một bộ phận để dịch nghĩa hay để giải thích là chuyện ở tiếng Việt cũng thường gặp. Đó là cách làm để các tên riêng, các tên quá chuyên môn hay quá hiếm hóc trở thành dễ hiểu hơn đối với tất cả mọi người. Ví dụ ở *Hồng Hà, Trường Sơn, chúng chỉ, du kích, công kiên* đã có *hà chỉ sông, sơn chỉ núi, chỉ chỉ giấy* và *công, kích chỉ đánh*, nhưng ta vẫn thường nói lập là *Sông Hồng Hà, Núi Trường Sơn, giấy chúng chỉ, đánh du kích, đánh công kiên...* Ở *tre pheo, đường sá* cũng vậy : *tre* là tên gọi của Việt và Mường phía Bắc, *phéo* là tên gọi tre của Mường miền Trung, miền Nam ; *đường* là tên gọi Việt vay của Hán hoặc Tây Thái, *sá* là tên cổ chỉ đùng ở Mường với dạng tương ứng. Nói *phéo*, nói *sá* thì chỉ một địa bàn hạn hẹp là suy ra được, còn nói *tre pheo, đường sá* thì bất kỳ ở đâu cũng cảm thấy là từ ngữ thường dùng .

b) Điều cần đặc biệt chú ý là việc dùng chữ **lạc** sau chữ **khâu**. Ở bản Thanh Hoá ta có :

*Cày rì rồ là **khâu lạc** mống tông* (= *Cái ấy gọi là **khâu lạc** mình đồng*)

Ở bản Hoà Bình ta lại có thêm : *Là **khâu lạc** đồng vàng. Đồng vàng* chưa rõ có ý nghĩa cụ thể như thế nào : đó là đồng có pha vàng ? hay loại đồng quý như vàng ? loại đồng có màu như vàng ? Hay *đồng vàng* được dùng với ý nghĩa tượng trưng, chỉ rằng có hình mặt trăng, mặt trời, theo tinh thần của sử thi :

Đã đi khai mở đồng Đúc làm mặt trăng

Đã đi khai mở vàng Đúc được mặt trời

Nhưng dấu sao, chắc *đồng vàng* cũng là bộ phận thêm vào – giống như *mình đồng* – để miêu tả cho rõ cái gọi là *khâu lạc*. Trong tên ghép *khâu lạc* ta đã biết *khâu* là trống đồng. Vậy *lạc* thêm vào để bổ sung ý nghĩa gì ? Phải chăng *lạc* ở đây cũng là *lạc* như ở *ruộng lạc, lạc hầu, lạc tướng* ? Nếu thế thì *khâu lạc* không những chỉ cho ta cái tên gọi gốc gác của trống đồng mà nó còn cho ta cả cái tên gọi của cư dân đã sáng tạo ra cái sản phẩm quý hiếm đó : *khâu lạc* là *trống đồng của Lạc Việt* !

5 Với cách phát âm có /kh-/ chắc *khâu* chỉ lên đến khoảng 15, 17 thế kỷ trước đây mà thôi. Một câu hỏi được đặt ra : vậy trước kia *khâu* có một dạng cổ hơn nữa hay không ? Theo ý chúng tôi, chắc là có ! Ở vùng Arem, *trống* được gọi nơi là /kuthu/ (theo Trần Trí Dõi), nơi là /kathu(h)/ (theo Kasuga Atsushi). Chắc đây là hai dạng cùng gốc với *khâu* vì /u/ là dạng cổ của /âu/, và /th-/ Arem có thể ứng với /kh-/ Mường. So sánh :

Việt : *tháng* Arem : /thaeng?/ Mường : /khang3/

Có lẽ khoảng cách đây 2 500 - 3 000 năm thì dạng cổ là /koru/ hay /kru/. Hoặc giả cũng có thể là /kosu/ hay /ksu/. Chuyện phục nguyên dạng thượng cổ thì đang còn phải bàn thêm vì tư liệu hiện có quá ít và nhất là vì các phụ âm bật hơi xuất hiện về sau, để có sự chuyển đổi giữa /th-/ với /kh/, /ph-/ : ở Arem

thit cũng ứng với /th-/, *phối* cũng ứng với /th-/. Ở Mường cũng đại để như vậy : *sàn, sấm* thường có /kh-/ nhưng ở Mường Danh, Giai Xuân lại có /th-/ ; *tép* thường có /th-/ nhưng ở Tam Hợp, Sông Con lại có /kh-/. Dấu sao, chuyện *khâu* vốn có một nguồn gốc xa xưa hơn nữa cũng là chuyện khá chắc.

Nếu sau này điều tra lại, thấy /kuthu/, /kathu(h)/ quả không còn chỉ *trống đồng* nữa mà chỉ có ý nghĩa chung chung là *trống* thôi, thì điều đó cũng không có gì đáng băn khoăn. Ở ngôn ngữ nào chuyện như vậy cũng rất thường gặp. Trong tiếng Hán, chữ *trụ* khi được đặt ra vốn chỉ cái cột gỗ (vì có bộ *mộc*), nhưng đến đời Hán đã nói được *đồng trụ* còn nay thì có thể nói cột trụ bằng gạch, bằng đá, bằng bê tông cốt thép v.v.

6 Ở vùng Việt vì tiếp xúc nhiều với thư tịch Hán, và về sau khi biên soạn các văn bản thì cũng biên soạn chủ yếu bằng chữ Hán, nên chắc tên gọi *đồng cổ* đã được dùng phổ biến, và do đó đã đưa đến cả *trống đồng, trông tông* vào trong cách nói địa phương. Có lẽ đây là nguyên nhân làm cho người Việt bị mất đi cái tên gốc ứng với *khâu* ⁽¹⁾. Mất nhưng nay tìm lại được tên *khâu* ở Mường thì cũng có thể coi như chưa mất hẳn. Việt với Mường mới tách nhau khoảng trên dưới 1 200 năm, trước kia hai bên cùng thuộc chung một ngôn ngữ.

Kể ra, nói “ tìm lại được tên *khâu* ” thì cũng không thật đúng. Người Mường cũng như các tác giả đã nghiên cứu, biên tập *Đẻ đất đẻ nước* xưa nay đều biết đến nó. Chỉ vì các tác giả đó không có được cái nhìn chuyên môn như của Cụ A. G. Haudricourt, nên không ai nghĩ đến chuyện phải giới thiệu, phải nhấn mạnh đặc biệt đến cái quý của tên *khâu*. Còn chúng tôi thì lại có được cái may mắn được Cụ giúp đỡ từ đầu đến đuôi : trước khi tìm, trong khi tìm cũng như sau khi tìm được. Nhưng hơn 10 năm qua chúng tôi vẫn chưa dám công bố, vì đang muốn tìm thêm văn bản, tìm thêm cứ liệu điều tra thực địa. Nay tự thấy tuổi cao, kế hoạch đi các vùng Mường chắc không còn thực hiện được nữa nên đành phải có gì viết nấy, công việc còn lại xin nhường các thế hệ sau làm tiếp. Và viết xong, chúng tôi lại có ý định muốn gửi sang *Diễn Đàn*, một tạp chí xuất bản ngay trên quê hương của Cụ. Chúng tôi muốn coi đây như một bản sơ kết nhỏ, gửi sang báo cáo với vong linh Cụ về việc đã thực hiện được một phần di chúc khoa học của Cụ.

Nguyễn Tài Cẩn

(1) Trong cuốn *Tục ngữ phong dao* của Nguyễn Văn Ngọc, có câu *Khu nào, quan Lang ấy*, chúng tôi hiểu là *Trống đồng nào, quan Lang ấy*. Chắc đây không phải là một câu của Việt mà là một câu của Mường được Việt hoá, vì không những có *khau*, dạng cổ của *khâu*, mà còn có cả *quan Lang*.

CÁO LỖI Vì bài vở số này quá nhiều, chúng tôi phải hoãn lại những trích dẫn giới thiệu 2 tập *Chuyện kể năm 2000* của Bùi Ngọc Tấn (Nhà xuất bản Thanh Niên), vừa phát hành thì bị cấm, cũng như bài viết của các tác giả Phan Tam Khê, Trần Thiện Đạo... Xin thành thực cáo lỗi cùng các tác giả và bạn đọc.

Ngôn ngữ của hình ảnh

Văn Ngọc



Hình ảnh ngày càng tràn ngập đời sống con người trong xã hội hiện đại. Đó không chỉ là những hình ảnh *trực tiếp*, ghi nhận từ thực tế trước mắt : nhà cửa, đường phố, xe cộ, đám đông, v.v..., mà còn là hình ảnh của những tín hiệu, của thực tế được tái tạo lại – có tính chất nghệ thuật hay không – xâm nhập vào đời sống riêng tư, hàng ngày của ta : hình ảnh của tivi, điện ảnh, video cassette, trò chơi điện tử, v.v...Đấy là chưa kể hội họa và những hình thức biểu hiện khác, cũng bằng hình ảnh, trong các ngành nghệ thuật nghe nhìn, đủ loại !

Người ta đã phải lên tiếng báo động về sự ô nhiễm không những chỉ là của tiếng động, mà còn là của hình ảnh !

Thực ra, hình ảnh trong *con mắt* ta, hay hình ảnh trong *trí tưởng tượng* của ta, đều chỉ là phản ảnh của cuộc sống vật chất và tinh thần của con người, và của xã hội. Cuộc sống ấy ngày càng phát triển – nếu không về chất, cũng về lượng – tất nhiên đã kéo theo sự phát triển của hình ảnh.

Điều làm cho người ta quan tâm, nhất là trong các nghệ thuật sử dụng hình ảnh, không phải chỉ là hình ảnh, mà chủ yếu là *nhịp độ* của hình ảnh. Quá một nhịp độ nào đó, hình ảnh làm cho con mắt khó theo dõi, khó nhận biết, khó cảm thụ, thậm chí đầu óc cũng không kịp suy nghĩ nữa !

Tuy vậy, một điều không thể phủ nhận được, là càng ngày càng có nhiều người say mê hình ảnh, nên không nói là bị mê hoặc bởi hình ảnh, nhất là giới trẻ. Phải chăng vì hình ảnh tự nó đã có một ma lực hấp dẫn tự nhiên, do đó các phương tiện truyền thông đại chúng, các nghệ thuật dựa trên hình ảnh, đều có sức quyến rũ và thuyết phục ?

Có người lại thấy cái nguy cơ của hình ảnh làm cho đầu óc con người (nhất là con mình !) đắm ra lười biếng, đặc biệt là lười biếng đọc sách và ... suy nghĩ !

Vấn đề là cần đánh giá cho đúng mức chức năng, giá trị của hình ảnh so với ngôn ngữ văn học, chẳng hạn. Muốn vậy,

cần tìm hiểu cái cơ cấu hoạt động của nó.

Trước hết hình ảnh là gì ? Nó có phải là một *ngôn ngữ* không ? Nó có một *lô gích* nội tại nào không ? Đây là khả năng và giới hạn của nó ?

Hình ảnh mà con mắt ta nhìn thấy được, dù là hình ảnh ghi nhận trực tiếp hiện thực, tạm gọi là *hình ảnh thực*, và hình ảnh nghệ thuật (hội họa, nhiếp ảnh, điện ảnh, hình ảnh điện tử / *image de synthèse*, v.v...), tạm gọi là *hình ảnh ảo*, qua đó thực tế đã được tái tạo lại, đều là những hình ảnh của sự vật bên ngoài in vào mắt ta (in lộn ngược !) và đã được bộ óc điều chỉnh lại. (Cũng may mà hiện tượng này chỉ xảy ra một cách kín đáo ở trong đầu óc ta, và ta không thấy được !).

Còn một loại hình ảnh nữa do chính óc tưởng tượng của ta hình dung ra được, thậm chí chế tạo ra được, xây dựng nên được, ở ngay trong đầu – như trong hoạt động sáng tạo của nhà họa sĩ, hay nhà điêu khắc – đó là khi ta nghĩ đến một người, một vật thể, hay một sự việc nào, mà ta biết. Đôi khi ta còn có thể *nặn óc* hình dung ra được ngay cả những sự vật mà ta chưa bao giờ nhìn thấy !

Khả năng tiếp nhận và tái tạo hình ảnh trong trí óc con người, quả là kỳ diệu !

Tuy nhiên, không phải đương nhiên mà ta *nhận dạng* được tất cả mọi sự vật mà ta nhìn thấy. Trên thực tế, ta chỉ nhận dạng được những vật thể *có tên gọi* và đã trở thành những *khái niệm* như : cái cây, cái mái nhà, chiếc ống máng, cái đầu, cái mình, vuông, tròn, v.v... Thông thường chúng nằm trong một sự sắp xếp lô gích, một trật tự nhất định, cái nào trước, cái nào sau ; cái nào trên, cái nào dưới...

Cái lô gích đó chẳng qua cũng chỉ là lô gích của đời thường và của ngoại giới nói chung, tóm lại, đó là lô gích của những qui luật tự nhiên và của trí óc con người.

Có những hình ảnh nằm ngoài cái lô gích đó như hình ảnh điện tử, hình ảnh trong hội họa siêu thực, hay lập thể.

Có những hình ảnh làm cho mắt ta như bị hoa lên, trí óc ta loạn lên, hoang mang, bối rối như bị hăng hụt, vì chúng thể hiện những vật thể không có tên gọi, không có khái niệm, không làm sao nhận dạng được, và nằm trong một sự sắp xếp hoàn toàn phi lô gích.

Trong phim *Rêves* của Akira Kurosawa, có truyện một người bị lạc vào một thế giới trong đó mọi vật thể đều mang những hình thù khác thường, không còn nhận dạng được. Cũng như, trong phim *Le Chien Andalou* của Luis Bunuel, những hình ảnh sự vật không sắp xếp theo một trình tự lô gích nào, tạo nên một không khí *siêu thực*, đáng sợ. Trong hội họa siêu thực, hay lập thể cũng vậy, có những bức tranh mà quân chúng không làm sao hiểu nổi ý nghĩa, vì cái trật tự và cái lô gích thông thường đã bị tước bỏ.

Song, những vật thể có tên gọi, không phải bao giờ cũng là những khái niệm đơn giản. Ví dụ : một *sắc đẹp*, hay một *người đẹp* (giai nhân). Khi nói lên những từ này, nghĩ đến những khái niệm này, mỗi người chúng ta thường mừng tượng đến một sắc đẹp, một người đẹp khác nhau, đương nhiên với điều kiện là mỗi người đều đã từng có một ý niệm về sắc đẹp, hay về một người đẹp cụ thể nào đó. Một khuôn mặt đẹp, không phải là đẹp đối với bất cứ ai, mà chỉ đẹp đối với những người vẫn từng nâng niu ở trong lòng cái hình ảnh cụ thể của típ mặt

đó. Người ta vẫn thường nói cái đẹp chủ quan là vậy !

Một thí dụ khác : khi ta đọc truyện nói đến một cái *bến sông*, thì mỗi người trong chúng ta đều tưởng tượng đến một bến sông khác nhau, cái bến sông mà mỗi người đã từng đi qua, hoặc vẫn từng quen biết, và theo sự đánh giá chủ quan của mỗi người, nó phù hợp với khung cảnh trong truyện.

Bởi vậy cho nên, khi một nhà điện ảnh thực hiện một màn phim diễn ra ở một bến sông theo như trong tác phẩm của nhà văn, thì rất có thể cái bến sông đó không phù hợp với hình ảnh mà người xem vẫn từng nuôi nấng, ấp ủ trong trí tưởng tượng của mình khi đọc tác phẩm văn học.

Xét cho cùng, nhà đạo diễn phim cũng chỉ là một *người đọc* như bao người đọc khác. Ông ta (hay bà ta) cũng có quyền chủ quan trong cách diễn dịch một số chi tiết của tác phẩm văn học (trong sự lựa chọn nơi chốn, lựa chọn diễn viên sắm vai các nhân vật, v.v...), cũng như trong cách sắp xếp, bố cục tình tiết của tác phẩm văn học trong không gian và thời gian. Tài năng của người làm điện ảnh cũng thể hiện ở sự lựa chọn này. Nó tùy thuộc nhiều yếu tố : trình độ văn hoá, khiếu thẩm mỹ, sự nhạy cảm trước sự vật, v.v... Nó phải dựa vào những giá trị phổ biến, để chinh phục sự đồng thuận của nhiều người nhất.

So sánh ngôn ngữ điện ảnh với ngôn ngữ văn chương, không thể nào không xét đến những ưu, nhược điểm của từng thể loại nghệ thuật này.

Ngôn ngữ văn chương (thơ ca, tiểu thuyết, truyện ngắn, phóng sự, v.v...) diễn đạt bằng câu chữ, bằng khái niệm. Câu chữ không nói lên được tất cả, vì chúng hàm chứa những khái niệm đôi khi không đủ chính xác, cụ thể, chẳng hạn như khái niệm *cái bàn*, *cái tủ*, v.v... Cũng như chúng không thể cho ta biết được, cùng một lúc, tất cả những thông tin về một đối tượng nào đó : kích thước, hình thể, vật liệu, chất liệu, màu sắc, vị trí trong không gian, v.v... Câu chữ không thể thay thế hình ảnh. Chỉ cần so sánh một trận đá bóng tưởng tượng bằng lời thuyết minh trên đài vô tuyến điện với cùng một trận đá bóng đó trên màn ảnh tivi, thì đủ thấy lợi thế của hình ảnh (điện ảnh) trên sự miêu tả bằng lời nói là như thế nào !

Song ngược lại, câu chữ lại có những lợi thế khác. Một trang tiểu thuyết có thể gói gọn hàng cuốn phim ảnh. Hơn nữa, đó là những khái niệm *mở*, chúng cho phép người đọc hiểu theo óc tưởng tượng và sự phán đoán chủ quan của mình, tùy theo trình độ văn hoá, sự từng trải, vốn hiểu biết về thẩm mỹ, và ngay cả vốn chữ nghĩa của người đó.

Trong một số lãnh vực, ngôn ngữ văn học là ngôn ngữ nói lên được một cách đầy đủ và chính xác nhất những khái niệm trừu tượng không thể nào diễn đạt được bằng hình ảnh. Đó cũng là ưu điểm mà không nghệ thuật nào tranh giành được với văn học (như đã nói ở trên, tôi dùng từ *ngôn ngữ văn học*, để chỉ *ngôn ngữ viết và nói* được sử dụng trong tất cả mọi ngành khoa học nhân văn, xã hội và khoa học tự nhiên).

Ngôn ngữ điện ảnh – mà tôi cho là tiêu biểu nhất hiện nay cho các loại ngôn ngữ sử dụng hình ảnh, vì nó có khả năng nắm bắt và diễn đạt được hiện thực biến động trong thời gian và không gian – ngược lại với ngôn ngữ viết và nói, nó không diễn tả được tất cả những gì ẩn dấu trong *nội tâm* con người, tất cả những gì *không có hình ảnh*. Thông thường, nó vẫn phải tạo ra những ước lệ, những cách biểu hiện đặc thù, để làm lộ

ra những điều ẩn kín ấy.

Mặt khác, hình ảnh là *hình ảnh cụ thể* của một cái gì. Hình ảnh của một cái bàn chính xác hơn khái niệm cái bàn. Một khi nhà điện ảnh đã chọn lựa để thể hiện hình ảnh một chiếc cầu, chẳng hạn, thì chiếc cầu đó không còn là một khái niệm chung chung nữa, mà là một hình ảnh cụ thể, đầy đủ, chính xác về kích thước, hình thù, cũng như về vật liệu, màu sắc. Người xem nhìn thấy chiếc cầu đó trên màn ảnh, so sánh với hình ảnh chiếc cầu miêu tả (hay không miêu tả) trong tác phẩm văn học, có thể vừa lòng, hay không vừa lòng, nhưng đó là chiếc cầu cụ thể mà nhà điện ảnh đã chọn và thể hiện theo ý của ông, trừ ra đó là một chiếc cầu lịch sử có trong truyện, mà nhà điện ảnh muốn tôn trọng.

Cuối cùng, để thực hiện một tác phẩm, điện ảnh luôn luôn cần đến sự hỗ trợ của các ngành nghệ thuật khác như : văn chương, sân khấu, nhạc, múa, trang phục, kiến trúc, hội họa, điêu khắc. Không những thế, nó còn cần khai thác tất cả những tri thức khoa học và kỹ thuật tiên tiến nhất mà nó cần đến : hình ảnh, âm thanh điện tử, v.v...

Điện ảnh là nghệ thuật sử dụng trực tiếp chất liệu của hiện thực, hoặc thông qua một tác phẩm văn học, để nói lên hiện thực đó, hoặc để thể hiện tác phẩm văn học, bằng hình ảnh.

Trong bộ phim *Kwaidan (Quái Đản)* của Kobayashi, có truyện chú tiểu Hoichi, giỏi đàn biwa, một hôm được người từ dưới âm lên vờ đi gảy đàn và kể truyện cho những vong hồn của dòng họ Heiké nghe về trận Dan-no-Ura, trận thuỷ chiến cuối cùng đã tiêu diệt dòng họ này.

Cách kể truyện và đệm đàn của Hoichi dựa theo một truyền thống cổ của người Nhật Bản, có những ước lệ nhất định, song qua đó người ta cũng có thể tưởng tượng ra được những sự cố, tình tiết diễn ra mấy trăm năm về trước (đầu thế kỷ 12). Giọng kể lúc lâm li, lúc hùng tráng và tiếng đàn biwa đệm theo lúc khoan, lúc nhặt, lúc vui, lúc buồn, khiến cho người nghe không khỏi bồi hồi, xúc động.

Để miêu tả một cách xác thực hơn trận thuỷ chiến lịch sử này, nhà đạo diễn đã kết hợp sử dụng vừa cả hình ảnh tĩnh của những bức tranh cổ nói về sự cố này, vừa cho diễn lại một số màn, với cảnh trí thật, nhân vật thật do diễn viên đóng, và với những phương tiện hiện đại của điện ảnh, nhờ đó mà đã gây được cảm xúc tối đa nơi người xem, nhất là hình ảnh cuối cùng : bà hoàng thái hậu ẵm ông vua nhỏ, mới có bảy tuổi – vị vua cuối cùng của dòng họ Heiké – từ trên mũi thuyền nhảy xuống biển tự vẫn cùng với tất cả đám người hầu cận.

Hình ảnh cụ thể, tĩnh hay động, mà con mắt ta nhìn thấy được trong tác phẩm hội họa, hoặc tác phẩm điện ảnh, và *hình ảnh tưởng tượng* mà tác phẩm văn học gợi lên trong đầu óc chúng ta, cả hai đều có khả năng gây cảm xúc.

Sự khác nhau cơ bản giữa chúng, là ở chỗ : hình ảnh trong một bức tranh, hoặc trong một cuốn phim là hình ảnh đã được *định hình* một cách cụ thể trên mặt vải, hoặc trên phim (ngay cả trong hội họa trừu tượng, hoặc phi hình thể) ; còn hình ảnh trong văn học, ngược lại, là hình ảnh *tưởng tượng*, hình ảnh *mở*, chúng gợi lên trong trí tưởng tượng của mỗi người đọc một hình ảnh khác nhau, tùy theo khả năng cảm thụ, trình độ văn hoá, hay nhận thức chủ quan của người đó.

Văn Ngọc

Tìm chữ xuyên không gian Xibe

ĐD : Bài báo này không có tên tác giả, nó là một cuộc trao đổi trong không gian Xibe về chữ ‘paradigm(e)’, cùng tất cả sự nhầm lẫn, vui vẻ nhưng cũng vội vã của nó. Với hy vọng chúng mình một phong cách làm việc bổ ích trong thời đại mới, chúng tôi chép lại đây sau vài sửa đổi nhỏ cho dễ đọc. Các tên mượn phép không thật, tuy chỗ ở và thời gian thì thật. Các thư được xếp theo thứ tự lúc gửi nhưng không phải người viết thư sau lúc nào cũng đã đọc tất cả các thư trước. Chữ paradigm có lẽ tuy còn xa lạ với số đông độc giả nhưng hiện đang bắt đầu phổ biến trên báo chí Âu Mỹ, thí dụ trên nhật báo Le Monde ngày 22/03/2000 trong trang về khoa học xã hội.

Tựa : SOS Paradig...dig...digm

Thứ tư 01.03.2000, 08:55 GMT (giờ quốc tế), 09:55 GDP (giờ địa phương)

Người gửi : HT <---@---.Pháp>

Người nhận : KV <---@---.Pháp>

Anh KV,

Cái ám ảnh này chắc phải dứt khoát một lần. Gửi anh loạt thư sau về chữ *paradigm* để hỏi : *Mô thức* có được không ? tiếng Hán *mô* là gì và *thức* là gì. Tôi đánh mất Từ Điển Đào Duy Anh đã lâu, muốn tìm mua lại mà mấy lần không thấy. Muốn làm thuật ngữ mà không có từ điển thì hỏi ôi !

HT

5 thư đính kèm :

Thứ ba 29.02.2000, 11:51 GMT ; 18:51 GDP

Người gửi : TV <---@---.Việt Nam >

Người nhận : NL <----@----.Mỹ > ; HT <---@---.Pháp> ;

KT <---@---.Thụy sĩ > ; TB <---@---.Nhật >

... *paradigm* các anh gọi là gì cho hợp ? (chú thích : TV đang lo dịch thuật một tài liệu Tin Học từ tiếng Anh)

Thân, TV

Thứ ba 29.01.2000, 18:58 GMT, 19:58 GDP

Người gửi : HT <---@---.Pháp> ; Người nhận : nhóm trên

Thân gửi mọi người,

Về chữ *paradigm* tôi đã phải dịch nhiều lần để viết báo nên nay có thể trả lời ngay : chữ này nguyên là thuật ngữ trong ngành ngôn ngữ học cấu trúc để chỉ một khung cảnh ngữ nghĩa, thí dụ trong một câu : “ XXXX...YYYY ” trong đó XXXX và YYYY là khung cảnh còn *paradigm* là tập hợp những chữ có thể thay vào chỗ của “...”. Các nhà ngôn ngữ học dịch chữ này là *từ hệ*, và đối lập với *syntagm* là *từ đoạn*. Tức là *paradigm* chỉ một tập hợp từ ‘coherent’ theo hàng dọc và *syntagm* chỉ một tập hợp từ ‘coherent’ theo hàng ngang, theo đúng cú pháp (*syntax*).

Sau chữ này trở thành phổ biến theo quan điểm khoa học luận của Kuhn, trong đó mỗi thời có một khung cảnh khái niệm khoa học ‘coherent’ khác nhau mà ông cũng gọi là *paradigm*. từ đó chữ *paradigm* trở thành thông dụng và chỉ định một khung cảnh khái niệm nào đó trong bất cứ ngành gì, cần phải có để hiểu cái điều người ta đang bàn đến. Thí dụ như *Object oriented paradigm* có thể dịch là “ hệ ý niệm hướng sự vật ”.

Những cách dịch khác tôi thấy có thể là *ý hệ*, *hệ ý nghĩa*, *nghĩa hệ*, *hệ khái niệm*, *khung khái niệm* v.v. Tùy chọn và dùng quen thì sau sẽ bám rễ ! Cái chính là nội dung. Tôi cũng không hiểu sao tôi đã dùng *hệ ý niệm* ! *Hệ khái niệm* hay hơn, vì *ý niệm* có phần nào chủ quan, không khoa học bằng *khái niệm*. Có lẽ vì tiếc chữ *ý hệ* nếu muốn rút gọn.

HT

Thứ ba 29.02.2000, 19:22 GMT ; thứ tư 01.03, 04:22 GDP

Người gửi : TB <---@---.Nhật > ; Người nhận : nhóm nói trên

.... Tôi thấy chữ *hệ ý niệm* là hay, vì *khái niệm* gọi đến cái gì chính xác, được định nghĩa, được xác định. *Ý niệm* chỉ gì đó linh hoạt hơn, ít cụ thể hơn, nhưng lại được nối bằng *hệ* nên các *ý niệm* có liên kết với nhau. *Paradigm* là gì đó dẫn dắt suy nghĩ nhưng không thật cụ thể, như một mô hình, một khung mẫu ???

Vài dòng (không được rà soát kỹ) với các anh cho đỡ buồn ngủ. Xin nghỉ tiếp.

TB

Thứ ba 29.02.2000, 19:42 GMT, 11:42 GDP

Người gửi : NL <----@----. Mỹ > ; Người nhận : nhóm trên

HT cho anh em một dẫn giải khá đầy đủ về *paradigm*. Thanks! Lâu nay tôi né vụ dịch vì tôi không khá mực này. Nay xin kể thêm chút cho vui.

Trong sử dụng “thường nhật” (vì từ này ngày càng phổ biến – a “buzzword” at times), *paradigm* còn là : (*)

paradigm noun [C] formal a model of something, or a very clear and typical example of something

Usage samples:

a) *Feldman’s interview reads like a verbal exercise, almost setting itself up as a paradigm of the perfect interview.*

b) *Some of these educators are hoping to produce a change in the current cultural paradigm.*

c) *The scandal could stand as a paradigm for much of American political life.*

Thành thử, có người dịch *paradigm* là *mô thức* (khuôn mẫu ?)

Cheers, NL

(*) *Paradigm* : Danh từ (đếm được, hình thức) một khuôn mẫu hay một thí dụ rất rõ ràng và đặc thù về một điều gì đó.

Thí dụ sử dụng :

a) Bài phỏng vấn ông Feldman đọc như là một thao tác ngôn từ, đúng là ‘paradigm’ của một bài phỏng vấn tuyệt hảo.

b) Một số trong những nhà giáo dục đang hy vọng làm đổi thay cái ‘paradigm’ của văn hóa hiện hành.

c) Việc động trời này có thể trở thành một ‘paradigm’ của đời sống chính trị tại Mỹ.

Thứ tư 01.03.2000 , 00:44 GMT, 07:44 GDP

Người gửi : TV <----@----.Việt Nam>; Người nhận : nhóm trên

Giải thích của anh HT cung cấp được nhiều hiểu biết có ích về gốc gác và ý nghĩa của từ này. Tuy nhiên, chữ *hệ* thì rõ ràng nhưng về mặt từ có vẻ chưa tương xứng với từ tiếng Anh.

Mô thức có thể là một ứng cử viên chăng ? Nó là một từ đã có trong bảng từ, và cũng diễn tả được các ý như các anh nêu ra. Chỉ có điều trước đây nó được dùng với nghĩa hẹp. Bây giờ dùng nó theo nghĩa *paradigm* thì nó sẽ có nghĩa rộng và bao quát hơn.

TV

Tựa : Paradigmatically yours

Thứ năm, 02.03.2000 08:41 GMT ; 09:41 GDP

Người gửi : KV <----@----.Pháp>

Người nhận : Nhóm trên, cộng HV. (Kể từ đây tất cả đều nhận được mỗi thư, nên sẽ không ghi người nhận nữa.)

Thân gửi HT và các bạn (quen và chưa quen),

Hoàn toàn đồng ý với HT là nên cố gắng dứt điểm việc tạo từ cho... ý niệm *paradigm(e)*. Tối qua, tôi ngồi tụng niệm lại sách ngôn ngữ học và mấy cuốn từ điển, đặc biệt là cuốn Từ điển khoa học xã hội Anh-Hán (An English-Chinese Dictionary of Social Sciences (Nxb Haiyang, Beijing, 1992), nay xin trình bày lại vấn đề và đề nghị như sau :

1) Đúng như HT đã trình bày, trước Kuhn, *paradigm* chỉ lưu hành trong giới ngôn ngữ học. Nghĩa mà HT nêu lên là nghĩa thông dụng của ngôn ngữ học hiện đại (từ điển Robert ghi năm xuất hiện : 1943), Từ điển thuật ngữ KHXH Nga-Pháp-Việt của Viện Ngôn Ngữ Học (Hà Nội 1979) đưa ra hai thuật ngữ : *hệ biến hoá, hệ dọc*. *Hệ dọc* nôm na, và thể hiện được tính chất dọc, đối lập với tính chất ngang của *từ đoạn* (*syntagm*). Khuyết điểm : mất tính hệ thống ; *paradigm* với *syntagm* là một cặp đối lập, một từ gọi là *từ đoạn*, từ kia là *hệ dọc* thì chẳng còn liên quan gì nữa. Vì vậy mà tôi đã đề nghị, cách đây mấy năm, là *từ hệ* (nay tôi có đề nghị khác, sẽ nói ở dưới).

2) Tại sao TĐTN KHXH 1979 lại dùng *hệ biến hoá*, và Từ điển Anh-Hán 1992 : *từ hình biến hoá biểu* ? Mặt khác, trong nước đang phổ biến chữ *mô thức* (sau khi đề nghị *mô phạm* không được chấp nhận vì nó đã có nghĩa thông dụng rồi), cũng tương tự như hai từ *diễn phạm, phạm lệ* trong Từ điển Anh-Hán. *Mô, phạm, diễn* thì khá gần nhau, gợi lên cái ý : cái được nêu lên làm ví dụ, làm *modèle*, làm gương để mọi người noi theo (đây cũng trả lời câu hỏi về nghĩa của chữ *mô*). Thoạt trông không dính dáng gì tới khái niệm biến hoá cả. Tối qua, tôi mới lí giải được điều này. Trước khi các nhà ngôn ngữ học dùng *paradigm* theo nghĩa hiện đại, thì *paradigme* (nghĩa từ nguyên là thí dụ, là gương, là *mô hình*) chỉ định một từ được chọn trong nhiều từ để làm thí dụ cho sự *biến hoá*, “ biến hoá hình chữ ” trong từ pháp (morphologie) của các ngôn ngữ “ biến hình ”. Nói một cách nôm na : ngày xưa các cụ đồ La tinh phải học thuộc những bảng *déclinaison* ROSE, ROSA, ROSUM..., chúng ta học tiếng Pháp, Nga, Đức phải học thuộc các bảng CHIA động từ thông qua một động từ thí dụ , CHANTER là *mô hình* cho nhóm 1, FINIR cho nhóm 2 (của động từ tiếng Pháp...). Theo tôi hiểu, đó là nguồn gốc của hai tên gọi *mô thức* hay *biến hoá*. Bất luận thế nào, thì nghĩa này không liên quan gì tới khái niệm *paradigm* ngày nay

nữa.

3) Trở lại điểm 1 : nếu muốn giữ tính hệ thống của cặp *syntagm/paradigm* và giữ nguyên *từ đoạn* (*syntagm*) đã trở thành thông dụng (gần như một thuật ngữ khác là *cụm từ*, nhưng có sự khác biệt giữa *cụm từ* và *từ đoạn*), thì ta phải dùng sau chữ ‘từ...’ một từ Hán Việt nào đó. *Hệ* cũng được, nhưng chữ *hệ* ngày nay hàm ý một cấu trúc bao gồm nhiều mối liên hệ ít nhiều phức tạp. Đó là không kể, chắc HT còn nhớ, từ *từ hệ* ta chuyển thành *ý hệ*, sợ lẫn với *ý thức hệ*, nên mới đảo thành *hệ ý niệm*. Sau một đêm suy nghĩ, và lấy hứng từ chữ biểu (bảng) trong TĐ Anh-Hán, tôi đề nghị gọi *paradigm* là *từ biểu*. Tôi cũng nghĩ tới *từ tập*. (như trong *vựng tập* /catalog, *sưu tập* /collection), nhưng tập (=set, ensemble) có vẻ... hủ lớn quá, hỗn mang quá, chưa có cấu trúc gì cả ; biểu (=bảng, liste) có một kích thước chiều dọc nào đó... Nói vậy thôi chứ chẳng qua cũng chỉ là một cách rao hàng câu khách.

Khách hàng là chủ : vậy xin quý vị vui lòng cho biết ý kiến.

KV

Thứ năm, 02.03.2000 09:04 GMT ; 10:04 GDP

Người gửi KT <----@----.Thụy Sĩ >

Các anh thân mến,

KT chỉ xin một ý rất nhỏ : Chữ *paradigm* dùng trong một số bài viết về mô hình “hướng sự vật” (object oriented) trong tin học. KT không hiểu ý đằng sau của họ khi sử dụng từ này: (1) Người ta muốn bán nó “giá” cao hơn các mô hình trước đây để nói lên tính quan trọng của sự phát hiện này ? Muốn xem mô hình này là khuôn mẫu cho cách suy nghĩ, phân tích về phần mềm ? (2) Như là *hệ ý niệm, hệ khái niệm* mà không xác định như mô hình, khuôn mẫu như anh TB chú thích ?

Trong hạn hẹp của các bài viết tin học thì từ *hệ ý niệm* hoặc *hệ khái niệm* lại đạt yêu cầu. Từ *mô thức* có bất tiện là phải hiểu một ít tiếng Hán, dù ngày nay từ *mô hình, ý thức hệ* v.v. đã được phổ biến. Trong một cách nhìn liên quan đến ngôn ngữ học thì có lẽ *từ biểu* lại hay hơn....

Thân mến, KT

Thứ năm, 02.03.2000 15:27 GMT ; 07:27 GDP

Người gửi : NL <----@----. Mỹ >

Anh KV và các anh chị thân mến,

Thêm anh KV bàn vào nữa thì càng thêm hấp dẫn.

Càng đọc các ý kiến và cách dịch (nghĩa) khác nhau, tôi càng thấy cách dịch (sang tiếng Việt) của từ *paradigm* (cũng như một số thuật ngữ khác) còn mang theo với nó ngữ cảnh mà người dịch quan tâm (hay chịu ảnh hưởng). Tất cả thuật ngữ mang chữ ‘*từ*’ trong ấy vì vậy e rằng không lột được cái nghĩa của *paradigm* dùng trong bàn luận về công nghệ hay quản lí, kinh doanh.

Một đạo, *cụm từ paradigm shift* rất được thông dụng. Nó chỉ ra một thay đổi (chuyển hướng) trong cung cách hình dung, tư duy và xử lí quanh/về cái mô hình (về công nghệ thông tin, về tổ chức doanh nghiệp, về quản-trị - kinh-doanh,...) mà người ta vẫn quen thuộc. Tôi đoán, vì lí do đó có người dịch là *mô thức* (Nhờ anh KV nhắc tôi mới biết trong nước cũng dịch vậy – Tôi đọc đâu đó, thấy được, xong nhập tâm, quên cả nguồn).

Hay là phải chấp nhận nhiều cách dịch (theo chuyên ngành, theo

ngữ cảnh, và ngay cả theo formal/informal usages) cho paradigm ? Tôi có cảm tưởng quanh tôi, ở Mĩ, trong bối cảnh làm CNTT, thiên hạ vắng chữ này ra ngày càng thường.

Thân mến, NL

-TB: Thuật ngữ của nửa sau thập kỉ 90 có rất nhiều từ cũ mặc áo mới, do đó các từ điển cập nhật không kịp. Thêm nữa, quý vị làm IT và quý vị futurists thì cho chữ cũ, chữ thông dụng mang nội dung mới rất thường. Minh đầu đầu là phải.

NL

Thứ năm, 02.03.2000 16:30 GMT ; 17:30 GDP

Người gửi : HV <----@----.Pháp >

Cuộc thảo luận của các bạn càng ngày càng hấp dẫn...

Lập trường của tôi là : “ bình cũ rượu mới “ là việc bình thường trong ngôn ngữ. Đặc biệt trong toán học, việc này xảy ra rất thường. Những khái niệm mới, dùng quen sẽ thành cũ !

Thân mến, HV

Thứ năm, 02.03.2000 17:02 GMT ; 18:02 GDP

Người gửi : HT < ----@----.Pháp >

Thân gửi anh KV và các bạn.

Như vậy tôi đã nói bậy về nguyên nghĩa của chữ “paradigme” vì tôi tưởng chỉ có từ khi có ngôn ngữ học hiện đại. Thế mà trong nhà đã có sẵn cuốn Littré (in lại theo đúng xuất bản lần đầu năm 1887) bày trong tủ kính đằng hoàng. Sau ba phút sấm hối vội vàng mở ra xem chữ *paradigme* có không, thì chỉ có ba dòng như vậy : (dịch thoáng) “ *paradigme : Thuật ngữ văn phạm, thí dụ về biến hoá danh từ hay động từ : Le paradigme d'une conjugaison : bảng chỉ ra tất cả các dạng của một động từ. Gốc Hylap para, trước mắt ; và deigma, chỉ ra.*”

Mặt khác trong từ điển tiếng Pháp Robert năm 1988 thì đã có 2 nghĩa cho chữ này, 1) ghi chú văn phạm, thì giống như Littré , tức là cái hệ biến hoá ; còn 2) ghi chú ngôn ngữ học, thì viết : (1943) *tập hợp những từ có thể dùng tại một điểm trong một chuỗi từ*, tức là cái nghĩa hệ dọc. Mười năm trước đây ở Pháp chữ này chưa thành thời thượng và chưa được hiểu trong nghĩa của Kuhn, tạm gọi là nghĩa 3).

Sáng nay tôi lại lên Paris tìm cuốn từ điển Hán Việt Đào Duy Anh, thì may quá nhà sách Nam Á ở quận 13 lại có. Bền bụng về. Mở ra xem thấy chữ *Mô* là bất chước, chữ *Thức* có nhiều cách viết, một là “nhận biết”, hai là “kiểu mẫu”. Vậy có lẽ *mô thức* là cái kiểu mẫu để mà bất chước. Rất sát với nghĩa 1).

Bây giờ đọc lại đoạn định nghĩa và thí dụ mà NL trích dẫn thì thấy trong khu vực nói tiếng Anh có vẻ như *paradigm* được hiểu rất sát gốc Hy Lạp, và không chỉ dùng lại trong phạm vi văn phạm hay ngôn ngữ học như trong tiếng Pháp. Không biết các thí dụ a) và c) có phổ biến không hay chỉ là một cách nói có phần nào “pedantic” vì đây có thể thay bằng “example” hay “model”. Nhưng dù sao cũng là loại nghĩa 1) , tức là “mô thức”, cũng không thể dịch là hệ biến hoá được ! Thí dụ b) thì hoàn toàn khác với lời giải thích, vì đây phải được hiểu theo nghĩa hiện đại, nghĩa 3) đã thông tục hoá : *...current cultural paradigm có thể dịch là ... hệ ý niệm của văn hoá hiện hành.* Trong văn chương thì chắc chắn không thể mỗi chữ có một cách dịch duy nhất được, mà ngay trong thuật ngữ tôi nghĩ vẫn có thể mỗi ngành dùng một chữ khác nhau. Nếu đồng ý như vậy thì có

thể làm từ điển như sau :

paradigm :

1. (văn phạm) : mô thức, từ biểu giải thích ... thí dụ ...
2. (ngôn ngữ học) : từ biểu ... giải thích ... thí dụ ...
3. (Khoa học luận) : hệ ý niệm giải thích... thí dụ ...
4. (thông tục) : mô thức, khuôn mẫu, ... giải thích... thí dụ .

HT

Thứ năm, 02.03.2000 17:12 GMT ; 18:12 GDP

Người gửi : HT < ----@----.Pháp >

NL ơi,

...“paradigm shift” là quan điểm độc đáo và chủ đạo của Kuhn đấy. Đó là chuyển dịch hệ ý niệm chứ không thể là chuyển dịch mô thức được ! Tóm lại là “đến một lúc nào đó thì phải quan niệm lại toàn bộ những quan điểm trong một lãnh vực nào đó một cách khác”. Ai đó nếu đã dùng chữ mô thức trong trường hợp này thì đúng là đã dùng bình cũ cho rượu mới rồi.

HT

Thứ năm, 02.03.2000, 17:44 GMT ; 09:44 GDP

Người gửi : NL < ----@----.Mỹ >

HT thân mến,

Chữ *hệ ý niệm* rất bao quát, và diễn tả được từ *paradigm* mà mình bàn. Riêng về các từ thiên về ngữ học thì thiếu tính phổ quát thôi. Thư trước, có lẽ đó là điều chính mình muốn nói.

Đàng khác, mình vẫn hi vọng có được một chữ tương đối nhẹ cân hơn *hệ ý niệm*, để nó đời thường hơn. Có vậy thôi (tức ở mức độ sử dụng “formal” *hệ ý niệm* là một cách dịch khá hay).

Ngay trong khi bàn về Programming hay System analysis, thiên hạ vất chữ *paradigm* ra thường lắm. (Và TV đang vật nhau với bài về môi trường Java trong đó lại gặp *paradigm* – Trong một bài khác *paradigm* cũng được dùng nhiều lần !).

Tôi cũng đồng ý từ *mô thức* là bình cũ cho rượu mới ! Dĩ nhiên, trong cách dùng mới *mô thức* phải được hiểu là rượu mới. “Recycling” ngôn ngữ đôi lúc còn hàm chứa sức “sống” của chữ (hoặc là bí chữ mới :-)). Nói vậy chứ tôi thấy chữ *mô thức* cũng còn công kênh lắm.

Bàn về chữ xem ra tôi lại học được khá nhiều. Rất cảm ơn các anh chịu khó tra cứu sâu vào các ý niệm.

Thân mến, NL

Thứ năm, 02.03.2000 21:03 GMT ; 22:03 GDP

Người gửi : KT < ----@----.Thụy Sĩ >

Các anh thân mến,

Có một ý mà trong khi thảo luận với K, K có nhắc đến. Chữ *paradigm* (trong nghĩa đời thường) có hàm ý một mô hình tiêu biểu (trong ghi chú của anh NL có ý này. “A model of something, or a very clear and typical example of something”) KT nhớ lại các bài viết về OO thường đề cập : Mô hình OO đã thu tóm cả 2 cách nhìn về một sự vật - chức năng và dữ liệu (data) - . Vì thế mà họ dùng đến khái niệm *paradigm* chứ không dùng khái niệm “mô hình”.

Nếu hiểu từ “mô thức “ như thế thì đúng với nghĩa 4 của từ *paradigm* mà anh HT đưa ra. Vì thế, KT đồng ý với đề nghị của anh HT là nên có nhiều từ khác nhau cho *paradigm*.

Thân mến, KT

Tựa : Danh mục Tàn từ

Thứ năm, 02.03.2000 22:46 GMT ; 23:46 GDP

Người gửi : KV < ----@----.Pháp>

Thân gửi các bạn,

Tối nay được đọc một loạt thư của các bạn về vụ paradigm, tôi xin góp thêm một ít mắm muối :

1) Sáng nay tôi bàn là bàn về việc tạo từ VN cho khái niệm *paradigm* hiểu theo nghĩa ngôn ngữ học hiện đại và nghĩa khoa học luận (epistemologie) của Kuhn. Vì là thuật ngữ khoa học nên ta nên cố gắng áp dụng những nguyên tắc của thuật ngữ khoa học là : mỗi từ chỉ một sự vật, một ý niệm, giữa các từ liên quan phải có tính hệ thống, vân vân (xem *Lời dẫn* trong Hoàng Xuân Hãn, *Danh từ Khoa học*).

2) Như NL lưu ý, hiện nay đang có mốt bọ đầu cũng *paradigm shift*, như dân Mỹ bỏ ketchup vào mọi món ăn. Văn chương khoa học xã hội của Pháp trong thời gian qua cũng đầy rẫy *paradigm* và các thứ lảm nhảm khác. Cái mốt dùng thuật ngữ của ngôn ngữ học và cấu trúc luận, của khoa học tự nhiên, vào mọi ngành khoa học xã hội đã lan tràn từ thập niên 60, đặc biệt ở những tác giả không hiểu gì hết (cf vụ Sokal). Để dịch chữ này trong những bài luận văn kiểu này, tôi nghĩ nên quên thuật ngữ khoa học đi, tùy theo ngữ cảnh mà suy ra xem tác giả muốn nói gì rồi viết lại cho đúng. Hệ ý niệm, toàn bộ các ý niệm, hệ khái niệm, nếp tư duy cũ vân vân... thậm chí giữ nguyên cả chữ *paradigm* cũng chả chết ai.

Nhân cuộc thảo luận cụ thể và bổ ích ngày hôm nay, tôi càng thấy cần thiết phải tiến tới một cuốn từ điển “tàn từ” (neologism) Anh (Pháp) - Việt KHXH và liên ngành (bỏ ra ngoài những thuật ngữ riêng của mỗi bộ môn khoa học & kỹ thuật). Xin nhấn mạnh hai chữ tiến tới. Một cách tiến tới thuận tiện cho việc sơ thảo, bàn bạc và tham khảo có lẽ là đưa lên mạng. NL (hay ai khác) có thể bàn về biện pháp kỹ thuật được không ? Trước mắt, ta có thể bỏ vào đó : những từ Anh-Pháp mà ta không tìm thấy trong từ Việt tương đương + cộng những đề nghị nếu có.

Thôi, xin đi ngủ, để các bạn ở VN và Mỹ bàn tiếp.

Thân chào, KV

Thứ sáu, 03.03.2000 09:11 GMT ; 10:11 GDP

Người gửi : HT < ----@----.Pháp>

Mến gửi các bạn,

1. Tôi ủng hộ sáng kiến của anh KV.
2. Tôi nghĩ là trong trường hợp TV nêu ra thì *paradigm* không nên được coi là một thuật ngữ tin học, và như vậy, như NL nói, nên tìm một chữ nào cho “nhẹ cân, đời thường hơn”, và như thế thì dùng chữ *mô thức* hiểu trong nghĩa “ mô hình và cách thức” như TV đề nghị là hay và gọn. Thiếu số phục tùng đa số :-)).
3. Trong thời đại truyền thông và quảng cáo hiện nay thì ngôn ngữ lạm phát rất nhanh. Nhất là trong các ngành nhiều tiền như IT lại càng nhanh. Đó cũng là điều ta cần để ý. Vì cái cách “tiếp cận kiểu sự vật” có gì đâu mà phải đao to búa lớn, *paradich* với chả *paradiéc*. Để các anh không có trong ngành nắm vấn đề xin tóm gọn vài câu, dĩ nhiên sơ lược, “ở trong còn lảm điều hay”.
4. Trước đây trong ngành tin học quản lý có cuộc bàn cãi như sau : “nên tổ chức dữ liệu trước hay nên tổ chức các chương trình trước”, “trước” đây là đặt tầm quan trọng ưu tiên cho cái gì. Đại

khái kiểu như : “Danh từ có trước hay động từ có trước” :-))

Khoảng mười năm gần đây người ta đề nghị cách tiếp cận quân bình hơn, là suy nghĩ và thực hiện cùng một lúc trong một đơn vị chương trình một thể thống nhất gọi là “sự vật” (Objet) cũng như các sự vật của đời thường, gồm cả khía cạnh động và tĩnh (danh từ và động từ) tức là các dữ kiện và sự thao tác trên các dữ kiện ấy. Phương pháp làm việc như thế gọi là “cách tiếp cận kiểu sự vật” (Object Oriented Approach, gọi tắt là OO). Cách này tốt trong nhiều trường hợp, đem lại những hệ thông tin rẻ và có chất lượng cao, tức là làm ra tiền. Vì thế nên được quảng cáo rùm beng, thậm chí có người coi như đây là một cách tiếp cận rất mới mẻ và toàn bộ trong tin học. Một *paradigm shift* ! Tôi không nghĩ như vậy mà cũng rơi vào cái bẫy đó trong một thư trước. Thực ra theo tôi đây chỉ là việc trở lại cái “bon sens” khi mà những gò bó của kỹ thuật trước kia, làm cho con mắt người ta bị lệch lạc, đã biến mất. Trong khoa học luận người ta coi trong lịch sử chỉ có vài hiện tượng đáng gọi là “*paradigm shift*” thôi, chẳng hạn như các lý thuyết của Darwin, Einstein, lý thuyết “các lục địa trôi” ...

5. Tuy nhiên, có lẽ việc người ta tung “*paradigm*” ra tùm lum cũng có lý do xã hội của nó, ngoài các vị viết lấy được mà chắc thời gian sẽ bỏ qua, tôi nghĩ chữ *paradigm shift* phần nào thể hiện sự hoang mang về tư tưởng chung của thời đại, trong nhiều ngành người ta mơ hồ thấy cần thiết những cách nghĩ và cách làm mới. Vì vậy có một chữ ngắn gọn cho “cách nghĩ và cách làm” (*paradigm* - mô thức), “đổi mới cách nghĩ và cách làm” (*paradigm shift* - đổi mới mô thức), cũng là điều hay.

6. Và lại, việc các thuật ngữ khoa học được thông tục hoá là việc nên khuyến khích vì, trong chừng mực nào, nó thể hiện tiến bộ trong ngôn ngữ và văn hoá nói chung. Nhưng dĩ nhiên cần thận trọng và chọn lọc, nhất là trong hoàn cảnh hiện nay, khi cái chữ mình còn chưa biết nó đã bị “hủ hoá” rồi ! Vì thế dùng nhiều chữ khác nhau cho những ngữ cảnh khác nhau cũng là để có được một tiếng Việt hiện đại và dễ viết, dễ hiểu.

7. Có thể tạm kết luận như vậy được chưa ??

HT

Thứ sáu, 03.03.2000 10:16 GMT 11:16 GDP

Người gửi : KT < ----@----.Thụy Sĩ>

Anh HT và các anh thân mến,

... Cuối cùng do tò mò đối với tiếng Đức về chữ này KT có tra thử từ điển, trong nghĩa “thông tục” :

Các chuyện ngụ ngôn về đạo đức (như một thí dụ điển hình) cũng được gọi là “*paradigma*”. Nó rất đúng với ý nghĩa đầu tiên mà anh HT đã cho trong một áp dụng khác.

Vì thế chữ *paradigm* cũng không có gì “to lớn”, cũng như phát hiện OO vậy !

Thân mến, KT

Thứ sáu, 03.03.2000 14:00 GMT ; 21:00 GDP

Người gửi : TV < ----@----.Việt Nam>

Các anh thân mến,

Ý kiến anh KV rất xác đáng và cần thiết. Chúng ta nên xúc tiến công việc này dần là vừa.

Thân mến, TV

u

Trần Hạnh

HỒI TƯỞNG

Hồi tưởng ngôi nhà ở Huế...

... nơi đã nghe những tiếng khóc tiếng cười đầu tiên trong đời trở thành những tiếng bập bẹ...

... nơi ký ức đây hình ảnh nhạt nhoè thuở ban sơ dần dần đậm nét thành những câu chuyện có đầu có đuôi...

... nơi mỗi năm hồi hộp đón chờ tiếng pháo đầu tiên trong không gian sực mùi trầm hương mùi hoa quả...

... nơi đôi môi con trẻ lấp bắp những lời chúc lời hứa ngây ngô... nâng niu những phong bì lì xì đỏ thắm phẳng phiu...

... nơi những ngón tay còn dính đường mứt dừa mứt bí vuốt ve những tờ năm đồng còn thơm mùi giấy mùi mực... háo hức...

... nơi con heo đất ngai ngái mùi sơn dòm hoài không thấy mập nhưng vẫn lèng cà lèng keng với những hứa hẹn giàu sang.

... nơi đêm đêm nghe tiếng đại bác ì ầm vọng về trong tiếng nôi kéo kẹt theo tiếng ru à ơ của Mẹ...

... nơi đã chơi những trò trốn tìm, đánh đu, nhảy dù, lò cò, đánh cã, đánh cờ ô, tán nắp ken, tán mạng, búng dây thun, búng tai... suốt ngày chí choé...

... nơi trên giàn mướp con ve sấu dính mũ mít ở ngọn chiếc cần câu... xoành xoạch vẫy vùng trong vô vọng...

... nơi mỗi buổi sáng bắc thang leo lên chái nhà thăm tổ chim... những con se sẻ trần trụi choen choét há mỏ... những đôi cánh vừa thô vừa xinh run rẩy... những con mắt lồi thâm quầng chưa mở hẳn...

... nơi bán chim, đập đĩa tát cá, trộm ổi, bẻ măng, liệng gạch lên nóc nhà hàng xóm, chọc chó sủa ăng ẳng cho vui...

... nơi mỗi buổi trưa trốn ngủ đi chơi rông... Mẹ ngửi tóc thấy khét mùi nắng véo tai đỏ tía...

... nơi những đêm giông bão nghe gió hú vi vu qua những cánh cửa lá sách... trùm mền kín mít cầm cập trấn an nhau “ma mô mà ma... đừng nói tâm bậy!”

... nơi đêm hôm khuya khoát nghe Mẹ kể chuyện cầu hồn cậu Hoàng chết hồi đánh Tây... nửa thật nửa hư... rừng mình sơn ốc... không dám thò chân xuống giường khươ đôi dép...

... nơi những đêm trong ánh đèn lù mù nhìn làn khói xanh uốn éo bay lên từ đầu giường Cẩm Lệ chấp chờn của Mẹ... nhớ Ba nước mắt rung rung... trên trần nhà con thần lẩn tắc lưỡi như thương như cảm...

... nơi tiếng đôi lóng tre lách cách đánh nhịp cho tiếng rao ơ ngán nga trong đêm khuya thoang thoảng mùi khói mật cửa lẩn mùi hành mùi phở...

... nơi những buổi chiều đón mấy bà gánh thúng kéo kẹt từ dưới Thuận An lên... mùi nồng mặn của biển, mùi tanh của mấy con cá nục cá ngừ hứa hẹn những buổi cơm chiều có món kho nước... vừa thơm vừa ngọt vừa cay...

... nơi mắc cỡ điếng người khi Mẹ phơi tấm chiếu ướt sũng đêm qua bên hông nhà cho con nít hàng xóm trông cười. Trong muôn vàn cái xấu hổ của thời con trẻ, không có gì ê chề hơn đái mế.

... nơi chứng kiến những băng khuàng mơ mộng của thời vỡ giọng... nơi trái tim từng đập nhanh... khi thấy mái tóc thề đen nhánh lò xoà trong gió... con gái nhà ai thoăn thoắt trên con đường bên kia hồ rau muống...

... nơi mùi bắp mùi đậu rang thơm ngây trong tiếng mưa lộp rộp trên mái tôn xen lẫn tiếng huyền thuyên của bạn bè tụ tập với nhau trong những ngày mưa... chờ khi tạnh để đi ra Đập Đá ngắm sông Hương cuộn cuộn trong mùa nước lớn...

... nơi anh Tuấn dạy kèm bị công an ông Cảnh bắt đi mất tích... chắc bị đưa lên Chín Hầm như người ta đồn đại... nơi chưa biết sợ mất tự do mà chỉ sợ không còn ai cừ khôi để dạy toán dạy bản bi nữa...

... nơi chứng kiến ngày đảo chánh trọng đại... nào quân hành nào giới nghiêm nào binh lính nào súng nào xe... nơi ngõ ngang trước thế giới phức tạp của người lớn...

... nơi từ nóc nhà ngó qua sân vận động thấy ông Cảnh bị bịt mắt trói cột trước đám đông... rồi gục ngoẹo sau tràng đạn của tiểu đội hành quyết... nơi lần đầu tiên thấy người giết người có kiểu có cách...

... nơi bắt đầu lo âu về chuyện người lớn... về chiến tranh... biệt ly ... tang tóc... nơi bắt đầu sợ có ngày ảnh của Ba bị đưa lên bàn thờ.

... nơi chôn giấu cuốn nhật ký năm cuối tiểu học như để thoát ly những dòng chữ vụng về non dại của tuổi thiếu thời...

... nơi ra đi không kịp chia tay... mà có kịp cũng chẳng biết nói gì - khi chưa hề biết dùng ba chữ còn nghe chùng quạ người lớn đó...

... Lớn lên... ra đi...

... nơi năm Mậu Thân từ xa quay quắt gửi gắm nỗi đau về... không biết người thân ai còn ai mất... nơi bàng

hoàng trước tin về những nắm mồ tập thể... nơi người bên này giết người bên kia như không thấy ghê tay...

... nơi chỉ còn là những hình ảnh lơ mờ trên màn ảnh truyền hình... câu Trạng Tiên gục xuống dòng sông vẫn đục những bùn, những máu và nước mắt của người dân Huế...

... nơi chỉ còn là những ký ức riêng tư hoà trộn với nỗi đau thương chung trên những trang giấy dầm nước mắt của Mưa Trên Cây Sầu Đông... Đêm Nghe Tiếng Đại Bác... Tình Ca cho Huế Đổ Nát... Giải Khăn Sô Cho Huế. Nhã Ca như viết cho riêng mình... ngậm ngùi thấm thía...

... Lớn lên nữa... ra đi nữa...

Trở về cố hương sau mười tám năm biệt. Huế năm chín mươi sao quá nhỏ bé, quá đói nghèo, quá lụp xụp. Tội nghiệp cho Huế mình ! Tìm về ngôi nhà xưa... mà nghe đâu bây giờ có gia đình cán bộ nào đang ở từ sau hồi bảy lăm. Ngạc nhiên vì không nhận ra con đường ngày cũ. Phải len lỏi qua nhiều hàng quán tạm bợ che lấp mặt tiền mới tìm ra nhà mình. Rồi thập thò nhìn trộm – nhà mình nay đã là nhà người ta. Chỉ còn nhận ra được cái hiên nhà nhỏ hẹp, cũ kỹ, tiêu điều. Vườn tược cũng đã bị lấn mất. Những tường là cảnh cũ sẽ làm sống lại những gì gần gũi... mà sao bỗng thấy xa lạ lạc lõng quá. Thấy một người đàn ông ở trần trùng trực đứng tựa cửa... phân vân không biết có nên xin phép vào thăm hay không. Phải ăn nói như thế nào cho khéo. Lấm la lấm lét... rồi quây lung... ngậm ngùi.

Không biết tại sao, trong giây phút đó, với ký ức của cả một thời niên thiếu, mà mình chỉ mong có mỗi một điều là được nhìn lại cái cạnh tường giữa nhà trên và nhà dưới, nơi có những lần viết chì ghi chiều cao mỗi năm của Cu Anh, Cu Em, Cu Tí, Cu Ti, Cu Minh. Nơi cạnh tường sứt sọc đen sì vì cáu ghét ấy, dù có bị quả măng roi vọt bao nhiêu, năm tháng con trai đầu của Mẹ vẫn không bỏ cái thói gớm ghiếc là cọ lung đẩy rôm sảy vào đó.

Suốt gần ba mươi năm tha hương, thay nhà hơn một chục lần, ký ức về những nơi đó không còn đậm đà như về ngôi nhà ở Huế. Đúng như người ta nói : ăn nhờ ở đậu. Có nhớ chăng là nhớ những yêu những ghét trong một khung cảnh nào đó mà thôi. Rồi hai đứa con ra đời ở Úc. Mới bèn hơi ngôi nhà ở South Caulfield thì lại phải tay bồng tay bế khăn gói lên đường. Hoài bão thôi thúc, nghiệp chướng đẩy đưa. Hy vọng là hai con chưa đủ khôn để cảm thấy nỗi buồn xa nơi chôn nhau cắt rốn.

Ba mươi năm ấy của cuộc đời phiêu du có biết bao nhiêu kỷ niệm đẹp về những nơi ăn ở – những giây phút ngọc ngà bên khung cửa sổ, trong góc vườn, dưới tia nắng xiên khoai. Rồi cũng có những khoảnh khắc đầy âm thanh không định vị – như róc rách của mưa, như thì thào của gió, như tí tách của củi lửa, như rập rập của những chuyến tàu đêm. Nhưng không dám nhớ, không dám thương cho hết.

Trong vô vàn món hành trang của một đời tha hương, nhẹ nhất là ký ức, nhưng nặng nề nhất cũng là ký ức. Ký ức chông chất – không tránh khỏi cái còn cái mất. Ký ức chắc cũng như tán cây. Tán chỉ lớn bằng rễ – rễ không ăn sâu thì tán làm sao toả rộng được. Như bản năng sinh tồn thôi thúc... không dám cưu mang. Cuốn nhật ký đốt đi thời mới lớn ở Huế là điềm báo cho một kiếp sống phiêu bạt.

Từ triết lý nhà Phật đến những quan sát vạn vật, hay suy tưởng vẩn vơ về luân hồi và số kiếp, ước mơ trở về mái nhà xưa có phải chỉ là bản năng ? Như những con lươn, con cá hồi lội ngược dòng về nguồn... để hoàn tất chu kỳ sinh lão bệnh tử. Như những con rùa – dù bốn ba năm châu bốn bể – tới hồi đẻ trứng vẫn phải tìm về bãi biển hoang vắng một đêm trăng non nơi mở mắt chào đời. Nhưng nỗi thôi thúc để tìm lại ký ức chắc phải khác. Có lẽ đó chỉ là một tò mò muốn đánh thức cái cảm giác dường như đã hoá thạch qua năm tháng, như để chứng minh sự hiện hữu của một ký ức của một quãng đời xa xăm, như muốn tìm đến bình an trong thực chất tâm hồn mình.

Hồi tưởng về ngôi nhà ở Huế...

Không biết họ là ai – những người sống trong nhà mình từ sau bảy lăm... Chắc họ cũng đã có ít nhiều ký ức về nơi ấy. Nếu không phải là mái nhà do chính bàn tay của họ xây nên với mồ hôi nước mắt... thì không biết ký ức của họ có phải là những gì thân thương về nơi chôn nhau cắt rốn, hay chỉ là những gì cần phải quên đi của một thời ăn nhờ ở đậu. Không biết... đến một lúc nào đó, ký ức của họ thay thế được ký ức của mình. Không biết... có ngày nào đó trở về quê nhà, sẽ không còn cái cảm giác lạc lõng – vì quê thì còn nhưng nhà đã mất.

Bốn mươi sáu tuổi đời. Ba mươi năm xa Huế. Vẫn tìm về mái nhà xưa trong tâm tưởng. Vẫn muốn cọ lung vào cạnh tường lở năm xưa.

Trần Hạnh

Luân Đôn - Tết Canh Thìn

Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đổ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Ba Lan : điện thoại di động 0-602 394063

địa chỉ điện tử ldloc@friko6.onet.pl

Thẻ lệ mua báo : xin coi trang 3.

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, ABC, TCVN, VPS, PDT, ABC,...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)